TUẦN 19

Tiếng Việt

Đọc: HẢI THƯỢNG LÃN ÔNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Hải Thượng Lãn Ông.*
- Biết nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng.
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ như: nghề y, danh y.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: yêu thương, chia sẻ

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- Giới thiệu tranh vẽ của chủ điểm *Sống để yêu thương.*	- HS quan sát, nêu nội dung tranh.
- GV gọi HS chia sẻ suy nghĩ của mình về chủ điểm mới. + Tranh chủ điểm có nhiều hình ảnh về tình yêu thương: bạn nhỏ dắt cụ già đi đường, bạn nhỏ đỡ bạn bị ngã, bạn nhỏ vuốt ve con mèo con, bố cầm ô che nắng cho hai bố con,...	- HS trả lời.
- GV giới thiệu bài đọc *Hải Thượng Lãn Ông* + ghi bài.	- Lắng nghe – ghi bài.
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- Bài chia làm mấy đoạn? *+ Đoạn 1: từ đầu ... giúp dân.* *Đoạn 2: tiếp ... không lấy tiền.* *Đoạn 3: tiếp ... dầu đèn.* *Đoạn 4: còn lại.*	- HS trả lời
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(lên kinh*	- HS đọc nối tiếp

đô, trèo đèo lội suối,...) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	
- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Bên cạnh việc làm thuốc,/ chữa bệnh,/ Hải Thượng Lãn Ông cũng dành nhiều công sức nghiên cứu,/ viết sách,/để lại cho đời nhiều tác phẩm lớn,/ có giá trị về y học,/ văn hoá/ và lịch sử.* + Nhấn giọng ở một số từ ngữ chứa thông tin quan trọng trong câu: *Hải Thượng Lãn Ông là một thầy thuốc nổi tiếng của nước ta ở thế kỉ XVII.*	- HS lắng nghe và đọc.
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài: - Câu 1: *Hải Thượng Lãn Ông là ai? Vì sao ông quyết học nghề y?*	- HS trao đổi nhóm 2 và trả lời
- GV cho HS quan sát hình ảnh của thầy thuốc Lê Hữu Trác.	- HS chỉ tranh và giới thiệu
- Câu 2. *Hải Thượng Lãn Ông đã học nghề y như thế nào?*	- HS trả lời
- Câu 3*: Những chi tiết nào cho thấy ông rất thương người nghèo?* - Câu 4: *Vì sao Hải Thượng Lãn Ông được coi là một bậc danh y của Việt Nam?*	- HS thảo luận nhóm và trả lời
- Yêu cầu HS xác định chủ đề chính của bài đọc. Lựa chọn đáp án đúng. (Đáp án C) - Cho xem một số hình ảnh về các con đường, trường học, ... mang tên Lê Hữu Trác và Hải Thượng Lãn Ông. - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS trả lời.
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc nhóm, HS thi đọc.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về nghề thầy thuốc nói chung và thầy thuốc Hải Thượng Lãn Ông nói riêng? - Nhận xét tiết học.	- HS trả lời.

- Sưu tầm tranh, ảnh, bài viết về các thầy thuốc.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cấu tạo của câu: Chữ cái đầu viết hoa, cuối câu có dấu kết thúc câu.
- Câu thường diễn đạt một ý trọn vẹn.
- Từ ngữ trong câu cần được sắp xếp theo thứ tự hợp lí.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, màn chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu HS đặt câu về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm lên bảng.	- 4 học sinh lên bảng.
- Yêu cầu HS nêu tác dụng của các loại câu đó. *+ Câu kể: dùng để tả, giới thiệu* *Câu hỏi: dùng để hỏi.* *Câu khiến: dùng để yêu cầu.* *Câu cảm: dùng để bày tỏ cảm xúc.*	- HS trả lời.
- Yêu cầu HS nhận xét về hình thức của mỗi câu. *+ Đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm, chấm hỏi, chấm than.*	- HS trả lời.
- Nhận xét, tuyên dương.	- Lắng nghe.
- Giới thiệu bài – ghi bài	- Ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1: Đoạn văn sau có mấy câu? Nhờ đâu em biết như vậy?**	

- Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu làm việc cá nhân trước khi trao đổi theo cặp. - GV mời HS đại diện nhóm phát biểu *+ Đoạn văn có 6 câu. Các câu được viết hoa chữ cái đầu và cuối câu có dấu kết thúc câu.* - GV chốt: *Chữ cái đầu câu luôn viết hoa, cuối câu có dấu kết thúc câu* **Bài 2: Xét các kết hợp từ, cho biết trường hợp nào là câu, trường hợp nào chưa phải là câu. Vì sao?** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS quan sát tranh, miêu tả nội dung tranh và đọc các thẻ chữ. - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2. - Gọi đại diện nhóm giải thích cách xếp các từ. - GV chốt: Để người khác hiểu được mình thì ta cần viết hoặc nói câu đầy đủ ý. **Bài 3: Sắp xếp các từ ngữ thành câu và viết câu vào vở.** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS viết câu vào vở: - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. (lưu ý: câu 1 và 4 chỉ có 1 cách sắp xếp, câu 2 và 3 có nhiều cách.) - GV chốt: các từ ngữ trong câu cần được sắp xếp hợp lí. **Bài 4: Dựa vào tranh để đặt câu.** - Gọi HS miêu tả tranh. - Yêu cầu HS làm việc nhóm. - Nhận xét, đánh giá. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - HS viết một đoạn hội thoại có cả 4 kiểu câu.	- HS đọc - HS trả lời. - HS làm việc. - HS trả lời: - HS nêu - HS thực hiện yêu cầu. - HS thảo luận nhóm. - Giải thích bài làm. - Ghi nhớ. - HS đọc - HS viết câu vào vở - HS thực hiện - Lắng nghe. - Làm việc nhóm - Làm bài và đọc trước lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc gồm phần mở đầu, phần triển khai và phần kết thúc.
- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, màn chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu HS nêu lại cấu tạo của đoạn văn.	- HS trả lời.
- Yêu cầu HS nêu một số từ ngữ biểu đạt cảm xúc, tình cảm.	- HS nêu nối tiếp nhau.
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- Ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:	
a. Bài 1.	- HS viết bài vào vở.
- GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của bài.	
- Yêu cầu HS làm việc nhóm 4.	
- GV quan sát, hỗ trợ HS.	
- Yêu cầu HS đọc kết quả nhóm, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS soát lỗi và sửa lỗi.
- Chốt: *Đoạn văn thường gồm 3 phần: phần mở đầu, phần triển khai và phần kết thúc. Khi viết, ta lưu ý mỗi phần sẽ có nội dung tương ứng và có chứa từ ngữ biểu đạt tình cảm, cảm xúc.*	- Lắng nghe.

Bài 2. - Yêu cầu HS đọc yêu cầu. - Yêu cầu HS làm việc nhóm 2. - Yêu cầu HS nêu kết quả thảo luận. ***Ghi nhớ.*** - GV đưa nội dung phần ghi nhớ và yêu cầu HS đọc. ***c. Bài 3*** - Yêu cầu HS viết đoạn văn nêu cảm xúc về Hải Thượng Lãn Ông. - GV chiếu bài của HS lên và chữa. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn em viết.	 - Đọc yêu cầu. - Làm việc nhóm 2 - Nêu kết quả - Đọc ghi nhớ. - Viết vào vở. - Chữa bài. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: VỆT PHẤN TRÊN MẶT BÀN (tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Vệt phấn rên mặt bàn.*
- Hiểu được nội dung bài: Tình cảm bạn bè là tài sản vô giá, cần biết nâng niu, trân trọng, cần biết thông cảm với những khó khăn của bạn và tìm cách giúp đỡ.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời miêu tả tâm trạng của nhân vật trong câu chuyện.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: đồng cảm, chia sẻ, biết giúp đỡ bạn bè.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV gọi HS đọc bài *Hải Thượng Lãn Ông* nối tiếp theo đoạn và trả lời một số câu hỏi.	- HS đọc nối tiếp và trả lời câu hỏi.
- GV nhận xét.	- HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức:	
a. Giới thiệu bài	
- Yêu cầu HS trao đổi theo nhóm kể về việc tốt em đã làm cho bạn và chia sẻ cảm xúc khi đó.	- HS trao đổi trong nhóm.
- Gọi đại diện nhóm kể chuyện và nêu cảm xúc.	- Lựa chọn câu chuện hay nhất để kể.
b. Luyện đọc:	
- GV đọc mẫu toàn bài.	- HS lắng nghe, theo dõi
- Bài có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời.
+ Bài chia làm 3 đoạn: *Đoạn 1: từ đầu đến thật vui vẻ.* *Đoạn 2: tiếp đến hết một tuần.* *Đoạn 3: đoạn còn lại*	- HS đọc nối tiếp
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó.	- HS thực hiện
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	
- Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để hỏi; từ ngữ thể hiện cảm xúc.	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- Câu 1. *Minh có suy nghĩ gì khi cô giáo xếp Thi Ca ngồi cạnh mình?* + Yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân rồi trao đổi với bạn bên cạnh về câu trả lời.	- HS suy nghĩ cá nhân rồi trao đổi với bạn sau đó trả lời.
- Câu 2. *Điều gì làm Minh bực mình khi ngồi chung bàn với Thi Ca?* + Yêu cầu HS suy nghĩ cá nhân rồi trao đổi với bạn bên cạnh về câu trả lời.	- HS suy nghĩ cá nhân rồi trao đổi với bạn sau đó trả lời.
- Câu 3. *Khi đang viết thì bị Thi Ca động vào tay, Minh đã làm những gì?* + HS tìm thông tin và trả lời.	- HS suy nghĩ cá nhân rồi trả lời.

- Câu 4. *Khi biết tin Thi Ca đi bệnh viện chữa tay, Minh đã có những thay đổi gì trong suy nghĩ và hành động?* + HS tìm thông tin và trả lời.	- HS suy nghĩ cá nhân rồi trả lời.
- Câu 5. *Tóm tắt câu chuyện bằng 7 – 8 câu.* - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS làm việc nhóm 4.
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Cho HS đóng kịch bài đọc - GV cùng HS nhận xét. - Nhận xét tiết học.	- HS làm việc nhanh chia vai và đóng kịch.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

LUYỆN TẬP THEO VĂN BẢN ĐỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Phát hiện được từ loại: tính từ chỉ đặc điểm của sự vật và tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động trong đoạn văn.
- Biết sử dụng tính từ phù hợp để đặt câu đúng yêu cầu của bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, màn chiếu.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV giới thiệu bài + ghi bài	- HS lắng nghe + ghi bài
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV gọi HS nhắc lại kiến thức về tính từ	- HS nhắc lại kiến thức.

chỉ đặc điểm của sự vật và tính từ chỉ đặc điểm của hoạt động. - GV yêu cầu HS đọc yêu cầu của các bài tập và hoạt động cá nhân trong vòng 10 phút. - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm khoảng 10 phút để thống nhất. - GV gọi đại diện nhóm nêu bài làm. - GV và HS nhận xét, chốt đáp án. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Đặt một câu về một bạn học của em, một thành viên trong gia đình em, một sự vật trong trường học, … trong đó có dùng tính từ. - Nhận xét tiết học	 - Làm việc cá nhân. - Làm việc nhóm - Nêu kết quả - Nhận xét. - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT NGƯỜI GẦN GŨI, THÂN THIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một người gần gũi, thân thiết.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, màn chiếu
- HS: sgk, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV nêu một số câu hỏi: *+ Nêu một số từ biểu thị tình cảm, cảm xúc?* *+ Con hiểu thế nào là người thân thiết, gần gũi?*	 - HS trả lời.

- GV giới thiệu + ghi bài.	- Ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV gọi HS đọc đề bài và yêu cầu HS gạch chân từ khóa.	- HS đọc và gạch chân từ khóa
a. Chuẩn bị	
- GV gọi HS đọc phần chuẩn bị (câu hỏi gợi ý).	- HS đọc.
+ Yêu cầu HS suy nghĩ về người thân thiết, gần gũi mà mình muốn bày tỏ tình cảm.	- HS suy nghĩ về người thân.
b. Tìm ý	
- GV gọi 3 HS đọc 3 phần của mục "tìm ý".	- 3 HS đọc
- Yêu cầu HS nháp nhanh một số ý cần viết trong bài.	- Nháp nhanh các ý.
c. Góp ý và chỉnh sửa	
- Cho HS làm việc nhóm sửa ý cho nhau.	- Làm việc nhóm
- GV gọi một số HS đọc bài tìm ý của mình cho cả lớp nghe.	- HS đọc bài
- GV và cả lớp nhận xét.	- Nhận xét
- GV yêu cầu HS hoàn thiện bài tìm ý của mình.	- Hoàn thiện bài.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy chia sẻ với người thân về những ý mình tìm được trong bài học.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: GIÚP BẠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS nói được những ý kiến riêng có sức thuyết phục người khác.
- Biết tìm đọc những câu chuyện về tình yêu thương.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: yêu thương, trách nhiệm, biết chia sẻ.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, màn chiếu
- HS: sgk, vở

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV nêu một số câu hỏi: *+ Theo con, thế nào là "người có hoàn cảnh khó khăn?* *+ Nêu một số người có hoàn cảnh khó khăn mà con biết.*	- HS trả lời.
- GV giới thiệu + ghi bài.	- Ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV gọi HS đọc yêu cầu và gạch chân từ khóa.	- HS đọc và gạch chân từ khóa
a. Chuẩn bị	
- GV gọi HS đọc phần chuẩn bị.	- HS đọc.
+ Yêu cầu HS làm việc nhóm, chuẩn bị danh sách các bạn (hoặc người quen, người được biết trên báo đài, …) có hoàn cảnh khó khăn và thông tin về người đó.	- HS ghi lại thông tin ra giấy nháp
b. Thảo luận	
- GV yêu cầu HS cử 1 bạn chủ trì thảo luận và 1 bạn thư kí ghi chép.	- HS cử thành viên chủ trì và thư kí.
- Yêu cầu các nhóm đọc danh sách người cần giúp đỡ.	- Đọc danh sách và thông tin.
- GV hướng dẫn HS chủ trì đặt câu hỏi để lớp thảo luận. Ví dụ: *+ Bạn hãy nêu thông tin, hoàn cảnh của người mà nhóm bạn đề xuất cần giúp đỡ.* *+ Các bạn nghĩ chúng ta nên làm gì để giúp đỡ họ? (tặng sách, vở, quần áo, viết thư động viên, ...)* *+ Ai đồng ý thì giơ tay biểu quyết.* + Chốt kết quả thảo luận.	- Thảo luận theo các câu hỏi gợi ý.
c. Trao đổi, góp ý	
- GV hướng dẫn HS trao đổi, góp ý cho hoạt động thảo luận.	- Góp ý

+ Các ý kiến trao đổi có ngắn gọn, rõ ràng không? *+ Những người phát biểu có điệu bộ, cử chỉ có phù hợp không?* *+ Những người tham gia có chú ý lắng nghe ý kiến của người khác không?* - Nhận xét, rút kinh nghiệm **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nhận xét tiết học. - Em hãy suy nghĩ xem sẽ nói gì để vận động người thân cùng tham gia giúp đỡ bạn. - Kể cho người thân nghe về cuộc thảo luận ngày hôm nay. - Tìm đọc câu chuyện về tình yêu thương.	- Lắng nghe - HS lắng nghe - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 20

Tiếng Việt

Đọc: ÔNG BỤT ĐÃ ĐẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện *Ông Bụt đã đến,* biết thể hiện cảm xúc theo đúng lời của mỗi nhân vật trong câu chuyện, đặc biệt là nhân vật có bé Mai và mẹ của Mai; có giọng đọc phân biệt lời nhân vật và lời người dẫn truyện.
- Hiểu được nội dung câu chuyện, nhớ các tình tiết cơ bản của câu chuyện.
- Biết nhận xét, đánh giá về các nhận vật cô bé Mai và ông nhạc sĩ trong câu chuyện.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: Biết trân trọng ước mơ của bản thân, bạn bè và những người xung quanh.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS quan sát tranh, nêu nội dung tranh (Tranh trong SGK) - GV yêu cầu HS trả lời nhanh câu hỏi: Nếu trên đời có ông Bụt con sẽ muốn ông Bụt tặng con điều gì? - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài **2. Hình thành kiến thức:** *a. Luyện đọc:* - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? *(3 đoạn: Đoạn 1: từ đầu ..... cảnh tượng ấy; đoạn 2* tiếp ..... *xin lỗi ông đi; đoạn 3* phần còn lại). - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(rung rinh, dập dìu, nhành hoa,....).* - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: + Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật người mẹ và nhân vật Mai, nhất là phần đối thoại ở đoạn 2. - Cho HS luyện đọc theo nhóm 3. - Yêu cầu 1 đến 2 nhóm đọc trước lớp. HS khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương HS. *b. Tìm hiểu bài:* - YC HS đọc các câu hỏi cuối bài. - YC HS thảo luận nhóm 4 trả lời từng câu hỏi. Sau đó YC HS chia sẻ kết quả thảo luận. ? Những chi tiết nào cho thấy Mai rất yêu hoa? *(Lan thích mấy chậu hoa. Thường ngắm nghía chúng mỗi sáng, bắt sâu cho hoa và hồi hộp chờ xem hao nở, sững sờ trước vẻ đẹp của nhành lan)* ? Mai đã sơ ý gây ra chuyện gì? *(Mai đã*	- HS quan sát, lắng nghe. - HS chia sẻ - HS đọc - HS chia sẻ. - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS đọc. HS khác nhận xét bạn đọc. - HS lắng nghe. - HS đọc hệ thống câu hỏi trong SGK. - HS thảo luận, chia sẻ - HS trả lời. - HS trả lời.

sơ ý làm gãy một nhành lan trong khóm hoa lan của nhà ông nhạc sĩ. Mà ông nhạc sĩ lại là người rất yêu hoa). ? Vì sao ông nhạc sĩ lại mua chậu lan mới thay cho chậu lan cũ? ? Ai được xem là ông Bụt trong câu chuyện? Vì sao? *(ông Bụt là ông nhạc sĩ vì ông là một người nhân hậu đã ra tay giúp đỡ cô bé Mai. Khi ông nghe thấy bé Mai khóc và nghe thấy lời khẩn cầu của cô, ông đã âm thầm tahy chậu lan, để Mai nghĩ rằng điều ước của mình đã trở thành hiện thực).* ? Đoán xem Mai sẽ nói gì với ông nhạc sĩ khi biết việc ông đã làm cho mình? - Yêu cầu HS từ câu hỏi trên cho biết bài đọc muốn nói với em điều gì? - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS trả lời. - HS trả lời. - HS trả lời.
3. Luyện tập, thực hành: - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	 - HS lắng nghe - HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm: - YC HS kể lại một câu chuyện có nhân vật ông Bụt. - Nhận xét tiết học.	 - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: HAI THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Hiểu và nhận diện được hai thành phần chính của câu: chủ ngữ và vị ngữ; nhớ được khái niệm hai thành phần này.
- Kết hợp được chủ ngữ và vị ngữ để tạo thành câu đúng ngữ pháp và ngữ nghĩa.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Mở đầu:
- GV hỏi: Thế nào là một câu?
- Nhận xét, tuyên dương.
- Giới thiệu bài – ghi bài
2. Hình thành kiến thức mới
Bài 1:
- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Bài yêu cầu làm gì?

- GV tổ chức cho HS thảo luận. Chia thành các nhóm
- GV hướng dẫn HS để hiểu nội dung biểu đạt của các câu.</td><td>
- 2-3 HS trả lời

- HS đọc
- HS trả lời (Tách mỗi câu thành hai phần)
- HS thảo luận và thống nhất đáp án</td></tr>
<tr><td colspan="2">
<table>
<tr><th>TT</th><th>Câu</th><th>Thành phần thứ nhất</th><th>Thành phần thứ hai</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Ông Bụt đã cứu con.</td><td>Ông Bụt</td><td>đã cứu con</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nắng mùa thu vàng óng.</td><td>Nắng mùa thu</td><td>vàng óng</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Nhành lan ấy rất đẹp.</td><td>Nhành làn ấy</td><td>rất đẹp</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Nhạc sĩ Văn Cao là tác giả bài hát Tiến quân ca.</td><td>Nhạc sĩ Văn Cao</td><td>là tác giả bài hát Tiến quân ca</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>- GV nhấn mạnh: Cần chú ý vào những từ ngữ nêu người, vật, hiện tượng tự nhiên và những từ ngư nêu hoạt động, đặc điểm, giới thiệu, nhận xét.
- GV cùng HS nhận xét, kết luận: Đây là hai thành phần chính của câu và thường không thể vắng mặt.
Bài 2:</td><td>- HS lắng nghe.</td></tr>
</table>

- Gọi HS nêu yêu cầu bài. - GV gắn các nhóm đã có sẵn lên bảng. - GV chia lớp thành 2 đội chơi và đội còn lại là trọng tài. Tổ chức trò chơi "Ai nhanh ai đúng". - GV tuyên bố đội thắng và chốt kết quả.	- HS nêu - HS chơi trò chơi. - HS lắng nghe

Ông Bụt: *người*	đã cứu con: *hoạt động*
Nắng mùa thu: *hiện tượng tự nhiên*	vàng óng: *đặc điểm*
Nhành lan ấy: *vật*	rất đẹp: *đặc điểm*
Nhạc sĩ Văn Cao: *người*	là tác giả bài hát Tiến quân ca: *giới thiệu, nhận xét*

- GV nhận xét, tuyên dương HS. **Bài 3:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - GV phân tích mẫu. Hướng dẫn HS cách đặt câu hỏi cho các câu còn lại. - GV tổ chức cho HS chia sẻ nhóm đôi, tự hỏi nhau về các câu còn lại. - Tổ chức cho HS chia sẻ bài. - GV kết luận: Muốn xác định được thành phần thứ nhất của câu, ta đặt được những câu hỏi nào? Tương tư ở thành phần thứ hai. - YC HS đọc ghi nhớ. **Bài 4:** - YC HS đọc đề bài. - YC HS làm bài cá nhân vào vở. - GV chữa một số bài HS. - GV chốt đáp án. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - GV YC HS đặt câu tả mẹ của em sau đó xác định chủ ngữ, vị ngữ của các câu vừa đặt.	 - HS đọc - HS lắng nghe. - HS thực hiện yêu cầu của GV. - 1 – 2 nhóm chia sẻ. - HS suy nghĩ trả lời. - HS đọc đề bài. - HS làm bài. - HS lắng nghe. - 2-3 HS trả lời

- GV nhận xét tiết học, tuyên dương HS	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT NGƯỜI GẦN GŨI, THÂN THIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được đoạn văn nêu tính cảm, cảm xúc về một người gần gũi, thân thiết.
- Biết yêu thương những người xung quanh. Có ý thức sống tốt hơn, nhận ra vẻ đẹp của cuộc sống.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV YC HS nói 1 câu giới thiệu về một nguồi gần gũi, thân thiết với bản thân.	- 2-3 HS trả lời
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
- YC HS đọc đề bài.	- HS đọc.
- YC HS nhắc lại bố cục của một đoạn văn.	- 2 HS trả lời.
- Hướng dẫn HS nhắc lại những nội dung đã thảo luận ở bài 2.	- HS chia sẻ.
- YC HS viết bài vào vở.	- HS thực hiện yêu cầu.
- YC HS đổi chéo vở soát lỗi.	
- GV mời HS đọc một số bài trước lớp để cùng thảo luận và nhận xét.	- HS thảo luận chia sẻ.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- GV yêu cầu nếu suy nghĩ về nhân vật	- HS lắng nghe, thực hiện

ông họa sĩ trong câu chuyện "Ông Bụt đã đến" - GV nhận xét, tuyên dương HS.	 - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: QUẢ NGỌT CUỐI MÙA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Qủa ngọt cuối mùa,*biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhà thơ với người bà của mình.
- Hiểu được tác giả muốn nói qua bài thơ: Bài thơ thể hiện hình ảnh một người bà rất đỗi bình dị, hết lòng vì con, vì cháu. Đồng thời, bài thơ cũng là tiếng lòng, là sự yêu thương, trân trọng của tác giả đối với người bà của mình.
- Bồi dưỡng tình yêu thương với người thân trong gia đình, với người xung quanh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS đọc một số câu thơ về tình cảm gia đình mà em biết. - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài **2. Hình thành kiến thức:** *a. Luyện đọc:* - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? *(3 đoạn: Đoạn*	 - HS đọc. - HS chia sẻ - HS đọc

1: 4 dòng thơ đầu; đoạn 2: 4 dòng thơ tiếp theo; đoạn 3 phần còn lại). - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó *(trảy, bể lo sương táp, tóc sương da mồi,....)*. - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc: + Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc ở những dòng thơ cuối. Chú ý giọng đọc bài thơ tha thiết, hơi trầm, sâu lắng, đầy cảm xúc. - Cho HS luyện đọc theo nhóm 3. - Yêu cầu 1 đến 2 nhóm đọc trước lớp. HS khác nhận xét. - GV nhận xét, tuyên dương HS. *b. Tìm hiểu bài:* - YC HS đọc câu hỏi cuối bài - YC HS thảo luận nhóm 4 và chia sẻ câu trả lời theo từng yêu cầu của GV. ? Tìm những chi tiết thể hiện tình yêu thương của và dành cho con cháu. ? Tìm nghĩa của mỗi cụm từ sau:	- HS chia sẻ. - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc - HS đọc. HS khác nhận xét bạn đọc. - HS lắng nghe. - HS đọc các nhiệm vụ cuối bài. - HS thảo luận, chia sẻ - HS trả lời.

rét cứ như dao	nom Đoài ngắm Đông	tóc sương da mồi

- HS trả lời.

Trông bên tây, ngó bên đông, quan sát kĩ khắp nơi	Tóc đã bạc, da đã xuất hiện những chấm đồi mồi(nói về sự già đi của con người)	Rất rét, rét như cứa vào da thịt

- HS trả lời.

- HS trả lời.

? Người cháu thương bà vì điều gì?
? Hai câu thơ: *Bà như quả ngọt chín rồi/ Càng thêm tuổi mới càng tươi lòng vàng* ý nói gì? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em
A. Bà được ví như quả ngọt mà cuộc đời dành cho con cháu.
B. Tình ảm của bà giống như trái chín, càng thêm thời gian thì càng thêm ngọt

ngào. C. Tuổi của bà càng cao thì tình yêu thương của bà càng lớn. - Yêu cầu HS từ các câu hỏi trên cho biết bài đọc muốn nói với em điều gì? - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS trả lời.
3. Luyện tập, thực hành: **** Học thuộc lòng bài thơ*** - GV hướng dẫn HS học thuộc lòng bài thơ. - Yêu cầu 2 – 3 HS đọc nối tiếp bài thơ. - YC HS tự học thược lòng trong 5 phút. - YC HS 2 – 3 HS đọc các khổ thơ đã thuộc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **** Luyện tập theo văn bản đọc*** - YC HS đọc 2 nhiệm vụ - YC HS làm bài cá nhân vào phiếu học tập - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. - GV chốt câu trả lời Câu 1: Từ cùng nghĩa với từ "trông" là: nom, ngắm. Câu 2: Các từ có nghĩa giống từ "trông": nhìn, xem, ngắm,...	- HS lắng nghe. - HS thực hiện. - HS đọc. - HS thực hiện theo YC của GV. - HS chia sẻ. - HS lắng nghe.
4. Vận dụng, trải nghiệm: - YC HS kể lại một câu chuyện nói về tình cảm bà cháu. - Nhận xét tiết học.	- HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM Ý CHO ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT NHÂN VẬT TRONG VĂN HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tìm được ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong tác phẩm văn học mà em đã đọc, đã nghe.
- Biết chỉnh sửa từ ngữ, đoạn văn cho hay hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS nhắc lại cấu trúc cua đoạn văn. - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	 - 2-3 HS đọc và trả lời
2. Luyện tập, thực hành: - GV cho HS viết thư dựa vào gợi ý, tìm ý cho 3 phần của đoạn văn. - GV quan sát, hỗ trợ HS. - Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa. - GV yêu cầu 1-2 HS đọc đoạn văn của mình. HS khác nhận xét. - GV nhận xét lỗi của cả lớp. - GV nhận xét bài một vài HS, sửa lỗi, tuyên dương HS. HS khác tự sửa lỗi tương tự	 - HS viết bài vào vở. - HS soát lỗi và sửa lỗi. - HS trình bày, nhận xét. - HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn mà em đã viết.	 - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....
.....
.....

Tiếng Việt

Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Tìm đọc được những câu chuyện kể về tình yêu thương giữa con người với con người hoặc giữa con người với loài vật.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.
* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: Các câu chuyện sưu tầm có nội dung về tình yêu thương.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV giải thích cho HS hiểu: tình yêu thương là gì? (*Đó chính là sự sẻ chia mà mỗi người dành cho nhau, một thứ tình cảm thiêng liêng xuất phát từ nơi con tim. Có tình yêu thươn giữa con người với con người, có tình yêu thương giữa con người với loài vật).*	- HS lắng nghe
- Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm.	- HS đọc
- Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu	- HS viết phiếu
- Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những câu chuyện về nội dung và những điều xúc động ở câu chuyện đã đọc.	- HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp
- GV động viên, khen ngợi HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy chia sẻ với người thân về một câu chuyện trong hoạt động Đọc mở rộng mà em thấy ấn tượng.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 21

Tiếng Việt

Đọc: TỜ BÁO TƯỜNG CỦA TÔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Tờ báo tường của tôi.*
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình dáng, điệu bộ, hành động, lời nói, suy nghĩ,… Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện.
- Hiểu được giá trị và biết làm những việc thể hiện tình yêu thương và biết quan tâm đến người khác.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, nhân ái và trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
**Ôn bài cũ:*	
- Gọi HS đọc thuộc lòng bài *Quả ngọt cuối mùa* và TLCH: + Tìm những chi tiết thể hiện tình yêu thương của bà dành cho cháu.	- HS đọc và TLCH
- GV chia nhóm yêu cầu HS: Nói về một tấm gương trẻ em làm việc tốt mà em biết.	- HS thảo luận
- GV gọi đại diện nhóm trình bày	- Đại diện các nhóm trình bày.
- GV nhận xét	- Nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV chiếu tranh minh họa bài đọc và yêu cầu HS nêu nội dung tranh.	- HS quan sát và nêu nội dung.
- Giới thiệu bài – ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- Bài chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời
- GV chốt đoạn *Bài chia làm 4 đoạn:*	

Đoạn 1: Từ đầu đến những bao hàng. *Đoạn 2: Tiếp theo đến đồn biên phòng cũng hiện ra.* *Đoạn 3: Tiếp theo đến được cứu kịp thời.* *Đoạn 4: Còn lại*	
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(Eng, suýt nữa, hét toáng lên,...)*	- HS đọc nối tiếp lần 1, luyện đọc từ khó
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	- Đọc nối tiếp lần 2, giải nghĩa từ.
- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Ngày hôm sau,/ chuyện tôi báo cho các chú bộ đội biên phòng/ đến cứu người bị nạn/ lan đi khắp nơi.//;…	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài: *Câu 1:* Trên con đường đến nhà bạn, cậu bé đã nhìn thấy sự việc gì? Cậu bé có cảm xúc thế nào khi nhìn thấy cảnh tượng đó?	
- GV cho HS đọc thầm đoạn văn, thảo luận nhóm 4 tìm ra câu trả lời.	- HS thảo luận - Đại diện nhóm trả lời
-GV nhận xét, chốt ý: *Trên con đường đến nhà bạn, cậu bé đã nhìn thấy có người nằm bên gốc cây, bên cạnh chiếc xe máy, ngổn ngang những bao hàng. Cậu bé cảm thấy sợ hãi khi nhìn thấy cảnh tượng đó.*	
? Những chi tiết nào cho em biết cảm xúc của nhân vật khi chứng kiến sự việc?	- HS trả lời
- GV nhận xét câu trả lời, chốt: *bỗng khựng lại, suýt nữa hét toáng lên vì sợ, đứng ngây ra, tim đập thình thịch.*	
Câu 2: Để cứu người bị nạn, cậu bé đã làm gì? Tìm những chi tiết miêu tả khó khăn mà cậu bé đã vượt qua.	
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 2 + 3, thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi	- HS thảo luận nhóm đôi - Đại diện nhóm trả lời
- GV nhận xét, chốt: *Để cứu người bị nạn,*	

cậu bé đã chạy theo con đường gần nhất đến đồn biên phòng. *- Những chi tiết miêu tả khó khăn mà cậu bé đã vượt qua là: trời nhá nhem tối, khu rừng âm u, tiếng mấy con chim kêu, bàn chân đau nhói vì giẫm lên đá răng mèo....* *Câu 3:* Nêu cảm nghĩ của em về việc làm của cậu bé trong câu chuyện. *(Gợi ý: cậu bé là một người rất tốt bụng, để cứu người mà cậu không quan tâm bản thân bị sao.)* - GV nhận xét, chốt lại và nhấn mạnh thêm: Nhân vật cậu bé trong chuyện là một nhân vật dũng cảm và đầy tình yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ người gặp nạn. Tình yêu thương đã giúp cậu bé có thêm can đảm vượt qua nỗi sợ hãi cùng với những khó khăn khi một mình phải chạy trên con đường rừng vắng vẻ,….con đường ngắn nhất.	- 2 – 3 HS nêu cảm nghĩ
Câu 4: Vì sao cậu bé lại dùng từ yêu thương đặt tên cho tờ báo tường? Chọn câu trả lời dưới đây hoặc nêu ý kiến của em. A. Vì cậu bé đã hiểu được ý nghĩa của tình yêu thương trong cuộc sống. B. Vì cậu bé đã làm được một việc thể hiện tình yêu thương với người gặp hoạn nạn C. Vì cậu bé muốn lan tỏa tình yêu thương với bạn bè của mình.	- HS suy nghĩ lựa chọn đáp án hoặc nêu ý kiến của mình.
- GV khích lệ HS mạnh dạn trao đổi, nêu ý kiến của mình - GV tổng hợp ý kiến của HS	- HS phát biểu ý kiến và giải thích lựa chọn của ý kiến của mình. - HS nhận xét
Câu 5: Sắp xếp các ý dưới đây cho đúng với trình tự các sự việc trong câu chuyện. - GV cho HS chơi trò chơi " Nhanh tay nhanh mắt" và chia lớp thành 6 nhóm. GV phát cho mỗi nhóm 5 thẻ chữ và hướng dẫn HS thảo luận. - GV nhận xét, tổng kết trò chơi.	- HS thảo luận tìm ra đáp án - Đại diện nhóm lên bảng tham gia cuộc thi " Nhanh tay nhanh mắt" - Cả lớp theo dõi, nhận xét và bổ sung

- Gọi HS đọc lại kết quả đúng - GV chốt lại kết quả: Nhìn thấy người bị nạn -> Tìm cách giúp đỡ -> Chạy đến đồn biên phòng -> Báo tin cho các chú bộ đội -> Cứu được người bị nạn.	- 1 – 2 HS đọc
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS lắng nghe - HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Qua bài đọc, em ấn tượng nhất điều gì? - Hãy nói về việc một tốt của em đã giúp đỡ mọi người: học tập, từ thiện, cứu người bị nạn,... - GV cho HS quan sát hình ảnh từ thiện của học sinh trong dịp Tết vừa qua. - GV liên hệ, giáo dục HS - Nhận xét tiết học.	- HS trả lời. - HS nêu - HS quan sát - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ CHỦ NGỮ CỦA CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Luyện tập về chủ ngữ, biết đặt câu có chủ ngữ là người, vật, hiện tượng tự nhiên,…

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu: - GV YC HS tìm chủ ngữ thích hợp để hoàn thành câu: + …. chìm vào giấc ngủ say. *(Em bé)* + … nằm phơi nắng bên thềm. *(Con mèo)* - Gọi HS nhắc lại ghi nhớ bài học trước	 - 2-3 HS trả lời - HS nhắc lại
- Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài **2. Luyện tập, thực hành:** **Bài 1:** Tìm chủ ngữ thích hợp thay cho bông hoa trong đoạn văn dưới đây. - Gọi HS nêu yêu cầu. - Mời HS đọc đoạn văn và chủ ngữ cần điền - GV YC HS suy nghĩ tự làm bài ra nháp. - GV cho HS trao đổi kết quả trong nhóm 4. - GV mời đại diện nhóm lên bảng gắn chủ ngữ thích hợp vào đoạn văn. - GV nhận xét, chốt đáp án: Chủ ngữ cần điền lần lượt là: Bầu trời, Na, cô bé, người và xe, cả dãy phố. - Mời HS đọc lại đoạn văn đã hoàn chỉnh **Bài 2:** Tìm chủ ngữ thích hợp để hoàn thành câu. Viết các câu vào vở. - GV cho HS tự làm bài vào vở - Gọi HS đọc bài làm - GV nhận xét, tuyên dương HS tìm được chủ ngữ phù hợp - Chốt đáp án: *Gợi ý* a) **Bạn Hoa** thích giúp đỡ bạn bè trong lớp. b) **Chú chim chích bông** nhảy nhót, chuyền từ cành này sang cành khác. c) **Gió** thổi vi vu. - BT1 và BT2 củng cố thành phần nào của câu? Thành phần đó có tác dụng gì? **Bài 3:** Đặt câu hỏi cho bộ phận in đậm trong mỗi câu dưới đây.	 - HS nêu - HS đọc - HS suy nghĩ, làm bài - HS trao đổi kết quả - Đại diện nhóm lên bảng làm bài và giải thích cách làm. - Cả lớp theo dõi, nhận xét, bổ sung. - HS đọc - HS đọc yêu cầu và xác định yêu cầu của bài. - HS làm bài vào vở - HS lần lượt nêu bài làm - Cả lớp theo dõi, nhận xét - HS chữa bài - HS trả lời - HS xác định yêu cầu của bài

- Các bộ phận in đậm là thành phần nào của câu? Thành phần đó thường trả lời cho câu hỏi nào? * Thành phần chủ ngữ trả lời cho câu hỏi ai, cái gì, con gì,...	- HS nêu
- GV cho HS suy nghĩ cá nhân tìm đáp án	- HS suy nghĩ
- YC HS trao đổi đáp án theo nhóm 2	- HS trao đổi
- Mời đại diện nhóm trình bày	- Đại diện nhóm trình bày
- GV nhận xét, chốt đáp án: a, **Cái gì** che kín bầu trời? b, **Cái gì** hiện ra trước mắt tôi? c, **Ai** đang đứng gác trước cổng?	- HS nhận xét, chữa bài
Bài 4:	
- Gọi HS nêu yêu cầu	- HS nêu yêu cầu
- GV chiếu tranh, yêu cầu HS quan sát và đưa ra các danh từ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên. - Danh từ có thể là: *em bé, con gà, ngôi nhà, thóc, cái chum, mặt trời, đám mây,...*	- HS lần lượt trả lời
- Dựa vào các danh từ vừa tìm được, GV yêu cầu HS đặt câu vào vở	- HS tự làm bài vào vở
- GV mời HS đọc câu của mình	- HS đọc câu
- GV nhận xét, khen HS đặt câu hay Gợi ý: a, Cô bé đang cho đàn gà ăn. b, Đàn gà đang chăm chỉ mổ thóc. c, Mặt trời đang tỏa những tia nắng ấm áp xuống sân.	- HS nhận xét, góp ý
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nêu tác dụng chủ ngữ. Chủ ngữ trả lời cho câu hỏi nào?	- HS nêu
- Đặt câu có chủ ngữ chỉ người, vật, hiện tượng tự nhiên.	- HS đặt câu

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT NHÂN VẬT TRONG VĂN HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Biết viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong một câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc, đã nghe.
* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, tư duy, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV gọi HS đọc lại bài tìm ý ở tiết trước	- 2-3 HS đọc bài làm
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành:	
Đề bài: Viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của em về một nhân vật trong câu chuyện hoặc bài thơ đã đọc, đã nghe.	
Bài 1: Dựa vào các ý đã tìm trong hoạt động Viết ở Bài 4, viết đoạn văn theo yêu cầu của đề bài.	
- Gọi HS đọc yêu cầu	- HS đọc
- Trong hoạt động Viết ở Bài 4 các em đã được hướng dẫn tìm ý cho đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật trong văn học. Dựa vào kết quả tìm ý đó, tiết này các em sẽ thực hành viết đoạn văn.	
- GV YC HS tự viết đoạn văn vào vở.	- HS viết vào vở
- GV nhắc HS viết theo các ý đã tìm ở bài học trước.	
- GV quan sát, hỗ trợ HS viết bài, trao đổi, góp ý với những em viết bài chưa tốt.	
Bài 2: Đọc soát và chỉnh sửa	
- GV yêu cầu HS đọc lại bài của mình để phát hiện lỗi theo các nội dung: + Bố cục đoạn văn có đủ 3 phần mở đầu, triển khai, kết thúc không? Các câu trong đoạn có bám sát yêu cầu về nội dung của	- HS đọc bài và soát lỗi theo gợi ý

từng phần trong đoạn không? + Cách thể hiện tình cảm, cảm xúc có đa dạng không? + Cách dùng từ, đặt câu có chính xác không? + Đoạn văn có mắc lỗi chính tả không?	
- GV thu bài làm của học sinh để nhận xét, góp ý từng bài chuẩn bị cho tiết trả bài.	- HS thu bài làm của mình
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng. (Tự làm một tấm thiệp, viết lời nhắn yêu thương tặng mẹ nhân ngày 8 tháng 3.)	- HS đọc yêu cầu hoạt động vận dụng
- GV chiếu một vài tấm thiệp mẫu	- HS quan sát
- GV yêu cầu HS hoàn thành sản phẩm ở nhà và nhắc HS viết lời nhắn yêu thương gửi mẹ phải chân thành, xuất phát từ tình cảm thật của mình. - GV nhận xét tiết học.	- HS thực hiện ở nhà

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: TIẾNG RU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Tiếng ru, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện rời khuyên nhủ, mong ước của cha mẹ dành cho con cái.
- Nhận biết được hình ảnh thơ trong việc biểu đạt nội dung của mỗi khổ thơ. Hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ.
- Sử dụng được một tính từ trong bài thơ để viết câu. Xác định được chủ ngữ, vị ngữ của câu đã viết.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu bài tập.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV gọi HS đọc bài *Tờ báo tường của tôi* nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp
- GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Nêu cảm nghĩ của em về việc làm của cậu bé trong câu chuyện?	- HS trả lời
- GV cho HS nghe bài hát ru: Cày đồng đang buổi ban trưa. https://www.youtube.com/watch?v=7I9hndHo-Zo	- HS lắng nghe
- Bài hát ru nói về nội dung gì? Em cảm thấy thế nào khi nghe bài hát ru đó? **Bài hát nói về nỗi vất vả trong lao động của người nông dân. Để làm ra hạt gạo họ phải đổ mồ hôi, công sức trên những cánh đồng. Vì thế cần có thái độ kính trọng và biết ơn người lao động.*	- HS phát biểu cảm nghĩ
- GV dẫn dắt giới thiệu bài: Bài thơ *Tiếng ru* sẽ giúp các em hiểu được những lời tâm tình, khuyên nhủ cùng những mong ước của cha mẹ dành cho con cái.	- HS lắng nghe
- GV ghi bài.	- HS ghi vở
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc, cả lớp đọc thầm.
- GV nêu giọng đọc.	
- Bài có mấy khổ thơ?	- 4 khổ thơ
- HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (VD: đốm lửa tàn, chắt chiu,...)	- HS đọc nối tiếp lần 1, luyện đọc từ khó
- 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ trước lớp lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. (nhân gian, bồi)	- HS đọc nối tiếp lần 2, giải nghĩa từ
- Hướng dẫn HS đọc ngắt nghỉ các dòng thơ;	- HS lắng nghe

nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc, những câu hỏi tu từ (núi chê đất thấp, núi ngồi ở đâu?,...)	
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. - GV nhận xét việc đọc của cả lớp.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
Câu 1: Bài thơ là lời của ai? Từ ngữ nào cho em biết điều đó?	- HS trả lời - HS nhận xét
GV chốt: Bài thơ là lời của cha mẹ nói với con cái. Từ ngữ: con ơi, mẹ yêu con, con – thầy, các con.	
Câu 2: Khổ thơ đầu khuyên chúng ta điều gì? Tìm ý đúng.	- HS đọc câu hỏi và đáp án
- GV cho HS trao đổi theo nhóm 4 để tìm ra câu trả lời.	- HS thảo luận nhóm 4
- GV mời HS trình bày	- Đại diện nhóm trình bày
- GV nhận xét, chốt đáp án đúng là D. Cần phải gắn bó với cộng đồng, yêu thương mọi người.	- HS nhận xét
Câu 3: Hình ảnh nào giúp chúng ta hiểu vai trò, sức mạnh của sự đoàn kết?	
- GV nhắc HS đọc kĩ khổ thơ thứ 2 để tìm ra câu trả lời.	- HS tìm và trao đổi với bạn
- GV gọi HS phát biểu	- HS tiếp nối nêu
GV chốt đáp án: Hình ảnh một ngôi sao chẳng sáng đêm, một thân lúa chín chẳng nên mùa vàng, một người đâu phải nhân gian giúp chúng ta hiểu vai trò, sức mạnh của sự đoàn kết.	
- Những hình ảnh rất gần gũi đó đã giúp chúng ta hiểu vì sao cần phải đoàn kết. Đoàn kết tạo nên sức mạnh tập thể, giúp chúng ta dễ dàng vượt qua khó khăn để đi đến thành công. Đoàn kết giúp con người không cảm thấy lạc lõng trong tập thể, cộng đồng.	- HS lắng nghe, liên hệ phải biết đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập để tập thể lớp ngày càng vững mạnh.
Câu 4: Em nhận được lời khuyên gì từ khổ thơ thứ ba?	- 2 - 3 HS trả lời - HS khác nhận xét
- GV nhận xét, chốt đáp án: Khuyên phải sống khiêm tốn, biết tôn trọng, biết nhớ ơn những	

người đã mang lại cho mình cuộc sống tốt đẹp. - GV nói kĩ hơn về hình ảnh "núi cao vì có đất bồi", "muôn dòng sông đổ biển sâu" từ đó đưa ra lời khuyên về lối sống đẹp: cần phải biết ơn giá trị tốt đẹp mà các em nhận được từ cuộc sống. *Câu 5:* Khổ thơ cuối nói gì về tình cảm của cha mẹ dành cho con cái? - GV mời 1 HS đọc câu hỏi trước lớp - GV cho HS làm việc nhóm 4 - GV nhận xét, chốt: Khổ thơ cuối nói về tình cảm yêu thương vô bờ và niềm hi vọng của cha mẹ dành cho con. ? Theo em, nhà thơ đưa ra lời khuyên nhủ bằng cách nào? * Mỗi khổ thơ là một lời khuyên khác nhau. Nhà thơ đã đưa ra những hình ảnh cụ thể, gần gũi để đưa ra lời khuyên nhủ, giúp lời khuyên trở nên thuyết phục. **3. Luyện tập, thực hành:** - 4 HS đọc nối tiếp 4 khổ thơ - GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV hướng dẫn HS đọc thuộc lòng 3 khổ thơ đầu. - GV mời một số HS đọc thuộc lòng - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **4. Vận dụng, trải nghiệm:** **Câu 1:** Tìm tính từ có trong khổ thơ thứ ba. - GV cho HS tìm và gạch chân - Mời 1 HS lên bảng làm phiếu khổ lớn - GV nhận xét, chữa bài: cao, thấp, sâu, nhỏ Câu 2: Đặt 2-3 câu với những tính từ vừa tìm được. Xác định chủ ngữ, vị ngữ của từng câu. - GV chiếu bài làm của HS	- 1 HS đọc - HS thảo luận - Đại diện nhóm trả lời - HS trả lời - HS đọc - HS thực hiện - HS thực hiện - HS đọc thuộc lòng 3 khổ thơ đầu. - HS tìm - 1 HS lên bảng - HS nhận xét, bổ sung - HS làm bài vào vở - Cả lớp quan sát, nhận xét, bổ sung

- GV nhận xét, khen ngợi HS đặt câu hay - GV cho HS trao đổi vở với bạn cùng bàn ? Chủ ngữ trong các câu em đã viết cho biết đối tượng được nói đến trong câu là gì? Vị ngữ trong các câu em viết nêu đặc điểm gì về đối tượng được nói ở chủ ngữ? - Bài đọc khuyên em điều gì? **Con người sống giữa cộng đồng phải yêu thương anh em, bạn bè, đồng chí.* - Nhận xét tiết học.	- HS trao đổi, nhận xét bài làm của bạn. - HS trả lời - HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU TÌNH CẢM, CẢM XÚC VỀ MỘT NHÂN VẬT TRONG VĂN HỌC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố được kĩ năng viết đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc về một nhân vật.
- Học được điều hay từ bài viết của bạn.
- Nhận ra lỗi và biết cách sửa lỗi bài viết theo nhận xét, góp ý của thầy cô.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV nêu mục đích, yêu cầu của tiết học	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: *HĐ 1: Nghe thầy cô nhận xét chung* - GV nhận xét về ưu điểm và hạn chế trong bài làm của HS. + Ưu điểm: chọn được nhân vật tiêu	- HS lắng nghe

biểu, nêu được đặc điểm nổi bật của nhân vật (hình dáng, hành động, lời nói, phẩm chất,...), thể hiện được cảm xúc của bản thân về nhân vật,... + Hạn chế: Bài viết lạc sang hướng kể nhân vật; không thể hiện được rõ cảm xúc về nhân vật; dùng từ ngữ chưa chính xác, câu sai ngữ pháp (thiếu chủ ngữ, vị ngữ),...	
HĐ 2: Đọc hoặc nghe bài viết của bạn, nêu những điều em muốn học tập. - GV đọc một số bài làm hay cho cả lớp nghe. + Em học được điều gì từ bài viết của bạn? + Trong bài của bạn, câu nào là câu chủ đề? + Các câu trong đoạn văn có bám sát vào câu chủ đề của đoạn không? Vì sao?...	- HS lắng nghe, tìm ra cái hay, cái đáng học từ bài viết của bạn. - HS trả lời
HĐ 3 : Chỉnh sửa bài viết a. GV hướng dẫn HS chỉnh sửa bài viết - GV trả bài cho HS. - YC HS đọc lại bài và lời nhận xét để xác định những nội dung cần chỉnh sửa.	- HS nhận bài viết - HS đọc lại bài làm của mình
b. HS chỉnh sửa bài viết - GV cho HS tự chỉnh sửa bài của mình - YC HS đổi chéo vở kiểm tra	- HS viết vào vở những lỗi trong bài viết theo nhận xét của thầy cô - HS đổi vở để bạn sửa lỗi - HS viết lại những câu muốn chỉnh sửa.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - GV nhắc lại ND bài học - Nhận xét tiết học	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: Kể chuyện: BÀI HỌC QUÝ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết kể lại câu chuyện *Bài học quý* dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, tranh ảnh câu chuyện.
- HS: sách giáo khoa, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	 - Lắng nghe
2. Hình thành kiến thức: *HĐ 1: Nghe kể chuyện, ghi lại những chi tiết quan trọng.* - GV chiếu 4 bức tranh và giới thiệu các nhân vật có trong tranh - GV kể chuyện lần 1 kết hợp chỉ vào tranh minh họa - GV kể chuyện lần 2 *HĐ 2: Dựa vào tranh minh họa và câu hỏi gợi ý, kể lại câu chuyện.* - GV cho HS trả lời các câu hỏi gợi ý dưới mỗi bức tranh: + Tranh 1: Chim sẻ có suy nghĩ như thế nào và đã làm gì khi nhận được quà của bà ngoại? (Sẻ nghĩ nếu mình cho chim chích ăn cùng thì số hạt kê còn lại ít quá. Vì thế Sẻ đã ăn một mình hết hộp kê bà ngoại gửi một cách lãng phí.) + Tranh 2: Chim chích làm gì khi nhặt	 - Theo dõi - HS lắng nghe, ghi nhớ - HS ghi lại những chi tiết quan trọng trong câu chuyện - HS lần lượt trả lời câu hỏi gợi ý

được những hạt kê ngon lành? (Nhìn thấy những hạt kê vàng óng vương trên cỏ, chích không ăn vội, nó nhặt từng hạt, đặt vào chiếc lá rồi gói lại cẩn thận và bay đi tìm chim sẻ.) + Tranh 3: Chim chích đã nói gì khi chim sẻ từ chối nhận phần hạt kê? (Chim chích nói: " Nhưng mình với cậu là bạn của nhau cơ mà. Đã là bạn thì bất cứ cái gì kiếm được cũng phải chia cho nhau. Lẽ nào cậu không nghĩ như thế?" ?Theo em, câu nói đó cho thấy chim chích là nhân vật như thế nào? (hào phóng và tốt bụng) + Tranh 4: Vì sao chim sẻ cảm thấy xấu hổ? (gợi ý: Vì sẻ thấy mình ích kỉ, chỉ biết nghĩ đến bản thân;…)	
- GV nhận xét, chốt lại đáp án đúng	- HS nhận xét, bổ sung ý kiến.
- GV hướng dẫn HS kể lại toàn bộ câu chuyện. Lưu ý giọng kể: + Người dẫn chuyện: rõ ràng, truyền cảm. + Chim chích: Vui tươi, hồ hởi. + Chim sẻ: Từ lạnh lùng sang hối hận.	- Lắng nghe
- GV cho HS kể trong nhóm 2	- HS kể trong nhóm
- GV mời HS kể chuyện	- Đại diện nhóm thi kể trước lớp
- GV nhận xét, khen ngợi nhóm kể hay.	- HS nhận xét, bầu chọn
HĐ 3: Tóm tắt câu chuyện - Cách tiến hành:	
+ Bước 1: Làm việc cá nhân: Mỗi HS tự chuẩn bị nội dung tóm tắt ra vở nháp, chuẩn bị ý kiến để phát biểu trong nhóm.	- HS tự làm ra nháp
+ Bước 2: Làm việc nhóm: HS trao đổi kết quả tóm tắt với các thành viên trong nhóm.	- Các nhóm thảo luận để phát hiện chi tiết thừa hoặc thiếu.

- GV mời đại diện nhóm trình bày - GV nhận xét, khen nhóm trình bày tốt	- Đại diện nhóm trình bày kết quả tóm tắt trước lớp - HS nhận xét, bổ sung
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nêu những điều mình muốn học tập ở nhân vật chim chích. (tốt bụng, luôn nghĩ đến bạn, sẵn sàng san sẻ cho bạn những hạt kê ngon.)	- HS nêu
1. Chia sẻ với người thân suy nghĩ của em về nhân vật chim sẻ hoặc chim chích trong câu chuyện Bài học quý.	- HS chia sẻ với người thân ở nhà.
2. Tìm đọc bài thơ về tình yêu thương giữa con người với con người hoặc giữa con người với loài vật. (Quả hồng của thỏ con (TV3), Cậu bé đánh giày (TV3),…) - Nhận xét tiết học	- HS nêu

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 22

Tiếng Việt

Đọc: CON MUỐN LÀM MỘT CÁI CÂY

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Con muốn làm một cái cây.*
- Hiểu ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu thông điệp câu chuyện: Khi chúng ta yêu thương và quan tâm đến ai đó, chúng ta thường làm những việc đem lại niềm vui cho người đó.
- Biết đọc diễn cảm thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện, biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: yêu gia đình, quê hương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu HS chia sẻ với bạn cùng bàn và sau đó lên chia sẻ trước lớp về một việc khiến em vui và nhớ mãi.	- HS chia sẻ.
- GV gọi HS chia sẻ.	- HS chia sẻ
- Chiếu tranh. YC HS mô tả tranh và dự đoán nội dung bức tranh. GV nhẫn nhận xét.	
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- Bài chia làm mấy đoạn?	*- Bài chia làm 4 đoạn, mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn(đoạn 1... như ba nó, đoạn 2:...thơm lừng, đoạn 3:.....lũ trẻ vui chơi, đoạn 4: phần còn lại.*
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(hiền lành, thơm lừng, lâng lâng, ngọt lành,...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	
- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: *Ông nghĩ /hồi nhỏ ba nó vô cùng thích ổi /nên chắc cháu mình cũng thích ổi như ba nó.//* *Ôn nội bắc chiếc ghế đẩu ra sân/gần cây ổi/ngồi đó vừa nghe đài/ vừa nheo nheo mắt nhìn lũ trẻ vui chơi//* + Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả khi nghe tiếng khèn người Mông: *Nhưng sân nhà cũ của Bum lại có một cây ổi...*	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
- HS đọc nhẩm toàn bài 1 lượt.	
- GV nhận xét.	
b. Tìm hiểu bài:	

- Gọi HS nêu các từ ngữ chưa hiểu nghĩa để GV và cả lớp cùng giải nghĩa. - GV hỏi: *Ông nội đã nghĩ gì khi trồng cây ổi ?* - GV gọi HS trả lời và nhận xét. - GV nêu đáp án: *Ông nghĩ hồi nhỏ ba Bum vô cùng thích ổi nên chắc cháu mình cũng thích ổi như ba Bum.* *- Gọi HS đọc câu hỏi 2: Bum đã có những kỉ niệm gì với cây ổi đó?* - Gọi HS trả lời - GV và HS nhận xét. *- Gọi HS đọc câu hỏi 3: Vì sao Bum muốn làm cây ổi trong sân nhà cũ?* - GV chốt đáp án: *Vì Bum muốn cùng bạn bè leo trèo lên cây và nhìn thấy bóng dáng ông nội.* - Gọi HS chia sẻ trong nhóm đôi sau đó báo cáo trước lớp. - GV nhận xét và kết luận. *- Gọi HS đọc câu hỏi 4: Những chi tiết nào cho thấy cô giáo và ba mẹ Bum rất yêu thương Bum?* - YC HS hoàn thiện các chi tiết vào phiếu nhóm và mang lên máy chiếu hắt để báo cáo kết quả. - GV chốt đáp án: *Bố mẹ đã bàn nhau trồng 1 cây ổi trong sân và mời bạn Bum về chơi. Cô giáo nói chuyện với bố mẹ Bum về ước mơ của con.* - GV nhận xét và kết luận. *- Gọi HS đọc câu hỏi 5: Em có nhận xét gì về ông nội của Bum và tình cảm của Bum dành cho ông nội?* - Gọi HS trả lời. - GV chốt đáp án: *Bum rất yêu kính ông và ông rất yêu thương Bum.* - Gọi HS chia sẻ trong nhóm đôi sau đó báo cáo trước lớp. - GV nhận xét và kết luận. - Yêu cầu HS xác định chủ đề chính của bài đọc. Lựa chọn đáp án đúng.	- HS trả lời - HS chỉ tranh và giới thiệu - HS thảo luận và chia sẻ - HS trả lời - HS trả lời. (Đáp án C)

- GV kết luận, khen ngợi HS	
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp của núi rừng Tây Bắc và đất nước Việt Nam?	- HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ VỊ NGỮ CỦA CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được thành phần vị ngữ trong câu.
- Hiểu được vị ngữ trong câu thể hiện điều gì được nêu ở chủ ngữ.
- Dựa vào ngữ cảnh, tìm được vị ngữ phù hợp với chủ ngữ.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV hỏi: Mỗi câu hoàn chỉnh có mấy thành phần ? Đó là những thành phần nào ? *(2 thành phần: chủ ngữ và vị ngữ).* - Gọi HS nêu và nhận xét. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài	- 2-3 HS trả lời. - HS nhận xét.
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu thảo luận nhóm 2, hoàn thành phiếu học tập. - Mời các nhóm chia sẻ và nhận xét. - GV nhận xét và chiếu đáp án: a) Cầu Thê Húc ***đỏ thắm dưới ánh bình minh.*** b) Cà Mau ***là một tỉnh ở cực Nam của Tổ quốc.*** c) Chú bộ đội biên phòng ***đi tuần tra biên giới.*** d) Tôi ***yêu Đội tuyển Bóng đá Quốc gia***	- HS đọc - HS trả lời. - HS thảo luận và thống nhất đáp án. - Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ.

<u>Việt Nam.</u> - Mở rộng: Các vị ngữ trong câu thường nằm ở vị trí nào ? *(phía sau chủ ngữ).* - Gọi HS trả lời. - GV nhận xét, chốt: thường nằm phía sau chủ ngữ.	- HS trả lời.
Bài 2: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS xác định từ ngữ đứng ngay phí sau chủ ngữ ở mỗi câu. - Gọi HS lên bảng gạch chân. - GV nhận xét, nêu đáp án: là/đỏ/đi/yêu . - GV gợi ý HS: Dựa vào bộ phận đó trả lời câu hỏi là gì? Làm gì? Thế nào hoặc dựa vào các từ ngữ phía sau chủ ngữ để xác định vai trò của vị ngữ: *Nếu là tính từ thì vị ngữ có nhiệm vụ nêu đặc điểm, nếu là động từ thì vị ngữ có nhiệm vụ nêu hoạt động, trạng thái, nếu là từ "là" thì có nhiệm vụ giới thiệu đối tượng.* - YC HS thảo luận nhóm để nối. - Mời các nhóm chia sẻ và nhận xét. - **Mở rộng:** Dựa vào đâu, em biết vị ngữ ở câu c/a có nhiệ vụ nêu hoạt động/ đặc điểm chủ chủ ngữ? - GV nhận xét và chiếu đáp án: + Câu a: nêu đặc điểm đối tượng. + Câu b: giới thiệu đối tượng. + Câu c: nêu hoạt động đối tượng. + Câu d: nêu trạng thái đối tượng. **Bài 3:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. **-** Gọi HS đọc và nêu ý nghĩa của các cụm từ trong ngoặc nếu HS chưa hiểu nghĩa. **-** YC HS làm việc cá nhân vào phiếu học	- HS nêu - HS nêu. - HS lên bảng gạch chân vào từ. - HS lắng nghe. - HS thảo luận. - Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ. - HS nêu. - HS nêu. - HS làm phiếu.

tập. - Mời đại diện HS nêu kết quả từng phần. - Gọi HS nhận xét. - GV nhận xét, chốt đáp án. *Khi mùa lũ về, dòng sông chảy xiết. Nước sông **đỏ ngầu phù sa**. Mặt sông như được trải rộng thêm. Tiếng sóng **ì oạp đêm ngày.** Chỗ khúc quanh của dòng chảy, những con sóng **chồm lên vỗ bờ**. Hết mùa lũ, sông **chảy lững lờ**. Có lẽ sông **lưu luyến với bờ bãi, xóm làng, những nơi nó đi qua.** Lớp phù sa là **món quà sông trao cho đồng ruộng.***	 - Đại diện 2 – 3 nhóm chia sẻ.
Bài 4: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS đặt câu vào vở: 2-3 câu về nội dung tranh. - HS đổi vở, nhận xét bài cho nhau trong nhóm đôi. - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS đặt câu hay.	 - HS đặt câu vào vở. - HS nhận xét trong nhóm. - HS thực hiện
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Vị ngữ trong câu thường có nhiệm vụ gì ? Có những cách nào để xác định nhiệm vụ của vị ngữ ? - Tổ chức trò chơi "Đố nhau" để đố nhau xác định vị ngữ trong những câu bất kì.	 - 2-3 HS trả lời. - Cả lớp tham gia chơi. - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

....

....

....

....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG 1 SẢN PHẨM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết đọc hiểu, tra cứu thông tin trên hướng dẫn sử dụng một sản phẩm.
- Biết cách viết hướng dẫn sử dụng cho một sản phẩm.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV đưa 1 hộp thuốc bổ và nhờ HS giúp mình tìm hiểu cách uống phù hợp.	- 2-3 HS nêu.
+ Cần phải tìm hiểu thông tin sử dụng ở đâu *? (trên bao bì, tờ hướng dẫn sử dụng).*	- HS trả lời.
+ YC HS lên đọc và nêu.	- HS đọc và nêu.
- GV nhận xét.	
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	
2. Hình thành kiến thức mới:	
- GV giới thiệu đoạn Hướng dẫn sử dụng nồi cơm điện.	
- Gọi HS đọc.	- HS đọc.
- Hỏi: Các sử dụng nồi cơm điện gồm có mấy bước ? *(3 bước: Trước khi nấu, trong khi nấu, sau khi nấu).*	- HS trả lời.
- GV mời HS trả lời và nhận xét.	- HS thảo luận.
- GV yêu cầu thảo luận nhóm 2 hoàn thành phiếu học tập ghi rõ từng bước sử dụng nồi cơm điện.	
- Mời các nhóm chia sẻ và nhận xét.	- Đại diện nhóm chia sẻ.
- GV nhận xét và chiếu đáp án. Hướng dẫn sử dụng nồi cơm điện gồm	

3 bước. - **Bước 1:** Trước khi nấu Đổ gạo vào nồi, vo gạo và lau khô mặt ngoài. - **Bước 2:** Trong khi nấu Đóng chặt nắp nồi, cắm điện, nhấn nút. - **Bước 3:** Sau khi nấu Lấy cơm ra khỏi nồi, làm sạch nồi. - Hỏi: Ở mỗi bước cần lưu ý điều gì ? - Gọi HS trả lời và nhận xét. - GV nhận xét, chốt. *Trước khi nấu cần vo gạo bên ngoài, trong khi nấu không nên mở nắp nồi, sau khi nấu cần làm sạch bằng vải mềm tránh làm xước.* - YC HS nêu các bước khi viết 1 tờ hướng dẫn sử dụng cho 1 sản phẩm. - GV kết luận. - Mời HS đọc phần ghi nhớ. *Cách viết hướng dẫn sử dụng 1 sản phẩm:* *- Nêu rõ các bước sử dụng sản phẩm.* *- Nêu các việc cần làm trong mỗi bước.* **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - YC HS viết hướng dẫn sử dụng cái bút máy bơm mực của mình vào phiếu. - Mời các nhóm chia sẻ kết quả. - Gọi nhóm khác nhận xét. - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về một sản phẩm bất kì và viết hướng dẫn sử dụng cho 1 đồ gia dụng trong gia đình mình.	- HS nêu. - HS đọc. - HS trả lời. - HS nêu. - HS đọc. - HS lắng nghe. - HS viết vào phiếu theo nhóm. - Đại diện nhóm chia sẻ. - HS nhận xét. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG 1 SẢN PHẨM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết cách viết hướng dẫn sử dụng cho một sản phẩm.
- Viết được hướng dẫn sử dụng cho một sản phẩm.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV mời HS hát và vận động theo bài " Chiếc bụng đói".	- HS hát và vận động.
- GV khen và tặng HS hát hay nhất một chiếc ô tô điều khiển đồ chơi.	
- YC HS nêu cách sử dụng nó.	- 2-3 HS nêu dự đoán.
- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS lắng nghe
2. Luyện tập thực hành:	
HĐ 1.Chuẩn bị :	
- Gọi HS đọc yêu cầu.	- HS lắng nghe, theo dõi
- Yêu cầu HS chia thành các nhóm 4.	
- Mời đại diện các nhóm lên bốc thăm chọn đồ vật nhóm mình sẽ viết hướng dẫn sử dụng: mũ bảo hiểm, xe đạp, ti vi	- Đại diện nhóm lên bốc thăm.
	- HS đọc.
- Gọi HS đọc yêu cầu khi viết hướng dẫn sử dụng.	- HS lắng nghe.
- GV nêu:	
+ Trước khi sử dụng sản phẩm: Kiểm tra sản phẩm trước khi sử dụng.	
+ Khi sử dụng sản phẩm: Chỉ rõ các bước sử dụng sản phẩm.	
+ Sau khi sử dụng sản phẩm: Hướng dẫn cất giữ, bảo quản.	

- GV đưa chiếc mũ bảo hiểm thật lên mời HS nêu đặc điểm của chiếc mũ bảo hiểm. - Hỏi: Khi sử dụng mũ bảo hiểm cần lưu ý những gì ? - Gọi HS trả lời và nhận xét. - GV nhận xét. - GV đưa chiếu video 1 bạn đang đạp xe và mời HS nêu đặc điểm của chiếc xe. - Hỏi: Khi lái xe cần lưu ý những gì ? - Gọi HS trả lời và nhận xét. - GV nhận xét. - YC HS nêu đặc điểm của chiếc ti vi của lớp học. - Hỏi: Chúng ta nên xem ti vi trong khoảng thời gian và khoảng cách như thế nào ? - Gọi HS trả lời và nhận xét. - GV nhận xét. **HĐ 2. Viết** - GV chia nhóm 6 và phát phiếu, nêu yêu cầu khi sử dụng phiếu. - YC HS viết hướng dẫn sử dụng của một sản phẩm theo nhóm 6 về sản phẩm đã bốc thăm được trước đó vào bảng nhóm. - GV hỗ trợ những nhóm gặp khó khăn. - Sau khi các nhóm hoàn thành xong thì trưng bày lên góc nhóm mình. **HĐ 3. Đọc, soát và chỉnh sửa.** - *C*hiếu tiêu chí nhận xét và gọi HS đọc. - Mời 2 nhóm đổi bảng nhóm cho nhau để soát lỗi, gắn sao. - Mời các nhóm lên chia sẻ về sản phẩm của nhóm mình và thuyết trình về hướng dẫn sử dụng của nó. - GV đặt câu hỏi phụ với nhóm 1: *Khi viết hướng dẫn sử dụng cho mũ bảo hiểm, các em đã chia thành mấy*	- HS nêu. - HS trả lời. - HS đọc - HS nêu. - HS trả lời. - HS nêu. - HS trả lời. - HS lắng nghe. - HS viết theo nhóm. - HS treo lên góc nhóm. - 1 HS nêu. - 2 nhóm đổi bảng soát lỗi, đánh giá. - Đại diện các nhóm chia sẻ và trả lời câu hỏi phụ. Nhóm khác nhận xét.

phần ? - YC nhóm 1 trả lời và GV chốt: *chia 3 phần.* - GV đặt câu hỏi phụ với nhóm 2: *Khi lau chùi ti vi, cần tránh điều gì ?* - YC nhóm 1 trả lời và GV nhận xét: *tránh lau khăn ướt.* - Cả lớp bình chọn nhóm có bản hướng dẫn sử dụng tốt nhất. - GV kết luận, khen ngợi các nhóm có bản hướng dẫn sử dụng tốt. *- Mở rộng:* *+* Khi sử dụng ti vi ta cần lưu ý gì ? *(không xem quá lâu và ngồi quá gần kẻo hại thị giác)* + Khi sử dụng mũ bảo hiểm cần lưu ý gì ? (*cài quai cẩn thận.)* + Khi sử dụng xe đạp cần lưu ý gì? *(đạp với tốc độ vừa phải và đi bên phải đường.)* - Gọi HS trả lời. GV lưu ý HS những điều cần thiết: **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Gọi HS nêu lại các bước viết 1 bản hướng dẫn sử dụng sản phẩm. - Yêu cầu HS về nhà viết 1 bản hướng dẫn sử dụng với đồ gia dụng bất kì tại nhà mình. - GV cùng HS nhận xét và sửa câu. - Nhận xét tiết học.	- HS bình chọn. - HS trả lời. - 1 HS nêu. - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Đọc: TRÊN KHÓM TRE ĐẦU NGÕ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện Trên khóm tre đầu ngõ. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời trò chuyện, lời chia sẻ tình cảm, cảm xúc của nhân vật Bua Kham trong câu chuyện.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua suy nghĩ, cử chỉ, hành động, tình cảm,... Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện Trên khóm tre đầu ngõ: bài học về tình yêu thương giữa con người với loài vật.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: yêu gia đình, quê hương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- Gọi HS nêu một số chi tiết thể hiện tình yêu thương của mọi người đối với Bum trong bài " Con muốn là một cái cây".	- HS nêu.
- GV nhận xét.	
- GV chiếu và YC HS đọc câu đố.	- HS đọc.
- GV lưu ý HS dựa vào những từ ngữ chỉ đặc điểm, tính nết ...để đoán con vật.	- HS nêu.
- Mời HS nêu đáp án và giải thích.	
- GV nhận xét, nêu đáp án: *con cò*	
- Mời HS nói 1 – 2 câu về con vật mình yêu thích với bạn cùng bàn sau đó nói trước lớp.	- HS nói..
- GV nhận xét, giới thiệu - ghi bài.	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- GV gọi HS chia đoạn: (5 đoạn)	- HS đọc nối tiếp
+ Đoạn 1: Từ đầu đến *tre khô.*	
+ Đoạn 2: Tiếp theo cho đến *khàn khàn*	

+ Đoạn 3: Tiếp theo đến *buồn thảm.* + Đoạn 4: Tiếp theo đến *thì hơn* + Đoạn 5: Còn lại. - GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 1.	
- HD HS luyện đọc từ khó: *đôi cánh trắng chập chờn, quơ quơ cái đầu trụi lông, tạt rát mặt…*	- HS đọc.
- GV gọi 5 HS đọc nối tiếp theo đoạn lần 2.	- HS đọc.
- HD HS luyện đọc câu dài: *Gió đu đưa cành lá/ làm vợ chồng cò/ thỉnh thoảng phải rướn chân /và khẽ vỗ cánh để lấy thăng bằng.//* - Cho HS luyện đọc theo cặp. - HS đọc nhẩm toàn bài 1 lượt. - GV nhận xét.	- HS đọc theo cặp.
b. Tìm hiểu bài: - Gọi HS nêu các từ ngữ chưa hiểu nghĩa để GV và cả lớp cùng giải nghĩa. + cọng (tre): phần nâng dỡ các phiến lá, gắn kết các lá với thân, cảnh, còn gọi là "cuộng (tre)". + bắc (thang), đặt hay gác (thang) lên,...).	- HS trả lời
- GV hỏi: Đôi cò bay đến khóm trẻ nhà Bua Kham để làm gì? Chi tiết nào giúp em biết điều đó ?	- HS trả lời
- GV gọi HS trả lời và nhận xét. - GV nêu đáp án: Đôi cò bay đến khóm tre nhà Bua Kham để làm tổ và sinh con. Chi tiết giúp em biết điều đó: Mấy hôm sau, trên cành tre đã thấy một tổ cô làm bằng cọng và lá tre khô; Chẳng bao lâu, Bua Kham nghe thấy tiếng có con. Chúng kêu ríu rít trong tổ.	- HS trả lời
- Gọi HS đọc câu hỏi 2: Hình ảnh những chú có con được miêu tả như thế nào? Nêu cảm xúc của Bua Kham khi quan sát	- HS lắng nghe.

cỏ con đòi ăn. *- YC HS thảo luận nhóm đôi để tìm câu trả lời.* - YC HS làm việc theo nhóm 4 (lần lượt từng em nêu ý kiến đã chuẩn bị), sau đó trao đổi để thống nhất câu trả lời. - Gọi đại diện 2 – 3 nhóm phát biểu ý kiến trước lớp. – GV khích lệ và khen ngợi những HS biết thể hiện suy nghĩ riêng của mình. – GV nhận xét và ghi nhận những câu trả lời phù hợp. (VD: *Hình ảnh những chú cô con được miêu tả rất bé bỏng/ non nớt/ sinh động/ đáng yêu/ ngộ nghĩnh/ tham ăn luôn ngóng bố mẹ.... (qua các chi tiết: kêu ríu rít, quơ quơ cái đầu trụi lông, há cặp mỏ mềm, kêu khăn khăn,...). Cảm xúc của Bua Kham khi quan sát cò con đòi ăn: thương yêu say sưa (quan sát)/ quan tâm/...).* - Gọi HS trả lời câu hỏi: *Kể lại tình cảnh đáng thương của gia đình cỏ trong cơn bão?* - GV gọi HS trả lời và nhận xét. - GV nêu đáp án: *Tình cảnh của gia đình có trong cơn bão thật đáng thương; Mưa tật rát mặt làm gia đình cỏ run rẩy, ướt sũng. Nhà cỏ trông càng gầy nhom, xơ xác. Khi gió mạnh ảo đến, mấy chú cỏ con bị hất lên và ngã nhào. Vợ chồng có muốn lao xuống cứu con, nhưng cánh đã ướt nên bất lực. Chúng đành phải bám lấy cành tre và kêu quác quác buồn thảm.* – YC HS thảo luận nhóm 2 và trả lời câu hỏi 4: *Bua Kham nghĩ gì và làm gì khi nhìn thấy lũ cò con bị rơi xuống đất ?* - Gọi đại diện nhóm HS trả lời và nhận xét: *Khi nhìn thấy lũ cò con bị rơi xuống đất, Bua Kham nghĩ tới chuyện người ta thường nhặt cò con về nuôi. Nhưng Bua Kham không làm thế. Cô bé không muốn*	- HS thảo luận. - HS thảo luận và chia sẻ - Đại diện nhóm trả lời. - HS lắng nghe. - HS trả lời. - HS trả lời. - HS thảo luận và chia sẻ. - Đại diện nhóm chia sẻ.

làm tan tác cái gia đình cô bé bỏng, bọn có con nhỏ quá, trả chúng về cho bố mẹ chúng thì hơn. Sau đó, Bua Kham đã gọi ông giúp đưa lũ có con về chiếc tổ cũ. *Câu 5. Đoạn kết của câu chuyện muốn nói với chúng ta điều gì? Chọn câu trả lời hoặc nêu ý kiến của em.* – Gọi HS đọc và nêu yêu cầu câu hỏi 5. – Gọi HS xem lại đoạn cuối của bài đọc, suy nghĩ và chọn. - GV gọi HS nhận xét, chốt đáp án B.	- HS trả lời. - HS trả lời.
3. Luyện tập, thực hành: - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm. - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc nối tiếp diễn cảm 5 đoạn theo nhóm. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	 - HS lắng nghe - HS đọc trong nhóm và thi đọc diễn cảm.
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp tình yêu thương. - Nhận xét tiết học.	 - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được sách báo để hiểu biết hơn về tình yêu thương giữa người với người, vật với vật.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: **2. Luyện tập, thực hành:**	
- GV giải thích cho HS hiểu chủ đề buổi đọc sách: tình yêu thương là gì? (***Tình yêu thương*** *là một dạng cảm xúc của con người. Nó thể hiện cảm xúc, tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn để từ đó con người có thể hiểu được nhau, thông cảm cho nhau và có sự gắn bó liên kết với nhau hơn.)*	- HS lắng nghe
- Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm.	- HS đọc
- Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu	- HS viết phiếu
- Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những kiến thức hoặc phát minh khoa học công nghệ em đã đọc. - GV động viên, khen ngợi HS	- HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy chia sẻ với người thân về những câu chuyện về tình yêu thương mình được biết trong buổi học.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 23

Tiếng Việt

Đọc: SỰ TÍCH CON RỒNG CHÁU TIÊN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện *Sự tích con Rồng cháu Tiên,* biết nhấn giọng ở những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc.
- Nhận biết được các nhận vật, các tình tiết, nội dung chính của câu chuyện. Hiểu được điều tác giả muốn nói qua câu chuyện.
- Biết cách tóm tắt một văn bản truyện.
- Hiểu và tự hào về nguồn gốc dân tộc Việt, biết ơn và trân trọng nguồn cội.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, nhân ái và trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: **Giới thiệu chủ điểm:* - GV hướng dẫn HS xem tranh chủ điểm và cho biết bức tranh nói với em điều gì về chủ điểm này. - GV giới thiệu chủ điểm **Giới thiệu bài:* - GV chia nhóm yêu cầu HS quan sát tranh minh họa + nêu nội dung tranh ? Theo em, hai nhân vật trong tranh là ai? (Lạc Long Quân và Âu Cơ)	 - HS phát biểu theo quan điểm cá nhân. - HS nêu nội dung tranh - HS trả lời

- GV cho HS đọc yêu cầu phần khởi động: Vào tháng Ba (âm lịch), nước ta có ngày lễ nào quan trọng? (ngày lễ giỗ tổ Hùng Vương được tổ chức ngày 10/3 âm lịch)	- HS nêu
- GV giới thiệu khái quát bài học, ghi bài	- HS ghi bài
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- GV nêu giọng đọc	- Lắng nghe
- Bài chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời
- GV chốt đoạn *Bài chia làm 5 đoạn:* *Đoạn 1: Từ đầu đến kết thành vợ chồng.* *Đoạn 2: Tiếp theo đến khỏe mạnh như thần.* *Đoạn 3: Tiếp theo đến đừng quên lời hẹn.* *Đoạn 4: Tiếp theo đến không hề thay đổi.* *Đoạn 5: Còn lại*	
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(Lạc Việt, nòi rồng,...)*	- HS đọc nối tiếp, luyện đọc từ khó.
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	- Đọc nối tiếp lần 2
- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài + Đọc diễn cảm, phân biệt lời người dẫn chuyện và lời nhân vật	- Lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
- GV nhận xét phần luyện đọc của lớp.	
b. Tìm hiểu bài:	
Câu 1: Lạc Long Quân và Âu Cơ được giới thiệu như thế nào?	- HS nêu
- YC HS thảo luận trong nhóm TL câu 1	- HS thảo luận - Đại diện nhóm trả lời
- GV nhận xét, chốt ý: - Lạc Long Quân là thần mình rồng, thường ở dưới nước, thỉnh thoảng sống trên cạn, sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ. - Âu Cơ là tiên, xinh đẹp tuyệt trần, sống trên cạn	- HS nhận xét

Câu 2: Việc sinh con của Âu Cơ có gì đặc biệt? *Âu Cơ không sinh ra con như thường, mà sinh ra cái bọc trăm trứng, trăm trứng nở thành trăm người con, tất cả đều hồng hào, đẹp đẽ lạ thường.	- HS trả lời
- GV cho HS thảo luận nhóm đôi và TLCH: ? Chi tiết Âu Cơ sinh bọc trăm trứng muốn nói điều gì? - GV nhận xét, chốt lại: Chi tiết Âu Cơ sinh ra cái bọc trăm trứng, nở ra trăm người con là biểu tượng sâu sắc cho sự đoàn kết dân tộc của nhân dân ta. Chi tiết đó khẳng định, người dân Việt Nam là anh em một nhà, nó còn thể hiện tinh thần trong cội nguồn của người dân Việt Nam.	- HS thảo luận và nêu câu trả lời
Câu 3: Theo em, cách giải thích nguồn gốc của người Việt là con Rồng cháu tiên nói lên điều gì? *Cách giải thích nguồn gốc dân tộc Việt là con Rồng cháu Tiên nói lên mong ước của người Việt: được sinh ra bởi giống nòi đẹp và cao quý: Tiên – Rồng. Đây là một cách giải thích hay nguồn gốc của người Việt, thể hiện sự trân trọng của chính người Việt về nguồn gốc của mình.	- HS trả lời
Câu 4: Dựa vào sơ đồ dưới đây, tóm tắt lại câu chuyện. 	
- GV chiếu sơ đồ, cho HS làm việc theo cặp . - GV quan sát, giúp đỡ các nhóm.	- HS thảo luận cặp tóm tắt câu chuyện dựa vào sơ đồ
- Mời đại diện lên bảng trình bày.	- Đại diện 2 – 3 nhóm trình bày trước lớp.
- GV nhận xét, khen nhóm trình bày tốt.	- HS nhận xét, bổ sung cho nhóm bạn.
Câu 5: Câu ca dao dưới đây có liên quan thế nào đến câu chuyện này? Dù ai đi ngược về xuôi	- HS đọc lại câu hỏi

Nhớ ngày giỗ Tổ mùng Mười tháng Ba. - Câu ca dao trên đã được học ở lớp mấy? (TV lớp 2, bài *Trên các miền đất nước*)	- HS trả lời
- GV cho HS thảo luận nhóm 4 trả lời câu hỏi 5	- Các nhóm trao đổi, thống nhất phương án trả lời.
- Mời nhóm trình bày	- Đại diện nhóm trình bày
- GV chốt đáp án: Câu ca dao nhắc chúng ta nhớ ngày giỗ Vua Hùng, người có công dựng nước. Vua Hùng chính là con trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ, người đã theo Âu Cơ lên núi nên có mối quan hệ mật thiết với câu chuyện này. Ngày 10 tháng 3 âm lịch hằng năm được xem là "Quốc Giỗ" của người dân Việt.	- HS nhận xét
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Qua bài đọc, em hiểu điều gì?	- HS trả lời.
- GV chiếu hình ảnh về Lạc Long Quân, Âu Cơ, đền thờ Vua Hùng,...	- HS quan sát
- GV liên hệ, giáo dục HS biết ơn và trân trọng nguồn cội.	- HS liên hệ
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ HAI THÀNH PHẦN CHÍNH CỦA CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Luyện tập chungj/ về hai thành phần chính của câu.
- Hiểu sâu hơn về sự tương hợp ngữ nghĩa giữa hai thành phần.

- Phân biệt các kiểu vị ngữ (vị ngữ nêu hoạt động, trạng thái; vị ngữ nêu đặc điểm và vị ngữ giới thiệu, nhận xét)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV hỏi: Câu gồm mấy thành phần chính? Nêu tác dụng của chủ ngữ và vị ngữ. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài	 - 2-3 HS trả lời
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - GV cho HS thảo luận nhóm ghép các thẻ chữ với nhau tạo thành câu. - GV đi từng bàn, quan sát, góp ý cho các nhóm. - GV mời đại diện một số nhóm phát biểu. - GV nhận xét, chốt đáp án: Câu 1: Vua Hùng là con trưởng của Lạc Long Quân và Âu Cơ Câu 2: Lễ hội Đền Hùng gồm nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ dân gian. Câu 3: Đền thờ Vua Hùng được xây dựng trên núi Nghĩa Linh.	 - HS đọc - HS thảo luận nhóm - Đại diện nhóm trình bày - HS nhận xét
Bài 2: - GV gọi HS đọc yêu cầu bài tập - Gọi HS đọc đoạn văn - GV giải nghĩa từ: *Tuyên ngôn độc lập:* là văn bản tuyên bố sự độc lập của một quốc gia, khẳng định chủ quyền của quốc gia vừa giành lại từ tay giặc ngoại xâm. - GV cho HS tự làm bài vào vở	 - HS đọc - Lắng nghe - 1 HS làm bảng, lớp làm bài vào vở

- GV nhận xét bài trên bảng, chốt đáp án: <table><tr><th>CN</th><th>VN</th></tr><tr><td>Lý Thường Kiệt</td><td>là danh tướng Việt Nam thế kỉ XI</td></tr><tr><td>Tên tuổi của ông</td><td>gắn với chiến thắng chống quân xâm lược nhà Tống</td></tr><tr><td>ông</td><td>cũng là tác giả bài thơ Sông núi nước Nam</td></tr><tr><td>Bài thơ</td><td>được xem như bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên của nước ta.</td></tr></table>**Bài 3:**	- HS nhận xét, bổ sung. - HS chữa bài
- Gọi HS đọc yêu cầu đề bài - GV cho HS thảo luận nhóm 3 với nhiệm vụ: Mỗi HS đặt 1 câu theo 1 loại vị ngữ nhất định. - Mời đại diện nhóm trình bày - GV nhận xét,chốt, khen ngợi những câu hay. *Gợi ý: a. Các chú bộ đội đang hành quân. b. Các chú bộ đội rất vui vẻ. c. Họ là những người lính Cụ Hồ. **Bài 4:** - Gọi HS đọc yêu cầu của bài. - GV cho HS tự làm bài vào vở - GV cho HS thảo luận nhóm bàn, trao đổi kết quả. - GV mời HS đọc bài làm - GV nhận xét, khen ngợi bài làm hay - GV chiếu hình ảnh giới thiệu một số vị anh hùng dân tộc - Để bày tỏ lòng biết ơn với các vị anh hùng dân tộc, ngay từ bây giờ em cần phải làm gì? **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nêu tác dụng của chủ ngữ và vị ngữ - Đặt câu có chủ ngữ và vị ngữ, xác định	- HS đọc - HS đọc câu của mình trước nhóm. - Các thành viên trong nhóm góp ý, nhận xét - 2 – 3 nhóm trình bày - HS nhận xét, góp ý - HS đọc - HS làm bài vào vở: tìm từ, đặt câu, xác định thành phần câu. - HS trao đổi kết quả với bạn, HS khác góp ý. - 2 – 3 HS đọc bài làm của mình - HS nhận xét - Quan sát - HS trả lời - 2-3 HS trả lời - HS thực hiện

thành phần câu.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

VIẾT: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết cách lập dàn ý cho bài văn kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em đã đọc, đã nghe.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: **Đề bài:** Viết bài văn kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em đã đọc, đã nghe. *1. Chuẩn bị* - GV mời HS đọc đề bài - GV gọi HS đọc yêu cầu phần chuẩn bị: + Chọn câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em yêu thích. + Câu chuyện có mở đầu, diễn biến và kết thúc thế nào? + Nhân vật lịch sử có những đóng góp gì cho đất nước? + Em có cảm nghĩ như thế nào về nhân vật và câu chuyện?	 - HS đọc - HS đọc và ghi nhớ

- GV cho HS tự chọn một câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em yêu thích	- HS tự chọn
- Nhắc HS tìm ý để viết bài văn dựa vào gợi ý Ví dụ: - Mở đầu: Tục truyền rằng Công Uẩn không có cha; mẹ là Phạm Thị đi chơi chùa Tiên Sơn (làng Tiên Sơn, phủ Từ Sơn) , đêm về nằm mộng thấy "đi lại" với thần nhân, rồi có thai đẻ ra đứa con trai - Nội dung: Lý Công Uẩn được học hành và làm võ tướng dưới triều vua Lê Đại Hành, lập công chống Tống... - Kết thúc: Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế. - Ông đã có công chống Tống và lập ra nhà Lý, chấm dứt triều đại suy tàn nhà Tiền Lê. - Ông là một người tài giỏi và có công rất lớn đến sự phát triển của đất nước của các triều đại sau... *2.Lập dàn ý*	- HS tìm và ghi ra vở nháp
- Gọi HS đọc gợi ý trong sách 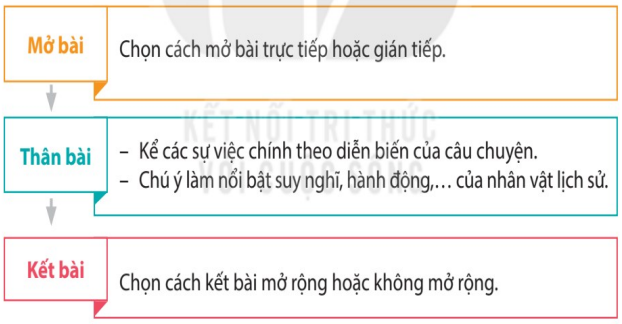 	- HS đọc
- GV cho HS dựa vào nội dung vừa tìm, lập dàn ý vào vở. - GV quan sát từng học sinh, giúp đỡ HS còn yếu kém. Ví dụ: - Mở đầu: Lý Công Uẩn người làng cổ Pháp thuộc Đông Ngạn, phủ Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh. Hiện nay ở làng Đình Bảng vẫn còn có lăng và đền thờ các vua nhà Lý. - Nội dung: Lý Công Uẩn được đem cho nhà sư ở chùa cổ Pháp nuôi; được học	- HS làm bài vào vở

hành và làm võ tướng dưới triều vua Lê Đại Hành, lập công chống Tống... - Kết thúc: Lý Công Uẩn lên ngôi hoàng đế. *3. Góp ý và chỉnh sửa dàn ý* a. Làm việc nhóm	
- GV nhắc HS đọc lại dàn ý của mình. - GV cho HS chia sẻ bài làm trong nhóm 2 b. Làm việc cả lớp	- HS đọc, chỉnh sửa nếu có - HS trao đổi, góp ý
- GV mời HS đọc bài làm trước lớp - GV nhận xét, đọc cho HS nghe 1 số bài hay trong lớp để HS học tập. **3. Vận dụng, trải nghiệm:**	- 2 – 3 HS đọc bài làm trước lớp - HS nhận xét, lắng nghe
- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng: *Tìm đọc thêm những câu chuyện vè nguồn gốc hoặc phong tục, tập quá của các dân tộc Việt Nam.*	- HS đọc yêu cầu hoạt động vận dụng
- GV gợi ý cho HS đọc những câu chuyện về nguồn gốc, phong tục tập quán Việt Nam: Thánh Gióng, Sự tích bánh chưng, bánh giầy,… - GV nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: CẢM XÚC TRƯỜNG SA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Cảm xúc Trường Sa,* biết nhấn giọng vào những từ ngữ bộc lộ cảm xúc về cảnh vật, cuộc sống của những người lính ở Trường Sa.

- Hiểu được ý nghĩa của mỗi hình ảnh thơ, hiểu điều tác giả muốn nói qua bài thơ.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV gọi HS đọc bài *Sự tích con Rồng cháu Tiên* nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp
- GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Chi tiết Âu Cơ sinh bọc trăm trứng nói lên điều gì?	- HS trả lời
- GV mời 1 HS nêu YC phần khởi động: Kể tên một số đảo, quần đảo của đất nước ta hoặc giới thiệu những điều em biết về biển đảo.	- HS nêu
- GV YC HS trao đổi với bạn cùng bàn	- HS trao đổi
- Mời HS phát biểu ý kiến	- 2 – 3 HS trả lời
- GV nhận xét, chốt: Nước ta có các đảo, quần đảo như: Hoàng Sa, Trường Sa, Thổ Chu, Phú Quốc..., Côn Đảo, Phú Quý, Lý Sơn, Cồn Cỏ, Cô Tô, Bạch Long Vĩ ...	
- GV dẫn dắt giới thiệu bài, ghi bài	- HS lắng nghe
- GV nói thêm: Chủ quyền của đất nước ta không chỉ là dải đất hình chữ S mà còn có biển và đảo ngoài biển Đông. Hằng ngày, hằng giờ bao người phải đương đầu với thiên nhiên khắc nghiệt và nhiều nguy nan để bảo vệ chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc.	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc, cả lớp đọc thầm.
- GV nêu giọng đọc	- Lắng nghe
- Yêu cầu HS đọc nối tiếp khổ thơ lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(hoa muống biển, Song Tử Tây, oằn,...)*	- HS đọc nối tiếp lần 1

- HS đọc nối tiếp khổ thơ lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. + Đá Thị, Len Đao, Song Tử Tây, Sơn Ca, Sinh Tồn: tên những hòn đảo ở quần đảo Trường Sa. + Hoa bàng vuông (kết hợp hình ảnh): hoa trắng, mọc thành chùm ở đầu cành, dài 10-20cm. + nhà giàn(kết hợp hình ảnh): trạm Dịch vụ Kinh tế - Khoa học kĩ thuật được xây dựng ở vùng biển phía Nam, là những cột mốc khẳng định chủ quyền trên biển của ta.	- HS đọc nối tiếp lần 2
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. - GV nhận xét	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài: *Câu 1:* Ở khổ thơ đầu, điều gì gây bất ngờ với mọi người khi đến Trường Sa?	- HS trả lời
GV chốt: Ở khổ thơ đầu, màu hoa muống biển gây bất ngờ với mọi người khi đến Trường Sa. Gợi lên một cuộc sống thân quen, yên bình giữa sóng gió Trường Sa. Câu 2: Em hiểu thế nào về hai dòng thơ "Những nhà giàn giữ đảo/ Neo cả nhịp tìm người"?	- HS nhận xét
- GV mời HS đọc nối tiếp 3 phương án trả lời. A. Sự thấu hiểu của người dân trước những gian nguy mà người lính nhà giàn phải đương đầu. B. Cảm xúc thương yêu, lo lắng của người ra thăm đảo dành cho người lính Trường Sa. C. Tình yêu tha thiết của người dân đất Việt đối với biển đảo quê hương.	- HS đọc nối tiếp đáp án
- GV hướng dẫn HS có thể chọn 1 trong 3 phương án vì phương án nào cũng có ý đúng.	- HS lựa chọn phương án và giải thích lựa chọn.
- GV nhận xét, góp ý	- HS nhận xét

Câu 3: Theo em, nhà thơ muốn nói gì qua hình ảnh " Đóa san hô kiêu hãnh/ Vẫn nở hoa bốn mùa"? - GV nhận xét, tập hợp ý kiến của HS: Ví dụ: + Nói lên sức sống mãnh liệt của thiên nhiên và con người ở Trường Sa. + Nói lên tinh thần kiên cường, bất khuất của những người lính ở Trường Sa... Câu 4: Nêu cảm nghĩ của em về người lính đảo Trường Sa.	- HS trả lời
- GV cho HS làm việc nhóm	- HS thảo luận, từng bạn nêu ý kiến của mình.
- Mời đại diện nhóm phát biểu - GV nhận xét * Gợi ý: Những người lính đảo Trường Sa là những anh hùng yêu nước, dũng cảm, sẵn sàng hi sinh tuổi thanh xuân tươi đẹp, thậm chí là cả tính mạng của mình để cống hiến cho Tổ quốc, để bảo vệ đến từng hòn đảo, vùng biển, lãnh thổ quốc gia, đem lại cuộc sống ấm no, hoàn bình cho người dân. Câu 5: Ý nghĩa của khổ thơ cuối là gì? Em chọn ý nào dưới đây? Vì sao?	- Đại diện nhóm trình bày
- GV mời 1 HS đọc khổ thơ cuối và nêu câu hỏi	- HS đọc và nêu câu hỏi
- GV mời HS chọn phương án	- HS chọn phương án và giải thích lựa chọn
- GV nhận xét, góp ý VD: Chọn A.Vì Trường Sa là máu thịt, là một phần không thể thiếu của Tổ quốc. Nhưng người lính đang ngày đêm hết mình chính là để bảo vệ chủ quyên thiêng liêng ấy. Nếu không có Trường Sa, Tổ quốc chẳng thể trọn vẹn. **3. Luyện tập, thực hành:**	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi	- HS thực hiện

đọc. - GV cho HS đọc thuộc lòng bài thơ - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **4. Vận dụng, trải nghiệm:** *Bài 1:* Dựa vào những ý thơ của bài Cảm xúc Trường Sa, viết 2-3 câu về sự kiên cường của những người lính đảo. - Gọi HS đọc bài làm của mình - GV nhận xét, khen ngợi *Bài 2:* Xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu em đã viết ở bài tập 1. - GV nhận xét, chữa bài - Nhận xét tiết học.	- HS đọc - HS viết vào vở - HS đọc - HS tự làm bài - HS nhận xét, bổ sung

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn kể lại một câu chuyện về một nhân vật lịch sử em đã đọc, đã nghe.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi, tranh ảnh hình con vật

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Gọi HS đọc dàn ý tiết trước đã viết. - GV nhận xét - GV nêu mục đích, yêu cầu của bài.	 - HS đọc - HS lắng nghe

2. Luyện tập, thực hành: **Đề bài:** Viết bài văn kể lại câu chuyện về một nhân vật lịch sử mà em đã đọc, đã nghe.	
- GV mời HS đọc yêu cầu của bài	- HS đọc
- GV nhắc HS đọc kĩ lưu ý trước khi viết bài.	- HS đọc kĩ lưu ý
- GV nhắc HS viết bài văn có 3 phần theo gợi ý trong sách. 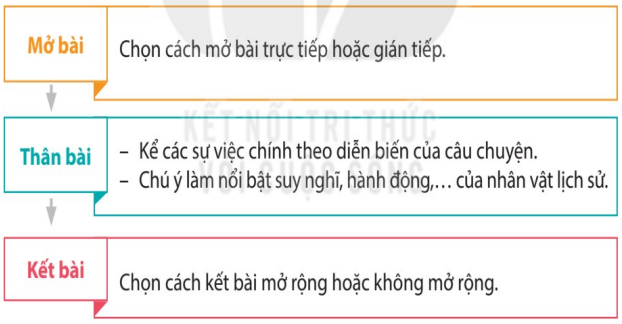 	- HS ghi nhớ để viết bài
- GV cho HS viết bài vào vở	- HS viết bài
- GV quan sát HS làm bài, hỗ trợ HS có những hạn chế về kĩ năng viết.	
- GV nhắc HS đọc lại bài sau khi viết, chỉnh sửa lỗi nếu có.	- HS sửa lỗi (nếu có)
- GV thu bài của HS	- HS thu bài
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- GV nhận xét bài viết của HS, khen ngợi, động viên HS có cố gắng trong quá trình viết văn - Nhận xét tiết học	- HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: NHỮNG TẤM GƯƠNG SÁNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nói được ý kiến của mình về một người đã lao động hoặc chiến đấu, hi sinh để đem lại cuộc sống hạnh phúc, bình yên cho mọi người.

- Biết thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những tấm gương hi sinh vì quê hương, đất nước.
* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	 - Lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: **Yêu cầu:** Trình bày ý kiến của em về một người đã lao động hoặc chiến đấu, hi sinh để đem lại cuộc sống hạnh phúc, bình yên cho mọi người. *1. Chuẩn bị* - GV nêu yêu cầu của giờ luyện nói	
- GV gọi HS đọc hướng dẫn chuẩn bị trong sách a, Tìm câu chuyện kể về những tấm gương quên mình để cứu giúp mọi người trong thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh....(ví dụ: những chiến sĩ đằm mình trong mưa bão để cứu dân, những người lính cứu hỏa quả cảm xả thân cứu người, những bác sĩ nêu cao tấm gương y đức trên tuyến đầu chống dịch bệnh,...) hoặc về những người anh hùng đã chiến đấu chống giặc ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc,....(ví dụ: Hai Bà Trưng, Lý Nam Đế, Ngô Quyền, Đinh Bộ Lĩnh,....) b, Xác định nội dung trình bày.	- HS đọc
- GV cho HS tự chuẩn bị bài trình bày của mình. *2. Nói*	- HS chuẩn bị
- GV cho HS luyện nói trong nhóm theo nội dung chuẩn bị.	- Các nhóm thảo luận - HS luyện nói, các bạn khác góp ý,

	nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn điều bạn mình nói
- Gọi HS nói trước lớp. - GV nhận xét về phần nói của HS	- 2 – 3 HS nói trước lớp
3. Trao đổi, góp ý - GV mời HS nhận xét, góp ý cho bạn (về nội dung trình bày; về giọng nói, cử chỉ, điệu bộ; về cách thể hiện cảm xúc qua từ ngữ, qua ngữ điệu,…) - GV tổng kết. Khen ngợi các HS mạnh dạn nói trước lớp hoặc mạnh dạn góp ý đề xuất.	- HS dựa vào gợi ý trong sách để nhận xét, góp ý
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Chia sẻ với người thân câu chuyện về một người đã lao động hoặc chiến đấu, hi sinh để đem lại cuộc sống hạnh phúc, bình yên cho mọi người mà em cảm phục.	- HS tìm trong sách, truyện hoặc đọc lại các bài đã học.
- Tìm đọc đoạn thơ, bài thơ hoặc bài ca dao về lòng biết ơn. VD: *Lòng Biết Ơn.* Tác giả: Tú Yên Xin cảm ơn buổi sớm mai thức dậy Ta có thêm một ngày mới để yêu thương. Xin mang ơn những buổi hoàng hôn vương Ta có được bữa cơm gia đình hạnh phúc. Xin biết ơn giấc mộng đầy cảm xúc Ta có thể rèn tâm thức được bình yên. Nếu một mai ra đi trong an nhiên Ta sẽ mỉm cười với lòng đầy cảm kích.	- HS tìm. - Trình bày trước lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 24

Tiếng Việt

Đọc: SÁNG THÁNG NĂM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *"Sang tháng Năm"*
- Hiểu nội dung bài: Nhận biết được tình cảm của nhà thơ đối với Bác Hồ: vui sướng và hạnh phúc khi được về thăm Bác; quyến luyến và thân thiết như được gặp người cha thân thương của mình. Bài thơ thể hiện tình yêu thương sâu nặng, sự kính trọng đặc biệt đối với Bác Hồ.
- Biết nhấn giọng vào ngữ từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả bài thơ.

* Năng lực chung: Năng lực trình bày, kĩ năng giao tiếp, hợp tác nhóm, năng lực ngôn ngữ.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, nghiêm túc học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu, bảng nhóm
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Kể lại những hoạt động mà trường em đã tổ chức nhân ngày kỉ niệm sinh nhật Bác Hồ. - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài	 - HS thảo luận nhóm đôi. - HS chia sẻ
2. Hình thành kiến thức: *a. Luyện đọc:* - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (nương ngô, lồng lộng, nước non) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc:	 - HS đọc. *- Bài chia làm 3 đoạn, mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn.* - HS đọc nối tiếp

+ Bàn tay con/ nắm tay cha Bàn tay Bác ấm/ vào da và lòng. + Giọng đọc: vui tươi, da diết. - Cho HS luyện đọc theo nhóm 3. *b. Tìm hiểu bài:* - GV yêu cầu học sinh đọc thầm và TL các câu hỏi: + Câu 1: Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Nhà thơ lên thăm Bác Hồ ở đâu và vào thời gian nào? Được thể hiện qua câu thơ nào?* + Câu 2: Đường lên Việt Bắc có gì đẹp? - Thủ đô gió ngàn là nơi nào? + Câu 3: GV cho HS xem hình ảnh về nơi Bác Hồ làm việc. Yêu cầu HS tả lại khung cảnh nơi Bác Hồ làm việc. + Câu 4: Câu thơ nào cho thấy sự gắn bó thân thiết giữa Bác Hồ và nhà thơ? - Vì sao khi nhà thơ và Bác Hồ nắm tay nhau, nhà thơ đã nghĩ mình là con và Bác là cha. + Câu 5: Yêu cầu thảo luận theo cặp: Tìm những hình ảnh trong bài thơ nói lên sự cao cả, vĩ đại của Bác Hồ? - Sau khi tìm hiểu về bài đọc, theo em bài đọc muốn nói với chúng ta điều gì?	- HS lắng nghe - HS luyện đọc. - HS đọc thầm, trả lời câu hỏi: + Nhà thơ lên thăm Bác Hồ ở Việt Bắc vào một sáng tháng Năm. + Có suối dài, nương ngô xanh mướt, giò ngàn thổi reo vui,... - Tây Bắc + HS quan sát và nêu. Bác Hồ làm việc trong một ngôi nhà đơn sơ. Trong đấy có một chiếc bàn con, một bồ công văn, một con chim bồ câu đang đi tìm thóc. Khung cảnh bình yên, mộc mạc và giản dị. + Bàn tay con/ nắm tay cha Bàn tay Bác ấm/ vào da và lòng. - Vì nhà thơ cảm nhận được sự ấm áp trong bàn tay Bác. + HS thảo luận. Bác ngồi đó, lớn mênh mông, bao quanh là trời xanh, biển rộng, ruộng đồng, nước non. - HS nêu: Bài thơ thể hiện tình yêu thương sâu nặng, sự kính trọng đặc biệt đối với Bác Hồ.

3. Luyện tập, thực hành: - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc thuộc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	 - HS lắng nghe - HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về Bác Hồ? - Nhận xét tiết học.	 - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: TRẠNG NGỮ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết được khái niệm về thành phần trạng ngữ - thành phần phụ của câu.
- Nhận diện được trạng ngữ trong câu và hiểu được nội dung của nó.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: HS chăm chỉ, nghiêm túc học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Yêu cầu HS đặt 2-3 câu nói về một người anh hùng dân tộc và xác định chủ ngữ, vị ngữ của câu. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài	- 2-3 HS trả lời

2. Hình thành kiến thức: **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu bài. - GV phát phiếu, yêu cầu HS thảo luận theo nhóm đôi hoàn thành phiếu. - Gọi đại diện nhóm trình bày.	 - HS đọc. - HS làm việc theo cặp. - HS trả lời a) Bác / đã đi năm châu bốn biển. CN VN Bác Hồ / đọc tuyên ngôn Độc lập. CN VN Vườn cây Bác Hồ/ xanh tốt quanh năm. CN VN b) Để tìm đường cứu nước Ngày 2 tháng 9 năm 1945 Trong Phủ Chủ Tịch
Bài 2: - Gọi HS đọc yêu cầu bài. - Yêu cầu HS nhắc lại các thành phần được thêm vào ở bài 1. - Yêu cầu HS hoàn thành bài. - Yêu cầu HS báo cáo kết quả trước lớp. - GV hỏi: Các thành phần được thêm vào bổ sung thông tin gì?	 - HS đọc. - HS nêu. - HS làm bài. - HS chia sẻ đáp án. (cả 3 đáp án) - HS trả lời. Để tìm đường cứu nước -> bổ sung thông tin về mục đích. Ngày 2 tháng 9 năm 1945 -> bổ sung thông tin về thời gian. Trong Phủ Chủ Tịch -> bổ sung thông tin về nơi chốt.

- GV cùng HS nhận xét.	
Bài 3: - Gọi HS đọc yêu cầu bài. - Yêu cầu HS thảo luận theo cặp hoàn thành các cầu hỏi trong phiếu và gọi đại diện nhóm lên trình bày. + Thành phần thêm vào được đúng ở đâu? + Thành phần này ngăn cách với hai thành phần chính của câu bằng dấu câu nào? - GV cùng HS nhận xét, chốt: -> Các thành phần được thêm vào trong câu ở cột B của bài 1 được gọi là trạng ngữ.	 - HS đọc. - HS thảo luận, hoàn thành phiếu và chia sẻ trước lớp: + Được đúng ở đầu câu. + Được ngăn cách bởi dấu phẩy. - HS nhận xét, theo dõi.
3. Ghi nhớ - Gọi 1-2 HS đọc phần ghi nhớ **- Lưu ý:** Trạng ngữ thường đứng ở đầu câu nhưng có trường hợp đứng ở cuối câu. - Gọi 1-2HS đặt câu có chưa trạng ngữ trong câu.	 - HS đọc ghi nhớ. - HS đặt câu.
4. Luyện tập, thực hành:	
Bài 4: - Gọi HS đọc yêu cầu bài. - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 3 hoàn thành yêu cầu của bài. - GV mời đại diện 2 nhóm lên trình bày bài làm. - GV cùng HS nhận xét, chốt:	 - HS đọc. - HS làm việc theo nhóm. - HS trình bày.

TT	Trạng ngữ	Thông tin mà trạng ngữ bổ sung
Câu	Năm 938	Thời gian

1	Trên sông Bạch Đằng	Nơi chốn
Câu 2	Sau chiến thắng oanh liệt đó	Thời gian
Câu 3	Ngày nay	Thời gian

4. Vận dụng, trải nghiệm: - Trạng ngữ là gì? Trạng ngữ thường đứng ở đâu trong câu? - Đặt câu có chứa thành phần trạng ngữ trong câu	 - HS trả lời - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Viết: TRẢ BÀI VĂN KỂ LẠI MỘT CÂU CHUYỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết rút kinh nghiệm về cách viết bài văn kể lại một câu chuyện về một nhân vật lịch sử.
- Nhận thức được ưu, khuyết điểm trong bài của bạn và của mình.
- Biết tham gia sửa lỗi chung, biết tự sửa lỗi.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: HS chăm chỉ, nghiêm túc học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
2. Luyện tập, thực hành: - GV trả bài cho HS và nhận xét chung	 - HS lắng nghe, đọc nhận xét ưu,

- Tổ chức cho HS sửa lỗi, viết lại câu. - GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện.	nhược điểm về bài của mình. - HS thực hiện - HS chia sẻ
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập - Nhận xét tiết học	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Đọc: CHÀNG TRAI LÀNG PHÙ ỦNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm câu chuyện *Chàng trai phù ủng*.
- Hiểu nội dung câu chuyện: Câu chuyện nói về một vị tướng tài giỏi của dân tộc Việt Nam – Phạm Ngũ Lão. Vị tướng này đã lập nhiều chiến công hiển hách, đặc biệt đã giúp nhà Trần hai lần đánh tan giặc Nguyên.
- Biết nhẫn giọng vào những từ ngữ thể hiện cảm xúc, biết phận biệt lời người dẫn chuyện với lời nhận vật.

* Năng lực chung: Năng lực trình bày, kĩ năng giao tiếp, hợp tác nhóm, năng lực ngôn ngữ.

* Phẩm chất: HS chăm chỉ, nghiêm túc học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	

- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Kể tên những vị tướng trong lịch sử nước ta mà em biết. Chia sẻ thông tin về một vị tướng em ngưỡng mộ. - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu - ghi bài	- HS thảo luận và chia sẻ theo nhóm đôi. - HS chia sẻ
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc: - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó (danh tướng, song toàn, kiệt xuất,...) - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ. - Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để hỏi; từ ngữ thể hiện cảm xúc. - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS lắng nghe, theo dõi - Bài chia làm 5 đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến chí khí khác thường Đoạn 2: Tiếp đến xá tội Đoạn 3: Tiến đến về kinh đô Đoạn 4: Tiếp đến mới ngoài 30 tuổi Đoạn 5: Còn lại - HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài: - GV yêu cầu học sinh đọc thầm và TL các câu hỏi: + Câu 1: Câu văn nào nói về tài năng của Phạm Ngũ Lão khi còn nhỏ?	- HS đọc và trả lời câu hỏi: + Từ nhỏ, ông đã nổi tiếng thông minh văn võ song toàn, chí khí khác

+ Câu 2: Yêu cầu HS hoạt động theo nhóm 4 trả lời câu hỏi: Chuyện gì xảy ra với Phạm Ngũ Lão khi Trần Hưng Đạo và quân lính đi ngang qua. + Câu 3: Gọi 1HS điều khiển trò chơi hoàn thành yêu cầu của bài. + Câu 4: Pham Ngũ Lão có những đóng góp gì cho đất nước? - Sau khi tìm hiểu về bài đọc, theo em bài đọc muốn nói với chúng ta điều gì?	thường. + Khi Trần Hưng Đạo và quân lính đi ngang qua, Phạm Ngũ Lão vẫn ngồi bên vệ đường đan sọt. Quân lính lấy giáo đâm và đùi ông, máu chảy nhưng ông đang tập trung suy nghĩ về binh thư nên không hay biết. + HS tham gia (1) Vì Phạm Ngũ Lão có tài, có đức nên ông được mời về kinh đô. (2)Vì được khổ luyện ở kinh đô nên ông mới có cơ hội bộc lộ tài năng của mình. (3)Vì ông hai lần chỉ huy binh sĩ đánh tan giặc Nguyên nên kẻ thù vô cùng khiếp sợ uy danh của ông. (4) Vì trận đánh nào ông cũng giành chiến thắng nên ông được gọi là vị tướng bách chiến bách thắng. + Phạm Ngũ Lão là một vị tướng tài giỏi, được giao chỉ huy nhiều trận đánh, trận nào cũng thắng. Ông lập được nhiều chiến công, đặc biệt là chiến công đánh tan quân Nguyên. - HS nêu: Câu chuyện nói về một vị tướng tài giỏi Phạm Ngũ Lão, ông đã lập nhiều chiến công hiển hách,
3. Luyện đọc lại - GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm. - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS thực hiện. - HS thực hiện.

4. Luyện tập, thực hành: - GV yêu cầu HS thực hiện câu 1,2 trong SGK vào phiếu học tập. Câu 1: Tìm từ có chứa tiếng "Tài" mang ý nghĩa có khả năng hơn người. *(tài nghệ, tài hoa, tài năng)* Câu 2: Tìm nghĩa của các thành ngữ *(- Văn võ song toàn: toàn năng, vừa có tài văn chương vừa giỏi võ nghệ* *- Bách chiến bách thắng: đánh trận nào thắng trận đó, không có đối thủ.* *- Bài binh bố trận: bố trí lực lượng, trận địa để chuẩn bị chiến đấu.* *- Hao binh tổn tướng: (tận đánh) thiệt hại nhiều.)* - Gọi HS nhận xét.	- HS hoàn thành. - HS chia sẻ trước lớp. - HS nhận xét.
5. Vận dụng, trải nghiệm: - Yêu cầu HS về nhà kể lại câu chuyện Chàng trai làng Phù Ủng cho người thân nghe. Có thể hỏi thêm về các nhân vật lịch sử. - Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe và thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được đoạn văn nêu lí do em thích một câu chuyện về tình yêu thương hoặc lòng biết ơn.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: HS chăm chỉ, nghiêm túc học tập.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV gọi HS đọc bài văn đã viết ở tiết trước. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài	 - HS đọc
2. Luyện tập, thực hành: - Gọi HS đọc đề bài và phần chuẩn bị ? Đề bài yêu cầu những gì? ? Kể tên những câu chuyện về tình yêu thương và lòng yêu thương mà em biết. - GV cho HS viết đoạn văn dựa theo gợi ý SGK. - GV quan sát, hỗ trợ HS. - Yêu cầu chia sẻ bài theo nhóm 4 và sửa lỗi. - Gọi 4-5HS đọc bài trước lớp. - Gọi HS HS nhận xét - GV nhận xét, tuyên dương.	 - HS đọc - HS nêu - HS chia sẻ - HS viết bài vào vở. - HS chia sẻ và sửa lỗi. - HS đọc bài - HS nhận xét
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn nêu ý kiến mà em viết	 - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

Tiếng Việt
Đọc mở rộng:

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tự đọc được một số bài thơ hoặc ca dao về lòng biết ơn.
- Hiểu và tự hào về lịch sử dựng nước và giữ nước của cha ông, biết ơn những thế hệ đi trước.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: Máy chiếu
- HS: SGK, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
2. Luyện tập, thực hành: - Gọi HS đọc đoạn thơ trong SGK - Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ các bài thơ, câu ca dao đã sư tầm được. - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những bài thơ, câu ca dao đã sư tầm được. - GV động viên, khen ngợi HS	 - HS đọc - HS đọc - HS viết phiếu - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học. - Em hãy chia sẻ với người thân về những câu ca dao tục ngữ về lòng biết ơn.	 - HS lắng nghe

	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

TUẦN 25

Tiếng Việt

ĐỌC: VƯỜN CỦA ÔNG TÔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện *Vườn của ông tôi.*
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật qua lời nói, cử chỉ, hành động, tình cảm…Hiểu được nội dung câu chuyện *Vườn của ông tôi*: Câu chuyện kể về khu vườn của người ông, qua đó thể hiện được sự trân trọng, lòng biết ơn của cháu con đối với ông đã làm nên khu vườn đó.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời trò chuyện và lời kể, lời chia sẻ tình cảm, cảm xúc của bà với cháu trong câu chuyện.

* Năng lực chung: Năng lực ngôn ngữ, năng lực văn học, năng lực giao tiếp, năng lực thẩm mĩ.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, tranh
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi suy nghĩ: *Tưởng tượng em được đến thăm một khu vườn ăn quả lâu năm. Chia sẻ với bạn cảm xúc, suy nghĩ của em về vườn cây ấy?*	- HS thảo luận, suy nghĩ
- GV gọi đại diện 2->3 HS chia sẻ.	- HS chia sẻ
- GV giới thiệu- ghi bài	- Lắng nghe
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài: Vườn của ông tôi	- HS đọc
	- *HS chia đoạn*
- Bài chia làm mấy đoạn? (Bài gồm 5 đoạn)	- HS đọc nối tiếp
+ Đoạn 1: Từ đầu đến để cho cá ăn sung	
+ Đoạn 2: Tiếp theo đến Như khi ông còn sống	
+ Đoạn 3: Tiếp đến Khoai sọ	
+ Đoạn 4: Tiếp đến còn mãi xanh tươi	
+ Đoạn 5: Còn lại	
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(Xoà xuống, giữa quãng cách, cây cau cao vút,...)*	- HS lắng nghe
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	
- Hướng dẫn HS đọc câu văn dài *+ Dù chỉ hoàn toàn là tưởng tượng/ nhưng bóng hình ông/không thể phai nhạt/khi vườn cây/ còn mãi xanh tươi//.* + Nhấn giọng ở một số từ ngữ gợi tả gợi cảm xúc nhân vật: *Chuối um tùm sau nhà. Trước sân là năm cây cau cao vút.*	
- Cho HS luyện đọc theo cặp	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- YC hs đọc toàn bài và TLCH	

+ Câu 1: Lần đâu về quê bạn nhỏ được bà nội giới thiệu cho biết về những cây nào trong vườn? (Lần đầu về quê bạn nhỏ được bà nội giới thiệu cho biết về nhiều loại cây: mít, nhãn, sung, chuối, cau, khế, dành dành, mẫu đơn...)	- Thực hiện - HS trả lời
+ Câu 2: Theo em qua lời giới thiệu của bà, bạn nhỏ hiểu được điều gì về vườn cây? (Cây nào trong vườn cũng gợi nhớ về ông./ Cây trong vườn luôn gợi kỉ niệm về ông/...)	- HS trả lời
+ Câu 3: Đóng vai bạn nhỏ, nói 1-. 2 câu nhận xét về vườn của ông?	- HS thực hiện
+ Câu 4: Vì sao hình bóng ông không bao giờ phai nhạt trong lòng người thân? (Hình bóng ông không bao giờ phai nhạt trong lòng người thân vì vườn cây luôn xanh tốt, luôn gợi cảnh ông chăm sóc vườn cây./..Vì vườn cây ông trồng luôn gợi hình bóng ông...)	
+ Câu 5: Câu chuyện cho em biết điều gì?(Câu chuyện kể về khu vườn của người ông, qua đó thể hiện được sự trân trọng, lòng biết ơn của cháu con đối với ông đã làm nên khu vườn đó).	- Rút ra ND bài
- GV kết luận, khen ngợi HS	- Lăng nghe
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Qua bài đọc, nếu là bạn nhỏ trong câu chuyện em sẽ làm gì để giữ gìn vườn cây của ông được nguyên vẹn như khi ông còn sống? - Nhận xét tiết học.	- HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: TRẠNG NGỮ CHỈ THỜI GIAN NƠI CHỐN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Hiểu được tác dụng và đặc điểm của trạng ngữ thời gian, chỉ nơi chốn trong câu (Trả lời câu hỏi ở đâu? Khi nào?). Bước đầu biết tìm được trạng ngữ chỉ nơi chốn trong đoạn văn xếp chúng vào nhóm thích hợp (BT2), biết thêm những bộ phận cần thiết để hoàn chỉnh câu có trạng ngữ cho trước(BT4)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo, tự chủ và tự học.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, trung thực.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Mở đầu:
- GV hỏi: + Đặt câu có thành phần trạng ngữ và nêu ý nghĩa?
- Nhận xét, tuyên dương
- Giới thiệu bài – ghi bài
2. Hình thành kiến thức:
Bài 1:
- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Bài yêu cầu làm gì? (Tìm trạng ngữ trong câu và cho biết chúng bổ sung thông tin gì)
- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi, hoàn thành phiếu học tập.
- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu KQ:
<table><tr><th>Câu</th><th>Trạng ngữ</th><th>Ý Nghã của TN</th></tr><tr><td>a. Mùa xuân, các loài hoa đua nhua khoe sắc</td><td>Mùa xuân</td><td>Bổ sung ý nghĩa về thời gian</td></tr><tr><td>b. Trân cành cây, lộc non đã nhú xanh biếc</td><td>Trân cành cây</td><td>Bổ sung ý nghĩa về Nơi chốn</td></tr><tr><td>c. Tháng ba, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc.</td><td>Tháng ba</td><td>Bổ sung ý nghĩa về Thời gian</td></tr></table>- GV cùng HS nhận xét.</td><td>- 2-3 HS trả lời

- HS đọc
- HS trả lời

- Thảo luận nhóm đôi

- HS trả lời

- Lắng nghe</td></tr>
</table>

Bài 2: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. (Đặt câu hỏi cho các trạng ngữ tìm được?) - Cho HS làm bài cá nhân - NX, khen ngợi KQ: a. Khi nào/ Bao giờ các loài hoa đua sắc? b. lộc non đã nhú xanh biếc ở đâu ? c. Khi nào, hoa ban nở trắng núi rừng Tây Bắc?	 - HS nêu - HS trả lời
***) Ghi nhớ** - Hỏi: Trạng ngữ chỉ thời gian có nghĩa gì trong câu? Trạng ngữ chỉ nơi chốn có nghĩa gì trong câu? - Nhận xét, rút ra ghi nhớ	- Thảo luận - 2 hs nêu ghi nhớ
3. Luyện tập thực hành **Bài 3:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS thảo luận nhóm đôi làm PBT - Tổ chức cho HS chia sẻ - KQ: + TN chỉ TG: Tháng chạp, vào ngày tết + TN chỉ nơi chốn: Ở góc vườn, Khắp gian phòng.	 - HS đọc - HS thaot luận - HS thực hiện chia sẻ
Bài 4. Thêm trạng ngữ chỉ thời gian, nơi chốn vào câu. - Gọi HS đọc bài tập - HD HS làm bài. - Cho HS làm bài vào vở - Nhận xét, khen ngợi KQ: a. Trên cành cây….. b. Mùa hè…. c. Sáng sớm……	 - HS nêu Yc - Cá nhân lam vào vở - Đại diện chia sẻ
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Tổ chức thảo luận nhóm 4 cùng bạn hỏi đáp về thời gian, nơi chốn.	 - 2-3 HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....
.....

Tiếng Việt

Viết: TRẢ BÀI VIẾT ĐOẠN VĂN NÊU Ý KIẾN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận thức đúng cách viết bài văn, lỗi trong bài văn. Biết tham gia sửa lỗi chung: ý, bố cục bài, cách dùng từ, đặt câu, lỗi chính tả; biết tự sửa lỗi theo yêu cầu của giáo viên

* Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề và sáng tạo, ngôn ngữ, thẩm mĩ, văn học.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, nhân ái.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS đọc lại đề bài đã viết ở tiết trước, trả lời câu hỏi: + Đề bài yêu cầu những gì? Lí do mình viết đoạn văn đó? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- 2-3 HS đọc và trả lời
2. Luyện tập, thực hành: - GV trả bài cho HS - Gọi HS đọc bài viết của mình. - GV nhận xét bài làm của HS - GV quan sát, hỗ trợ HS.	- HS viết bài vào vở.
+ Ưu điểm: HS hiểu đề, viết đúng y/c của đề. Xác định đúng đề bài, hiểu bài, bố cục. Diễn đạt câu, ý đầy đủ. Có sự sáng tạo khi miêu tả. Hình thức trình bày bài văn hay, ít mắc lỗi chính tả - GV nêu tên những bài viết đúng y/c, sinh động giàu tình cảm, sáng tạo, có sự liên kết giữa các phần: Mở bài, thân bài, kết bài + Tồn tại: Một số bạn viết còn sai lỗi chính tả, dùng chưa đúng câu văn, diễn đạt ý chưa được hay. - GV yêu cầu một số học sinh đjc lại bài	- HS soát lỗi và sửa lỗi.

của mình **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Yêu cầu chia sẻ với người thân về một hoặc nhiều điều đã học từ bài viết của bạn.	 - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: TRONG LỜI MẸ HÁT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ: Trong lời mẹ hát, nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện tình cảm, cảm xúc của bạn nhỏ đối với người mẹ của mình
- Hiểu được nội dung bài: Ý nghĩa của lời mẹ ru với cuộc đời người con, lòng biết ơn của người con đối với mẹ

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mĩ, văn học.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, tranh ảnh
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - YCHS thảo luận theo cặp: Kể cho bạn nghe một kỉ niệm của mình với người thân mà mình nhớ nhất? Nêu cảm nghĩ của mình khi nhớ về kỉ niệm ấy? - GV gọi HS đại diện lên chia sẻ - GV nhận xét, giới thiệu bài mới. **2. Hình thành kiến thức:** *a. Luyện đọc:* - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn? (4 đoạn tương ứng 4 khổ thơ)	 - HS đọc nối tiếp - HS trả lời - HS lắng nghe - HS lắng nghe, theo dõi - Thực hiện chia đoạn

- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(Chòng chành, nôn nao,...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 HD ngắt giọng (Ngắt theo nhịp 2/2/2, 3/3 hoặc 2/4...)	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS luyện đọc
- HS đọc toàn bài	
b. Tìm hiểu bài:	
- GVYC hs đọc toàn bài thảo luận cặp đôi và TLCH	- HS trả lời
Câu 1: Khổ thơ nào cho thấy ngay từ thuở ấu thơ, bạn nhỏ đã được nghe mẹ kể chuyện cổ tích, hát ru những bài ca dao? (Khổ thơ đầu tiên cho thấy ngay từ thuở ấu thơ bạn nhỏ đã được nghe mẹ kể chuyện cổ tích, hát ru những bài ca dao)	
Câu 2: Tìm những ảnh đẹp, gần gũi được gợi ra từ lời hát ru của mẹ? (Những hình ảnh gần gũi: Cánh cò trắng, đồng lúa xanh, hoa mướp vàng và những câu đồng dao).	
Câu 3: Qua cảm nhận của bạn nhỏ về mẹ (Ở khổ thơ thứ ba), em thấy bạn nhỏ là người ntn? (Bạn nhỏ rất yêu thương mẹ, bạn cảm nhận được những hi sinh vất vả của mẹ vì các con...)	- HS nối tiếp nêu
Câu 4: Dựa theo nội dung khổ thơ thứ tư, đóng vai bạn nhỏ để nới lời tâm sự với mẹ? (VD Mẹ ơi1 từ lời ru của mẹ con đã lớn lên nhiều, con rất yêu mẹ...)	- HS thảo luận và chia sẻ .
Câu 5: HS chọn theo ý kiến của mình giải thích vì sao?	- HS trả lời
- GV chốt ND: Ý nghĩa của lời mẹ ru với cuộc đời người con, lòng biết ơn của người con đối với mẹ	- HS lắng nghe
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc thuộc lòng 3 khổ thơ cuối.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Yêu cầu hoạt động nhóm 4 tìm những hình ảnh nhân hóa trong bài thơ *Trong lời*	-HS trả lời

mẹ hát. (Tuổi thơ – chở cổ tích; dòng sông – đưa con đi; thời gian – chạy qua tóc mẹ) + Viết 2-3 câu về những việc mẹ đã làm cho em, trong đó có Tn chỉ thời gian hoặc nơi chốn (Hồi em vào lớp 1, mẹ đưa em đến trường..) - GV cùng HS nhận xét và sửa câu. - Nhận xét tiết học.	- Cá nhân HS thực hiện sau đó chia sẻ trước lớp.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Lập được dàn ý cho bài văn thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của mình
- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, yêu nước

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, tranh, PBT
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	 - HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: - GV trả bài cho HS nêu đề bài Đề bài: Viết bài văn thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn và chia sẻ suy nghĩ, cảm xúc của em về sự việc đó? GV hỏi: + Đề bài yêu cầu những gì? GVHD học sinh: Chọn SV thể hiện truyề thống Uống nước nhớ nguồn như: Thăm viện bảo tàng, chăm sóc nghĩa trang, tặng	 - HS lắng nghe, đọc yc bài - HS thực hiện - Trả lời

quà người già…) - Nhớ lại và sắp xếp theo trình tự thời gian. - Yc hs thảo luận nhóm 4 lập dàn ý Mở bài: Giới thiệu sự việc thời gian, địa điểm tham gia hoạt động… TB: Nêu diễn biến SV theo trình tự thời gian trước – sau, bắt đầu- kết thúc, hôm trước – hôm nay…) KB: Bày tỏ cảm xúc - YC học sinh thảo luận nhóm 4 và chia sẻ - GV nhận xét đóng góp cho hs - GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và ghi lại những câu văn, những điều em muốn học tập - Nhận xét tiết học	- HS chia sẻ - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: TRUYỀN THỐNG UỐNG NƯỚC NHỚ NGUỒN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống Uống nước nhớ nguồn, chia sẻ cảm xúc của mình

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo, thẩm mĩ, văn học.

* Phẩm chất: Chăm chỉ, trách nhiệm, nhân ái, yêu nước

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu: BVN cho học sinh hát 1 bài hát: Chú bộ đội	- HS hát
2. Luyện tập, thực hành:	
- YCHS thảo luận nhóm 4 nêu lại nội dung dàn ý bài viết về nội dung viết Uống nước nhớ nguồn	- HS lắng nghe
- Tổ chức cho HS nói và chia sẻ thuật lại nội dung ở giờ viết	- HS đọc
- HDHS khi kể kết hợp sử dụng giọng nói, cử chỉ	
- GV động viên, khen ngợi HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy chia sẻ với người thân suy nghĩ, cảm xúc của em về những việc làm góp phần giữ gín truyền thống Uống nước nhớ nguồn.	- HS thực hiện
- VN tìm đọc thêm những câu chuyện về lòng biết ơn.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 26

Tiếng Việt

Đọc: NGƯỜI THẦY ĐẦU TIÊN CỦA BỐ TÔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu đoạn và toàn bộ câu chuyện *Người thầy đầu tiên của bố tôi,* biết đọc diễn cảm thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện, biết nắt nghỉ sau dấu câu.
- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua từ ngữ, câu trong bài đọc, nhận biết đucọ ý chính của mỗi đoạn
- Hiểu vì sao bài văn của bạn nhỏ có thêm các chi tiết đặc sắc. Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyên. (Học trò luôn kính trọng và biết ơn thầy cô giáo đã dạy dỗ mình nên người. Thầy cô giáo cũng vô cùng thương yêu và luôn dành cho học trò những gì tốt đẹp nhất.)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, cần cù, chịu khó. Biết trân trọng thầy cô trong sự nghiệp trồng người.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1.Mở đầu + GV yêu cầu HS nêu tên bài đọc tuần trước. + Gọi HS đọc thuộc 3 khổ thơ trong bài "Trong lời mẹ hát" và nêu nội dung của bài + Giới thiệu, ghi đề bài, cho HS nêu yêu cầu cần đạt.	 - HS trả lời - HS đọc thuộc 3 khổ thơ và trả lời câu hỏi - HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt
2. Hình thành kiến thức: ***a. Luyện đọc:*** - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? Bài chia làm 2 đoạn *Đoạn 1:Từ đầu ... xin mời vào nhà* *Đoạn 2: Còn lại* + Lần 1: Sửa lỗi phát âm - GV cho HS đọc nối tiếp đoạn kết hợp đọc các từ khó kết hợp ngắt câu dài Luyện từ: Cơ – rô –xét – ti, An – béc – tô Bốt – ti –ni. Ngắt câu dài: Hôm qua,/ bố rủ tôi đi tàu/ đến thăm người thầy đầu tiên của bố,/ thầy Cơ – rô – xét – ti,/ năm nay đã tám mươi tuổi.// + Lần 2: Giải nghĩa từ - Yêu cầu HS đọc nối tiếp lần 2 - Yêu cầu HS đọc, kết hợp giải nghĩa từ: hân hạnh	 - 1 HS đọc - HS trả lời - 2 HS đọc nối tiếp 2 đoạn - HS phát âm các từ khó - HS nêu cách ngắt câu và đọc lại câu dài - 2 HS đọc nối tiếp

+ Lần 3: Luyện đọc theo nhóm - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 2 - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm đọc trước lớp - GV nhận xét phần đọc của HS	- HS giải nghĩa từ - HS đọc theo nhóm 2 - Đại diện 2 nhóm đọc trước lớp
b. Tìm hiểu bài - Yêu cầu học sinh đọc thầm đoạn 1 thảo luận nhóm 2 và TLCH 1. Hành động bỏ mũ khi chào thày giáo cũ của bố bạn nhỏ nói lên điều gì? + Với những thày cô dã dạy dỗ mình nên người mình cần có tháu độ thế nào? + Nêu ý chính của đoạn 1 - Yêu cầu 1 học sinh đọc đoạn 2 cả lớp đọc thầm TLCH 2. Những cử chỉ, lời nói, việc làm nào của thầy giáo làm cho bố bạn nhỏ xúc động? 3. Vì sao bố bạn nhỏ rưng rưng khi nhận lại bài chính tả cũ của mình? + GV cho HS đọc kĩ câu hỏi, thảo luận nhóm 2 rồi trả lời. + Nêu ý chính của đoạn 2 4. Theo em, bạn nhỏ có cảm nghĩ gì khi được đến thăm người thầy đầu tiên của bố? + Từ 2 ý chính yêu cầu học sinh rút ra nội dung chính của bài + GV chốt nội dung: *Câu chuyện cảm động về tình cảm của thầy giáo đối với học trò và sự kính trọng, biết ơn của học trò đối với thầy giáo.* + Gọi 2 HS đọc lại nội dung của bài	 - HS đọc thầm thảo luận - HS trả lời câu hỏi 1 - HS trả lời câu hỏi Ý1: Sự kính trọng và biết ơn thầy giáo cũ của bố bạn nhỏ - HS đọc và trả lời câu hỏi 2 - HS thảo luận và trả lời câu hỏi 3. Ý 2: Thầy giáo cũ của bố vô cùng thương yêu , trân trọng những kỉ niệm đẹp với học trò - HS đưa ra nhiều ý kiến khác nhau - HS rút ra nội dung chính của bài.

	- 2 HS đọc lại nội dung
3. Luyện tập, thực hành: + Yêu cầu HS rút ra giọng đọc toàn bài. + Giọng đọc: nhẹ nhàng, tình cảm + GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm đoạn 2 + Yêu cầu HS luyện đọc phân vai, HS thi đọc trước lớp - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS rút giọng đọc - HS lắng nghe - 3 HS sắm vai đọc đoạn 2: vai cậu bé, bố, thầy giáo
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về tình cảm thầy trò? - Nhận xét tiết học. - Chuẩn bị bài "Trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích"	- HS trả lời. - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: TRẠNG NGỮ CHỈ NGUYÊN NHÂN, MỤC ĐÍCH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được trạng ngữ chỉ nguyên nhân, mục đích.
- Biết phân biệt và sử dụng đúng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích
- Đặt được câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	

- GV hỏi: Trạng ngữ là gì? Đặt 1 câu có sử dụng trạng ngữ. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài	- 2-3 HS trả lời - HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt của tiết học
2. Luyện tập, thực hành: **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 2 - Đại diện HS trình bày trước lớp - GV cùng HS nhận xét. - Trạng ngữ đứng ở vị trí nào trong câu? Nó bổ sung thông tin gì cho câu? GV chốt đáp án: Trạng ngữ a. Nhờ chuyến đi cùng bố (bổ sung nguyên nhân của sự việc) b. Vì đã cống hiến đời mình cho Tổ quốc (Bổ sung thông tin nguyên nhân của sự việc) c. Để ghi nhớ công ơn của các thương binh (Bổ sung thông tin mục đích của hoạt động)	 - HS đọc yêu cầu - HS trả lời - HS thảo luận nhóm 2 - HS trình bày trước lớp - HS trả lời - HS lắng nghe
Bài 2: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. + GV hướng dẫn mẫu: VD: *Nhờ đâu* cậu bé hiểu được lí do bố cậu yêu quý và kính trọng thầy giáo cũ của mình? + GV cho HS thảo luận nhóm 2 làm câu b,c. Và đại diện trình bày trước lớp Đáp án:	 - HS đọc yêu cầu đề bài - HS lắng nghe - HS thảo luận nhóm 2 và đại diện trình bày trước lớp

b. Vì sao các liệt sĩ được nhân dân đời đời nhớ ơn? *c. Trường em tổ chức lễ đền ơn, đáp nghĩa để làm gì?* + Em hiểu thế nào là trạng ngữ chỉ nguyên nhân? Trạng ngữ chỉ mục đích? + Trạng ngữ chỉ nguyên nhân trả lời cho câu hỏi nào? Trạng ngữ chỉ mục đích trả lời cho câu hỏi nào? + GV kết luận ghi nhớ SGK + GV cho HS đặt miệng câu có trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích? + Gv nhận xét tuyên dương HS	- HS trả lời - 2 HS đọc ghi nhớ - 2 HS đặt câu
Bài 3: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Trình chiếu bài 3, cho HS làm việc cá nhân rồi trả lời - Tổ chức cho HS đọc kết quả và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS xác định đúng trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích. Chốt: Câu a,d: TN chỉ nguyên nhân Câu b,d: TN chỉ mục đích + Yêu cầu HS nhắc lại TN chỉ nguyên nhân, TN chỉ mục đích	- HS đọc - HS xác định trạng ngữ chỉ nguyên nhân, trạng ngữ chỉ mục đích - HS thực hiện - HS nhắc lại kiến thức
Bài 4: + Cho HS đọc thầm nêu yêu cầu đề bài	- HS đọc thầm nêu yêu cầu đề bài

+ HS trao đổi theo nhóm 4 TLCH + Gọi đại diện nhóm trình bày + Cho các nhóm khác nhận xét, nêu lí do mình điền từ: Vì, để, nhờ + GV nhận xét, trình chiếu chốt đáp án: Câu a: Để Câu b: Nhờ Câu c: Vì	- HS thảo luận nhóm 4 - Đại diện nhóm trình bày
Bài 5: + GV cho HS đọc yêu cầu đề bài + GV cho HS quan sát tranh và miêu tả nội dung các tranh. + GV cho HS viết vào vở + GV cho HS trình bày kết quả trước lớp. + GV trình chiếu bài làm của HS nhận xét về nội dung và hình thức của câu. (Nội dung: Câu có sử dụng TN chỉ nguyên nhân, TN chỉ mục đích. Hình thức: đầu câu viết hoa, cuối câu có dấu chấm) + GV yêu cầu HS nhắc lại kiến thức: Khi đặt câu có TN chỉ nguyên nhân, TN chỉ mục đích ta cần lưu ý điều gì?	- HS đọc yêu cầu đề bài - HS quan sát tranh và miêu tả nội dung các tranh - HS viết vào vở - HS trình bày kết quả - HS xem bài của bạn để sửa - HS trả lời
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhắc lại TN chỉ nguyên nhân, TN chỉ mục đích - Nhận xét tiết học - Chuẩn bị tiết sau: Viết bài văn thuật lại 1 sự việc.	- HS nhắc lại kiến thức - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Viết : VIẾT BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được bài văn thuật lại một sự việc
- Có ý thức đổi mới phương pháp học tập, ham tìm tòi, khám phá, để học tập đạt kết quả tốt, có tinh thần học tập nghiêm túc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở bài 14, trả lời câu hỏi: - Dàn ý bài văn thuật lại sự việc có mấy phần? Nêu nội dung từng phần? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- HS đọc lại dàn ý - HS trả lời - HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt của tiết học
2. Luyện tập, thực hành: - GV cho HS đọc yêu cầu đề bài. - GV cho HS đọc lại dàn ý và viết bài văn vào vở - GV quan sát, hỗ trợ HS. - Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa. (về bố cục, nội dung, diễn đạt)	- Đề bài: Viết bài văn thuật lại một sự việc thể hiện truyền thống uống nước nhớ nguồn và chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của em về sự việc đó. - HS viết bài cá nhân vào vở - HS chỉnh sửa theo yêu cầu của GV

- Gv nhận xét bài làm và chỉnh sửa	
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học. - Đọc lại bài văn của em cho người thân nghe.	- HS lắng nghe - HS thực hiện theo yêu cầu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: NGỰA BIÊN PHÒNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ, biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc; biết nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ.
- Nhận biết và hiểu được các hình ảnh trong bài thơ, nhận biết được biện pháp so sánh trong việc xây dựng các hình ảnh thơ, hiểu được điều tác giả muốn nói qua bài thơ.
- Hiểu được nội dung bài: Các chú bộ đội biên phòng đang vất vả ngày đêm canh giữ bảo vệ biên cương của Tổ quốc. Đồng hành với các chú là những chú ngựa biên phòng. Bài thơ khuyên chúng ta biết ơn những chú bộ đội biên phòng.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV gọi 2 HS chia sẻ cảm nghĩ của mình về bài *Người thầy đầu tiên của bố tôi* - GV gọi HS đọc thuộc một vài câu thơ, hoặc tục ngữ nói về thầy cô giáo	- 2 HS chia sẻ cảm nghĩ - 2 HS đọc thơ

- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS ghi đề bài vào vở và nêu yêu cầu cần đạt của tiết học
2. Hình thành kiến thức: *a. Luyện đọc:* - GVgọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài thơ *Ngựa biên phòng* có mấy khổ? + GV: bài có 5 khổ thơ. Mỗi lần chấm xuống dòng cách 1 dòng là 1 đoạn. + Lần 1: Sửa lỗi phát âm - GV cho HS đọc nối tiếp khổ thơ kết hợp đọc các từ khó kết hợp ngắt câu dài Luyện từ: lưng ngựa, nổi gió, rạp mình,... + Bài thơ thuộc thể thơ gì? + Với thể thơ tự do ta ngắt nhịp thơ như thế nào? + Lần 2: Giải nghĩa từ - Yêu cầu HS đọc nối tiếp lần 2 - Yêu cầu HS đọc, kết hợp giải nghĩa từ: biên phòng, phăm phăm, vó ngựa. + Lần 3: Luyện đọc theo nhóm - GV cho HS luyện đọc theo nhóm 2 - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm đọc trước lớp - GV nhận xét phần đọc của HS	- HS đọc - HS trả lời - 5 HS đọc nối tiếp 5 khổ thơ và phát âm các từ khó - HS trả lời - Hs nêu cách ngắt nhịp thơ và đọc lại khổ thơ - 5 HS đọc nối tiếp và giải nghĩa từ dựa vào SGK. - HS đọc theo nhóm 2 - Đại diện 2 nhóm đọc trước lớp
b. Tìm hiểu bài - Yêu cầu học sinh đọc thầm toàn bài và TLCH 1. Chú bộ đội biên phòng đang làm nhiệm vụ gì? Theo em công việc đó vất vả, gian khổ như thế nào? 2. Hình ảnh ngựa biên phòng được miêu tả	- HS đọc thầm - HS trả lời câu hỏi 1

thế nào? Hình ảnh đó gợi cho em cảm nghĩ gì? - Đại diện nhóm phát biểu trước lớp, các nhóm khác nhận xét bổ sung. + GV: Hình ảnh gợi cho ta cảm giác chú ngựa rất đẹp, khỏe, dẻo dai, hùng dũng oai phong, gạn dạ. + Gv gọi 1 HS đọc đoạn 4,5 và thảo luận nhosm2 trả lời câu 3 3. Chi tiết nào cho thấy chú bộ đội và các bạn nhỏ vùng biên giới rất yêu quý ngựa biên phòng? + Gọi đại diện nhóm trả lời. 4. Theo em vì sao ngựa biên phòng được yêu quý như vậy? - GV giảng thêm: Nhờ có ngựa biên phòng mà các chú bộ đội đã hoàn thành tốt nhiệm vụ phòng thủ, bảo vệ vùng biên giới của Tổ quốc. + Nêu nội dung toàn bài: Nội dung: Câu 5 đáp án C - GV gọi HS nhắc lại nội dung	- HS đọc và thảo luận trả lời câu hỏi 2 - Hs trả lời - HS đọc đoạn 4,5 - HS trả lời - HS đọc và thảo luận trả lời câu 3 - HS gạch dưới các hình ảnh - HS trả lời - HS rút ra nội dung của bài đọc - 2 HS nhắc lại nội dung
3. Luyện tập, thực hành: - GV hướng dẫn HS đọc thuộc lòng + GV cho HS đọc nhiều lần cho đến khi thuộc + GV cho HS đọc thuộc từng câu thơ, từng	- HS lắng nghe - HS thực hiện

khổ thơ trong nhóm 4 - Yêu cầu HS l thi đọc thuộc trước lớp - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS luyện đọc theo nhóm - HS thi đọc trước lớp
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Tìm trong bài đọc *Ngựa biên phòng* những câu thơ có sử dụng biện pháp so sánh. - Đặt 2-3 câu về chú ngựa biên phòng, trong đó có sử dụng biện pháp so sánh. - Nhận xét tiết học - Chuẩn bị bài " Trả bài văn thuật lại một sự việc."	- HS trả lời. - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TRẢ BÀI VĂN THUẬT LẠI MỘT SỰ VIỆC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- HS nắm được những ưu điểm và hạn chế trong bài văn của mình
- HS biết tự sửa lại bài theo gợi ý của cô và viết lại đoạn văn theo cách hay hơn.

* Năng lực chung: giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	- HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: **2.1. GV nhận xét chung** + GV nêu nhận xét về ưu điểm và hạn chế	- HS lắng nghe

trong bài làm của HS. - Bố cục: đầy đủ 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài. - Trình tự sắp xếp sự việc: Các sự việc thuật lại theo đúng trình tự thời gian diễn ra trong thực tế. Một số bài sắp xếp còn lộn xộn, chưa hợp lí,... - Dùng tự đặt câu: Một số HS có cách dùng từ chưa chính xác, chưa thể hiện được cảm xúc. Một số HS còn sai lỗi chính tả về;..... . + Gv đọc mẫu một số bài viết tốt - Cho học sinh đọc yêu cầu 2 **2.2. Chỉnh sửa bài viết.** - GV cho HS tự đọc lại bài của mình, sửa lỗi theo nhận xét của cô. - GV cho HS đổi chéo vở đọc lại để sửa lỗi cho bạn. - GV cho HS đọc lại bài đã sửa trước lớp GVKL: Nhắc lại về bố cục, cách sắp xếp, cách dùng từ đặt câu khi viết văn. **2.3. Học tập bài văn tốt** - GV chọn 2-3 bài văn viết tốt trình chiếu lên bảng, yêu cầu HS đọc trước lớp. + Cho HS thảo luận về cái hay cái tốt từ bài văn của bạn. + Gọi đại diện các nhóm trình bày điều mình học được từ bài viết của bạn **2.3. Viết 1 đoạn trong bài văn của em cho hay hơn** - GV cho HS viết lại đoạn văn và trao đổi với bạn về đoạn văn đã viết lại	- HS lắng nghe - HS dựa vào câu chuyện nêu bối cảnh và nêu diễn biến của các sự việc. - HS đọc lại bài và sửa lỗi - HS đổi chéo vở soát lỗi cho nhau - HS đọc bài trước lớp - HS đọc bài trước lớp - HS thảo luận về bài của bạn rút ra những cái mình học được

- Gv cho HS đọc lại đoạn văn và cho HS nhận xét phân biệt sự khác nhau giữa đoạn văn cũ và đoạn văn mới	- HS trả lời - HS viết lại đoạn văn - HS trao đổi về đoạn văn vừa viết - HS thực hiện
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Tổ chức cho HS nhắc lại kiến thức khi viết một bài văn thuật lại sự việc cần lưu ý gì để bài viết hay, đủ ý. - Chia sẻ với người thân một câu chuyện về lòng biết ơn mà em đã đọc. - Nhận xét tiết học	- HS nhắc lại kiến thức theo yêu cầu của GV - HS lắng nghe - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc mở rộng theo yêu cầu, biết ghi vào phiếu đọc sách thông tin về bài đọc, biết trao đổi với bạn về nội dung chính và những điều em thấy xúc động trong câu chuyện.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, máy chiếu, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
2. Luyện tập, thực hành:	
+ GV cho HS đọc yêu cầu 1 SGK trang 69**.**	- HS đọc
+ GV hướng dẫn HS lựa chọn một câu chuyện về lòng biết ơn theo gợi ý SGK	- HS lựa câu chuyện nêu rõ lí do tại sao mình chọn bài đó.
+ GV cho HS trình bày bày trước lớp.	
+ GV nhận xét về cách đọc bài mở rộng của HS.	- HS thực hiện theo yêu cầu
- Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu	- HS viết phiếu
- Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những nội dung cần ghi trong phiếu đọc sách, về trải nghiệm được nói đến trong bài thơ, bài văn mà em đã đọc.	- HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp
- GV động viên, khen ngợi HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy trao đổi với bạn về nội dung chính và những điều em thấy xúc động trong câu chuyện.	- HS thực hiện
- Nhận xét tiết học	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 27

Tiếng Việt

Tiết 1-2: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm được các văn bản được học; bước đầu biết nhấn giọng ở các từ ngữ quan trọng, thể hiện được cảm xúc qua giọng đọc.
- Hiểu nội dung bài đọc. Bước đầu biết tóm tắt văn vản, nêu được chủ đề của văn vản.

- Nhận biết được các từ ngữ miêu tả hình dạng, điệu bộ, hành động,.. thể hiện đặc điểm, tính cách của nhân vật.
- Nêu được tình cảm, suy nghĩ về văn bản, biết giải thích vì sao yêu thích văn bản, ý nghĩa của văn bản đối với bản thân hoặc cộng đồng.
- Xác định được chủ ngữ, vị ngữ và trạng ngữ trong đoạn văn đã cho.
- Viết đoạn văn về một nhân vật trong câu chuyện đã nghe, đã đọc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, thẩm mĩ, giao tiếp và hợp tác.
* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS nêu lại các chủ đề đã học. - GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu- ghi bài **2. Luyện tập thực hành:** ** Nói tên các bài đã học* - GV chiếu nội dung bài 1, yêu cầu HS chọn đọc 1 bài trong số đó và trả lời câu hỏi. - GV quan sát, hỗ trợ khi cần. - Nhận xét chung. - Kết luận: Cuộc sống của chúng ta sẽ trở nên ấm áp hơn khi có những tấm lòng đồng cảm, sẻ chia. Trong cuộc sống, khi ai đó gặp khó khăn hay buồn phiền, đau khổ, nếu được mọi người xung quanh hỏi han, chia sẻ, động viên, giúp đỡ, … thì người đó sẽ cảm thấy được truyền thêm nghị lực, cảm thấy vợi bớt buồn khổ. Sự đồng cảm, sẻ chia mọi người dành cho nhau tạo nên tinh thần đoàn kết.	 - HS nêu câu trả lời. - HS chia sẻ - HS nêu tên các bài đã học trong chủ điểm ***Sống để yêu thương***. - HS quan sát, lựa chọn bài đọc, chuẩn bị câu trả lời. - HS đọc bài và trả lời câu hỏi theo nhóm 4. - Cả nhóm nhận xét và góp ý. - HS lắng nghe.
** Nghe-viết: Cảm xúc Trường Sa (4 khổ thơ đầu)* - GV đọc đoạn viết.	 - HS lắng nghe.

<table>
<tr>
<td>- Trong đoạn viết có những danh từ riêng nào cần phải viết hoa?
(Trường Sa, Đá Thị, Len Đao, Song Tử Tây, Sơn Ca, Sinh Tồn).
- Có những từ ngữ nào khi viết em cần chú ý để tranh viết sai?
- GV đọc.
- Đọc lại.
- Chấm một số bài, nhận xét.</td>
<td>- 1HS đọc lại.
- HS chia sẻ trước lớp.
- HS nhận xét, bổ sung.

- HS lắng nghe, viết bài.
- Đổi chéo vở kiểm tra.
- Lắng nghe.</td>
</tr>
<tr>
<td>*Xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu trong đoạn văn.
- YC HS đọc đề bài, xác định yêu cầu của bài, làm bài cá nhân-nhóm-lớp.
-Đáp án:
<table>
<tr><th>Câu</th><th>CN</th><th>VN</th></tr>
<tr><td>1</td><td>Mùa xuân</td><td>trở về.</td></tr>
<tr><td>2</td><td>Nước biển</td><td>ấm hẳn lên.</td></tr>
<tr><td>3</td><td>Những con sóng</td><td>không còn ồn ào nữa.</td></tr>
<tr><td>4</td><td>Đại dương</td><td>khe khẽ hát những lời ca em đềm.</td></tr>
<tr><td>5</td><td>Đàn cá hồi</td><td>bỗng ngưng kiếm ăn..</td></tr>
<tr><td>6</td><td>“Nơi chôn rau cắt rốn” của chúng</td><td>là thượng nguồn của dòng sông.</td></tr>
</table>
- GV chốt câu trả lời đúng.</td>
<td>- 2 HS đọc đề bài bài 3.
- Nêu yêu cầu của bài.
- HS làm việc cá nhân tự xác định chủ ngữ, vị ngữ của mỗi câu sau đó trao đổi trong N2.
-2HS lên bảng chữa bài, mỗi em chữa 3 câu.
- Lớp nhận xét, góp ý.</td>
</tr>
<tr>
<td>*Xác định trạng ngữ của mỗi câu trong đoạn văn.
- Hướng dẫn tương tự bài 1.
a) Trạng ngữ: Mùa đông; Khi đi chợ, Mỗi khi ăn cơm.
b) Trạng ngữ: Một giờ sau cơn dông; Mùa hè; Quanh các luống kim hương.
- Nhận xét chung.
- Các trạng ngữ trên bổ sung ý nghĩa gì cho câu?
(+ Bổ sung ý nghĩa về thời gian: Mùa đông; Khi đi chợ, Mỗi khi ăn cơm; Một giờ sau cơn dông; Mùa hè.
+ Bổ sung về nới chốn, địa điểm: Quanh các luống kim hương).</td>
<td>- 2 HS đọc đề bài bài 4.
- Nêu yêu cầu của bài.
- Làm bài vào VBT (gạch chân dưới các trạng ngữ.
-Đối chiếu kết quả theo cặp.
- 2 HS lên bảng.
- Lớp nhận xét, góp ý.
- HS thảo luận N2, trả lời câu hỏi.</td>
</tr>
<tr>
<td>*Viết đoạn văn (2-3 câu) về một nhân vật</td>
<td>- Đọc bài 5, nêu yêu cầu.</td>
</tr>
</table>

trong câu chuyện đã đọc, đã nghe. Xác định CN, VN, TN của mỗi câu. - Yêu cầu HS hoàn thành bài tập. - Hướng dẫn HS nhận thức chưa nhanh. -Nhận xét, góp ý, tuyên dương những bài viết tốt.	- Xác định câu chuyện, nhân vật trong câu chuyện mình định viết. - Viết đoạn văn theo yêu cầu bài. - Chia sẻ trong nhóm. - Một số HS đọc bài trước lớp, nêu CN, VN, TN của mỗi câu văn vừa viết. -Nhận xét, bổ sung.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Nhận xét tiết học.	 - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Tiết 3-4: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc thuộc lòng đoạn thơ trong bài thơ đã học.
- Rèn kĩ năng đọc hiểu văn bản, tìm câu chủ đề trong đoạn văn.
- Viết được đoạn văn theo theo yêu cầu cho trước.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS xác định TN, CN, VN trong câu văn sau: "Ở phố, người ta chỉ trồng được những loại cây be bé." - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài **2. Luyện tập, thực hành:**	- HS thực hiện.

** Đọc thuộc lòng đoạn thơ đã học.* - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - Tổ chức cho HS đọc thuộc lòng đoạn thơ khoảng 80 chữ trong một bài thơ đã học và trả lời câu hỏi (theo nội dung BT1 – SGK). - GVnhận xét, tuyên dương. ** Đọc bài và trả lời câu hỏi* a) Đoạn mở đầu giới thiệu sự việc gì? (Đoạn mở đầu giới thiệu sự việc trứng bọ ngựa nở). b) Các chú bọ ngựa non được miêu tả thế nào qua từng khoảnh khắc dưới đây?	- HS đọc yêu cầu bài 2. - HS trả lời. - Hoạt động cá nhân chuẩn bị câu trả lời cho từng câu hỏi. - Chọn bài để đọc thuộc lòng. - Đọc bài và trả lời câu hỏi trong N4. - Các thành viên khác nhận xét, góp ý. - Một số em đọc bài, trả lời câu hỏi trước lớp. - 2 HS đọc bài. - HS trả lời cá nhân. - HS thảo luận N2. - Làm bài trên phiếu bài tập. - Đại diện nhóm chữa bài, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

Trong quá trình lách ra khỏi kẽ hở trên ổ trứng mẹ	Những chú bọ ngựa bé tí ti như con muỗi màu xanh cốm, ló cái đầu tinh nghịch… rồi nhẹ nhàng tọt ra khỏi ổ trứng
Khi vừa ra khỏi ổ trứng	Các chú treo lơ lửng trên một sợ dây tơ mảnh bay bay theo gió. Mới ra khỏi ổ trứng, các chú nằm đơ một lát …xuống phía dưới.
Lúc đổ bộ xuống những quả chanh, cành chanh	Chú bọ ngựa đầu đàn….bắt đầu một cuộc sống tự lập.

c) Em thích hình ảnh miêu tả nào trong bài? Vì sao? ** Tìm câu chủ đề trong từng đoạn* - YC HS đọc đề bài. - YC HS thảo luận nhóm đôi. - Tổ chức cho HS chia sẻ câu trả lời. - GV chốt câu trả lời: Đoạn a: Cuộc sống quê tôi gắn bó với cây	- HS trả lời theo ý hiểu. -1 HS đọc đề bài bài 3. - HS thảo luận nhóm đôi - Đại diện các nhóm trả lời. - Các nhóm khác nhận xét, - HS lắng nghe.

cọ. Đoạn b: Ngày mùa, cánh đồng trông thật đẹp mắt. Đoạn c: Sau trận mưa rào, mọi vật đều sáng tươi. ** Viết đoạn văn có câu chủ đề: Họ hàng nhà kiến chăm chỉ, hiền lành.* - YC HS đọc đề bài. - Câu chủ đề thường đứng ở vị trí nào trong đoạn văn? (Đầu câu hoặc cuối câu). - QS tranh và cho biết bức tranh vẽ gì? - Tổ chức cho HS viết bài. - Tổ chức cho HS chia sẻ kết quả học tập. - GV nhận xét chung. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** -Nhận xét tiết học.	 -1 HS đọc đề bài bài 4. - HS trả lời. - QS, trả lời: Tranh vẽ đàn kiến tha mồi về hang khi mặt trời sắp lặn, con nào cũng đang làm việc,… - HS viết bài vào vở. - Đọc bài làm trước lớp. - Nhận xét, góp ý.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Tiết 5: ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Hiểu được ý nghĩa của hai khổ thơ đầu và cuối của bài thơ "Mẹ vắng nhà ngày bão".
- Nêu được suy nghĩ, tình cảm của bản thân về nội dung, ý nghĩa của hai câu thơ cuối của bài thơ trên.
- Viết được đoạn văn nêu tình cảm, cảm xúc của bản thân về một người thân trong gia đình.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, thẩm mĩ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: nhân ái, chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV nêu yêu cầu tiết học.	- HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành:	
**** Bài 1:***	- HS đọc nội dung bài. - Nêu yêu cầu.
- GV giới thiệu toàn bộ nội dung bài thơ Mẹ vắng nhà ngày bão.	- HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.	- HS quan sát tranh, đọc kĩ 2 khổ thơ, cảm nhận cảm xúc của người con khi vắng mẹ và khi thấy mẹ trở về sau ngày dông bão.
- Yêu cầu HS làm việc theo N2.	- Từng em trong nhóm trình bày cảm xúc, suy nghĩ của các bạn nhỏ trong 2 tình huống. - Bạn khác nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét chung.	- Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp.
**** Bài 2:***	- HS đọc nội dung bài. - Nêu yêu cầu.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân.	- HS đọc 3 ý kiến trong bài, lựa chọn 1 ý kiến hoặc đưa ra ý kiến khác.
- Yêu cầu HS làm việc theo N2.	- HS nêu ý kiến mình lựa chọn trong nhóm cho bạn góp ý.
- GV nhận xét chung.	- Một số học sinh phát biểu ý kiến trước lớp.
**** Bài 3***	- Đọc bài, nêu yêu cầu. - Viết đoạn văn theo yêu cầu.
- GV nhận xét chung.	- Một số em đọc bài trước lớp.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học. - Yêu cầu HS hoàn thiện nốt BT3.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....
.....

Tiếng Việt

Tiết 6 – 7: ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ 2

TUẦN 28

Tiếng Việt

Đọc: CÂY ĐA QUÊ HƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Cây đa quê hương.*
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cây đa, nhận biết được vẻ đẹp của cây đa và vẻ đẹp của làng quê Việt Nam qua lời miêu tả. Hiểu tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết của tác giả đối với cây đa, đối với quê hương qua những kỉ niệm được nhắc nhớ trong bài.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả của nhân vật "tôi" trong bài, thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu cây cối, yêu quê hương.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Nói 2-3 câu giới thiệu về quê hương hoặc địa phương em. Cảnh vật nào ở đó khiến em nhớ nhất/ Vì sao?	- HS thảo luận nhóm đôi
- GV mời 1 vài HS chia sẻ.	- HS chia sẻ
- GV giới thiệu - ghi tên bài.	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- Bài chia làm mấy đoạn?	- HS nêu số đoạn.
Bài chia làm 3 đoạn *+ Đoạn 1: từ đầu ... cây đa quê hương.* *+Đoạn 2: Cây đa nghìn năm ... trong cành, trong lá.*	

+ Đoạn 3: còn lại. - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(cổ kính, xuể, gảy...)* - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ *(cổ kính, chót vót, lững thững ...)* - Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài. VD: Trong vòm lá,/ gió chiều gảy lên những điệu nhạc li kì,/ có khi tưởng chừng như ai cười / ai nói / trong cành,/ trong lá.// + Nhấn giọng ở một số từ ngữ thể hiện cảm xúc của tác giả khi nhớ về cây đa quê hương, nhớ về tuổi ấu thơ. - Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe - HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài: - GV hỏi: *Nghĩ về quê hương, tác giả nhớ nhất hình ảnh nào?*	- HS trả lời
- GV cho HS quan sát hình ảnh cây đa. 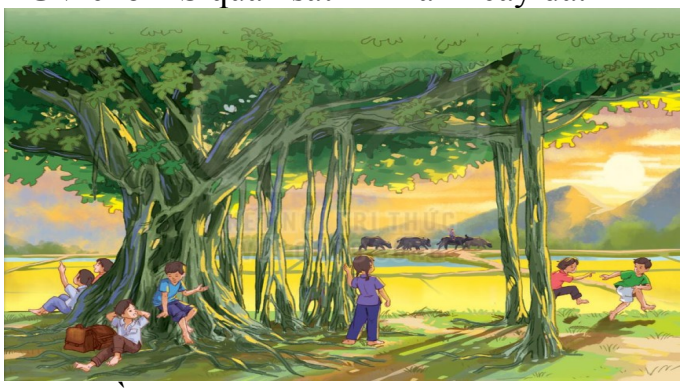	- HS quan sát hình ảnh.
- Yêu cầu thảo luận theo nhóm 5: *Cây đa được tả như tế nào? (rễ cây, thân cây, vòm lá, cành cây, ngọn cây)*	- HS thảo luận và chia sẻ

Bộ phận	Từ ngữ/ câu văn miêu tả
Thân cây	một toà cố kính chín, mười đứa bé bắt tay nhau ôm không xuể
Cành cây	lớn hơn cột đình
Ngọn cây (đỉnh)	chót vót giữa trời xanh, đến những con quạ đậu trên cao, nhìn cũng chẳng rõ
Rễ cây	nổi lên mặt đất thành những ụ, những hình thù quái lạ như những con rắn hổ mang giận dữ
Vòm lá	gió chiều gảy lên những điệu nhạc li kì, có khi tưởng chừng như ai cười ai nói trong cành, trong lá.

- Vì sao tác giả gọi cây đa quê mình là "cây đa nghìn năm"?	- HS trả lời

- *Cây đa quê hương đã gắn bó với tuổi thơ tác giả như thế nào?*	- HS trả lời
- GV kết luận: Hình ảnh, cảnh vật quê hương nhìn từ gốc đa được miêu tả rất chi tiết khiến chúng ta dễ dàng hình dung được màu sắc, đường nét, âm thanh, … của cảnh vật. Điều này chứng tỏ tác giả rất yêu cây đa, rất yêu quê hương thì cảnh vật quê hương mới khắc sâu, in đậm trong trí nhớ như thế.	- HS lắng nghe
- *Những chi tiết, hình ảnh nào trong bài gây ấn tượng đối với em? Vì sao?*	- HS trả lời
- Yêu cầu HS nêu nội dung chính của bài. Nội dung của bài: *Bài văn kể về vẻ đẹp của cây đa và vẻ đẹp của làng quê Việt Nam. Tình cảm yêu thương, gắn bó tha thiết của tác giả đối với cây đa, đối với quê hương.* - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS trả lời.
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về tình cảm của tác giả đối với quê hương? - Bản thân em có yêu quê hương, địa phương em sinh sống không? Em sẽ làm gì để thể hiện tình yêu thương đối với quê hương, địa phương em sinh sống?	- HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS sưu tầm tranh, ảnh về quê hương, địa phương em sinh sống.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: TRẠNG NGỮ CHỈ PHƯƠNG TIỆN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Nhận biết được trạng ngữ chỉ phương tiện của câu, hiểu trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung thông tin về phương tiện của sự việc được nói đến trong câu.
* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV cho HS ôn tập về trạng ngữ qua trò chơi "Khỉ con qua suối" Câu 1: Trạng ngữ là gì? A. Trạng ngữ là thành phần chính của câu xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,… của sự việc được nêu trong câu. B. Trạng ngữ là thành phần chính của câu xác định sự vật được nhắc đến trong câu. C. Trạng ngữ là thành phần phụ của câu xác định thời gian, nơi chốn, nguyên nhân, mục đích,… của sự việc được nêu trong câu. D. Trạng ngữ là thành phần chính của câu xác định hoạt động, trạng thái của sự vật được nhắc đến trong câu. Câu 2: Xác định trạng ngữ trong câu sau: *"Chiều chiều, chúng tôi ra ngồi gốc đa hóng mát."* Câu 3: Hãy đặt một câu có sử dụng trạng ngữ. - Nhận xét, tuyên dương.	- HS tham gia trò chơi.

- Giới thiệu bài – ghi bài

2. Luyện tập, thực hành:

Bài 1:

- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Bài yêu cầu làm gì?
- GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập.

- HS đọc
- HS trả lời
- HS thảo luận và thống nhất đáp án

Đoạn	Trạng ngữ chỉ nơi chốn	Trạng ngữ chỉ thời gian	Trạng ngữ chỉ phương tiện
a	Ở vùng sông nước miền Tây	Ngày xưa	Bằng vài cây tre già
b		Từ lâu	Với chiếc nón lá

- GV mời HS đại diện 1-2 nhóm trình bày bài làm của nhóm.
- GV nhận xét.

- HS trình bày bài làm của nhóm, cả lớp nhận xét, bổ sung.

Bài 2:

- Mời HS nêu yêu cầu bài.
- Mời 3 HS đọc lần lượt 3 câu văn và yêu cầu cả lớp xác định trạng ngữ chỉ phương tiện trong từng câu.

- HS nêu
- HS thực hiện

- GV hướng dẫn HS đặt câu hỏi cho trạng ngữ chỉ phương tiện ở câu a.

a) Bằng lá cọ non phơi khô, người thợ thủ công đã khâu thành những chiếc nón che nắng, che mưa.

+ Trạng ngữ ở câu a chứa cụm từ chỉ gì?

-> Chỉ cụm từ chỉ sự vật (đồ vật).

+ Khi đặt câu hỏi cho cụm từ chỉ sự vật, ta dùng từ hỏi nào?

-> Cái gì?

+ Trạng ngữ chỉ phương tiện ở câu a bắt đầu bằng từ nào?

-> Trạng ngữ câu a bắt đầu bằng từ "bằng".

+ Vậy ta sẽ đặt câu hỏi cho trạng ngữ chỉ phương tiện ở câu a bằng cách kết hợp từ bắt đầu của trạng ngữ chỉ phương tiện "bằng" với từ hỏi "cái gì", còn bộ phận

- HS lắng nghe, trả lời câu hỏi

CN -VN vẫn giữ nguyên. *Bằng cái gì*, người thợ thủ công đã khâu thành những chiếc nón che nắng, che mưa?	
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi để đặt câu hỏi cho trạng ngữ ở câu b, c. - Mời 2-4 nhóm trình bày. b) *Với cái gì*, các cô gái Thái đã chứng tỏ sự khéo, đảm đang của mình. c) *Bằng cái gì*, người dân Tây nguyên đã làm ra cây đàn t'rưng có âm thanh thánh thót như tiếng chim hót, tiếng suối reo …? - Nhận xét, kết luận: *Trạng ngữ chỉ phương tiện trả lời cho câu hỏi "Bằng gì? Bằng cái gì?, Với cái gì?".*	- HS thảo luận nhóm đôi. - 2-4 nhóm trình bày, cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe.
Bài 3: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Mời 2 -3 HS trả lời. - Nhận xét, kết luận: *Trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung thông tin về phương tiện thực hiện hoạt động được nói đến trong câu.* - GV yêu cầu 1-2 HS đọc ghi nhớ.	 - HS đọc - 2-3 HS trả lời, cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe - 1-2 HS đọc ghi nhớ, cả lớp đọc thầm.
Bài 4: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Mời một số HS trình bày trước lớp. - Nhận xét, tuyên dương. - Yêu cầu HS làm lại bài vào vở.	 - HS đọc - HS trình bày, cả lớp nhận xét. - HS lắng nghe - HS làm bài vào vở.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Trạng ngữ chỉ phương tiện bổ sung thông tin gì cho câu? Trạng ngữ chỉ phương tiện trả lời câu hỏi gì? - Đặt câu có sử dụng trạng ngữ chỉ phương tiện. - Nhận xét tiết học, nhắc nhở Hs chuẩn bị bài cho tiết sau.	 - 2-3 HS trả lời - 2-4 HS đặt câu

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....
.....
.....
.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết cách viết bài văn tả cây cối: bố cục bài văn, trình tự miêu tả cây (miêu tả đặc điểm từng bộ phận của cây,…)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu cây cối.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập.
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS giới thiệu 3-4 câu về một loài cây mà em thích. - Nhận xét, khen thưởng. - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	 - 2-3 HS giới thiệu loài cây mà mình thích.
2. Hình thành kiến thức: **Bài 1:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Mời 2 HS đọc bài "Cây sim" - Cho HS xem một số hình ảnh về cây sim. a) Yêu cầu HS tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài "Cây sim". + Mở bài: Từ đầu …. mảnh đất cằn cỗi. + Thân bài: Nếu hoa mua … quả vườn nào. + Kết bài: phần còn lại. b) Mời 1 HS đọc phần mở bài của bài "Cây sim".	 - HS đọc - 2 HS đọc, cả lớp đọc thầm. - - HS quan sát các hình ảnh. - 1-2 HS trả lời, cả lớp nhận xét. - 1 HS đọc to trước lớp, cả lớp đọc thầm.

- Mở bài giới thiệu những gì về cây sim? - GV nhận xét, chốt: Trong phần mở bài, tác giả giới thiệu tên cây (cây sim), nơi sinh sống của cây (những mảnh đất cằn cỗi) và loài cây có họ gần với cây sim (cây mua).	- 2-3 HS trả lời - Lắng nghe.
c) Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trong 4' để tìm hiểu cây sim được miêu tả như thế nào ở phần thân bài và làm bài vào phiếu học tập của nhóm.	- HS thảo luận nhóm
-Mời 2-3 nhóm trình bày bài làm.	- 2-3 nhóm trình bày bài làm, cả lớp nhận xét.

Bộ phận	Đặc điểm được tả	Từ ngữ miêu tả
Hoa sim	Màu sắc	tím nhạt, phơn phớt như má con gái
	Hương vị	không thơm
	Nét riêng	tươi non như một niềm vui cứ lan toả làm cho sườn đồi sỏi đá cũng thêm đáng yêu, đáng mến
Quả sim	Hình dáng	– giống hệt một con trâu mộng tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy; sừng trâu là cái tai quả (là đài hoa đã già) – chỉ bằng đốt ngón tay
	Hương vị	ngọt lịm và có dư vị một chút chan chát, mật ngọt
	Màu sắc	tím thẫm, màu tím không giống bất cứ một thứ màu tím của quả vườn nào

- Yêu cầu các nhóm kiểm tra chéo phiếu học tập của các nhóm.	- Các nhóm thực hiện.
- Nhận xét, kết luận: Để tả được các đặc điểm của hoa sim, quả sim, tác giả phải quan sát rất kĩ từng bộ phận của cây. Bài văn có sử dụng các hình ảnh so sánh giúp người đọc dễ cảm nhận, hình dung, liên tưởng được các đặc điểm của cây.	- Lắng nghe
d) Mời 1 HS đọc phần kết bài của bài "Cây sim".	- 1 HS đọc to trước lớp, cả lớp đọc thầm.
- Phần kết bài nói về điều gì?	- 2-3 HS trả lời, cả lớp nhận xét.

- Tình cảm của người viết đối với cây sim được thể hiện qua chi tiết nào? - GV nhận xét. - GV nêu cấu tạo của bài văn miêu tả cây sim: + Mở bài: Giới thiệu khái quat về cây sim. + Thân bài: Tả đặc điểm của hoa sim, quả sim (màu sắc, hình dáng, hương vị, …) + Kết bài: Khẳng định đặc điểm đáng quý của cây, ấn tượng của tác giả về cây.	- HS lắng nghe.
Bài 2:	
- Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi. - Mời 1 số HS trình bày. - GV nhận xét, nêu những lưu ý khi viết bài văn miêu tả. - Yêu cầu HS đọc ghi nhớ.	- HS đọc - HS thảo luận nhóm - HS trình bày, cả lớp nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS đọc ghi nhớ.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Sưu tầm, tìm đọc các bài văn miêu tả cây cối. Ghi lại những câu văn hay mà em muốn học tập. - Nhận xét tiết học.	- HS thực hiện. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: BƯỚC MÙA XUÂN (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Bước mùa xuân.*
- Biết nhấn giọng vào những từ ngữ cần thiết để thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của cảnh vật khi đất trời đang chuyển dần sang mùa thu.

- Nhận biết được vẻ đẹp của cảnh vật trong mùa xuân gắn với thời gian, không gian cụ thể; bước đầu hiểu được những cảm nhận tinh tế của tác giả qua những sự đổi thay của cảnh vật khi mùa xuân đang tới; thấy được tình yêu thiên nhiên, tình yêu quê hương, làng cảnh Việt Nam mà tác giả gửi gắm qua tác phẩm.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu thiên nhiên, yêu quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi : Dấu hiệu nào của thời tiết giúp em nhận ra mùa xuân đang về, Tết sắp đến?	- HS đọc nối tiếp
- GV gọi 1-2 HS trả lời	- HS trả lời, cả lớp nhận xét.
- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV đọc mẫu toàn bài.	- HS lắng nghe, theo dõi
- Bài thơ gồm mấy khổ thơ?	- HS trả lời
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(xoan, giăng, ríu rít,...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	
- Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng, diễn cảm những câu thơ thể hiện sự tươi vui, náo nức của cảnh vật thiên nhiên khi xuân về.	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 các câu hỏi nêu trong SGK.	- HS thảo luận nhóm.
- GV mời HS trả lời lần lượt các câu hỏi. Câu 1: Trong bài thơ, những từ ngữ nào gợi lên vẻ đẹp của nắng xuân, mưa xuân, gió xuân?	- HS trả lời câu hỏi, cả lớp nhận xét, bổ sung.

Nắng	Nụ xoè tay hứng/ Giọt nắng trong veo Cỏ lặng dưới chân/ Cũng xanh với nắng
Mưa	Mưa giăng trên đồng, uốn mềm ngọn lúa
Gió	Hoa xoan theo gió/ Rải tím mặt đường Gió thơm hương lá / Gọi mầm vươn theo

Câu 2: Tìm thêm chi tiết cho thấy cảnh vật mùa xuân hiện ra rất sinh động.

Cảnh vật có màu sắc	hoa xoan tím, giọt nắng trong veo, cỏ xanh, hoa cải vàng, hoa vải trắng
Cảnh vật có hương vị	gió thơm hương lá, hoa vải thơm lừng bên sông
Cảnh vật có âm thanh	dế mèn hắng giọng, chim ríu rít như trẻ con cười, mùa xuân đang nói, xôn xao, thầm thì...
Cảnh vật có sự chuyển động	nụ xoè tay hứng nắng, gió gọi mầm cây vươn lên, chim chuyền trong vòm lá, ong bay, chỗ nào cũng gặp bước mùa xuân đi

Câu 3: Em thích cảnh vật được miêu tả trong khổ thơ nào nhất? Vì sao?

Câu 4: Theo em, tác giả muốn nói điều gì qua nhan đề bài thơ?

VD: Bài thơ có nhan đề Bước qua mùa xuân, gợi ra bbuwocs đi của mùa xuân, gợi ra khoảnh khắc mùa xuân đang về khắp nơi nơi. Chỗ nào, nơi nào cũng có hình bóng của mùa xuân, sức sống của mùa xuân, hương vị mùa xuân,...

- GV chốt: Mùa xuân đi tới đâu làm cảnh vật thay đổi tới đó: trên cánh đồng lúa có mưa xuân giăng giăng, trên con đường rải đầy hoa xoan tím, ở bãi phù sa ven sông với vườn hoa cải vàng rực, rặng vải vở hoa trắng ngần… Dường như mọi sự vật đều thay đổi, dạt dào sức sống hơn khi xuân về.
- GV kết luận, khen ngợi HS

- HS lắng nghe

- Tổ chức cho HS viết 1-2 câu tả bầu trời theo quan sát và cảm nhận của em.

- HS viết vào vở

- Gọi HS đọc câu và hướng dẫn sửa câu.

- HS chia sẻ trước lớp

3. Luyện đọc

- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm

- HS thực hiện

bài thơ. - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. - Yêu cầu HS học thuộc lòng bài thơ. - Mời 2-3 HS đọc thuộc lòng bài thơ. - Nhận xét, tuyên dương. **4. Luyện tập theo văn văn bản đọc** - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu 1,2. - GV mời 1 HS đọc câu hỏi. - GV mời 1 số HS lần lượt trả lời từng câu hỏi: Câu 1: Tìm những từ ngữ gợi cảnh vật quen thuộc ở làng quê trong các đoạn thơ. *Đáp án:* *a) Con sông xanh biếc, những hàng tre, lòng sông lấp loáng.* b) *Sân đình, làng, mái đình cong, giếng làng.* Câu 2: Tìm những từ ngữ có nghĩa giống với từ "quê hương". Đặt câu với từ ngữ tìm được. *Đáp án: Từ cùng nghĩa với quê hương: quê nhà, làng quê, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê quán...* **5. Vận dụng, trải nghiệm:** - Yêu cầu HS đặt 2-3 câu giới thiệu về quê hương hoặc địa phương em ở. - GV nhận xét và sửa câu. - Nhận xét tiết học. - Dặn dò HS về nhà học thuộc lòng bài thơ.	- HS thực hiện - Cả lớp nhận xét, bình chọn nhóm/bạn đọc thơ hay nhất. - HS học thuộc lòng bài thơ. - HS đọc thuộc lòng bài thơ. - HS thảo luận nhóm. - 1 HS đọc câu hỏi. - HS trả lời, cả lớp nhận xét, bổ sung. - HS đặt câu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TÌM HIỂU CÁCH VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (TT)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận biết được cách viết bài văn miêu tả cây cối (cấu tạo bài văn, trình tự miêu tả,…)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu cây cối.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Mở đầu:
- Mời 1-2 HS nêu cấu tạo của bài văn miêu tả cây cối.
- GV giới thiệu ghi bài
2. Hình thành kiến thức:
- GV mời 1-2 HS đọc bài văn Cây cà chua và trả lời câu hỏi.
a) Tìm phần mở bài, thân bài, kết bài của bài văn Cây cà chua và nêu ý chính của từng phần.</td><td>- HS nêu.
- HS lắng nghe
- HS đọc bài.
- HS thực hiện
- HS trả lời</td></tr>
<tr><td colspan="2"><table>
<tr><td>Mở bài</td><td>Đoạn 1</td><td>Giới thiệu bao quát về ruộng cà chua (nơi trồng, thời điểm cà chua chín), công lao người vun trồng (khiến cho cà chua lớn lên trông thấy), ấn tượng chung về ruộng cà chua (ruộng cà chua đẹp từ lúc trồng đến khi thu hái).</td></tr>
<tr><td>Thân bài</td><td>Đoạn 2 và 3</td><td>Miêu tả đặc điểm của cây cà chua theo các thời kì phát triển.</td></tr>
<tr><td>Kết bài</td><td>Đoạn 4</td><td>Bày tỏ cảm nghĩ về quả cà chua (cà chua có mặt trong bữa ăn của mọi nhà, là thứ quà bình dị của trẻ em vùng đất bãi).</td></tr>
</table></td></tr>
<tr><td>- Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 câu b, c vào phiếu học tập.
- Mời đại diện 1-2 nhóm trình bày lần lượt câu b, c:
b) Trong phần thân bài, đặc điểm của cây cà chua được miêu tả theo trình tự nào?</td><td>- HS thảo luận nhóm
- Đại diện nhóm trình bày, cả lớp nhận xét.</td></tr>
</table>

Cây gạo được tả theo trình tự thời gian (các thời kì sinh trưởng, phát triển của cây) c) Sắp xếp các chi tiết theo trình tự phát triển của cây cà chua. *Vươn ngọn -> toả tán -> nở hoa -> ra quả -> quả chín.* -GV nhận xét, tuyên dương. -GV yêu cầu 1 HS đọc câu hỏi d và mời 1-2 HS trả lời. d) Trong bài văn, chi tiết nào cho thấy tác giả tả cây kết hợp với tả những sự vật có liên quan đến cây? *Các chi tiết: "Nắng gửi thêm màu đẹp trên hoa.", "Nắng lại đến tạo vị thơm vị mát tụ dần trong quả." Nắng là hiện tượng thiên nhiên có tác động đến cây cà chua. Nắng làm cho sắc hoa cà chua thêm đẹp. Nắng giúp cho quả cà chua có vị thơm mát.* - GV nhận xét, chốt: Các em đã tìm hiểu 2 trình tự tả cây cối: tả theo bộ phận của cây hoặc tả cây theo thời gian (theo từng thời kì phát triển của cây) hoặc theo mùa xuân – hạ - thu – đông hay từng buổi trong ngày. Nhưng khi tả cây theo trình tự thời gian, vẫn kết hợp tả các bộ phận của cây. - Em học được những gì về cách tả cây cối từ bài văn trên? -GV nhận xét. -Mời 1-2 HS đọc ghi nhớ. - GV chốt: Trước khi viết bài văn miêu tả cây cối, em cần quan sát cây để nhận biết các đặc điểm nổi bật của cây. Khi viết, em nên sử dụng các từ chỉ đặc điểm (về màu sắc, hình dáng, hương vị…), biện pháp so sánh, nhân hoá để làm nổi	-HS thực hiện -HS lắng nghe - HS trả lời. - 1-2 HS đọc ghi nhớ. - HS lắng nghe

bật đặc điểm của cây. Bài văn tả cây cối nên có những từ ngữ, câu văn bộc lộ rõ tình cảm, cảm xúc của người viết đối với cây. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Yêu cầu HS chia sẻ các bài văn miêu tả cây cối mà mình đã sưu tầm. Nêu những câu văn mà mình thích nhất. - Nhận xét tiết học.	- HS chia sẻ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: NHỮNG MIỀN QUÊ YÊU DẤU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nói theo chủ đề *Những miền quê yêu dấu*, nêu được những hình ảnh đặc sắc, tiêu biểu về quê hương.
- Biết rung động trước những cảnh đẹp của quê hương, đất nước, biết bày tỏ tình cảm, cảm xúc của mình đối với quê hương.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm, yêu quê hương, đất nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV cho HS hát bài "Quê hương tươi đẹp". - GV giới thiệu bài. **2. Luyện tập, thực hành:**	- HS hát.
- GV cho HS xem clip giới thiệu cảnh đẹp của các tỉnh thành nước Việt Nam.	- HS xem clip

- Tổ chức cho HS chia sẻ theo nhóm giới thiệu về một miền quê em yêu mến.	- HS thực hiện
- Mời 2-4 HS giới thiệu về một miền quê em yêu mến và cả lớp đặt các câu hỏi để biết rõ hơn về miền quê mà bạn giới thiệu.	- HS chia sẻ, cả lớp lắng nghe và có thể đưa ra các câu hỏi để biết rõ hơn về miền quê mà bạn giới thiệu.
- Tổ chức bình chọn phần giới thiệu miền quê hay nhất.	- HS bình chọn.
- GV nhận xét, động viên, khen ngợi HS.	- HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy chia sẻ với người thân về miền quê mà em hoặc bạn em yêu mến.	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS tìm đọc sách về quê hương, đất nước.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 29

Tiếng Việt

Đọc: ĐI HỘI CHÙA HƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Đi hội chùa Hương*.
- Hiểu được vẻ đẹp của chùa Hương thơ mộng qua các cảnh vật thiên nhiên, qua đó thể hiện cảm xúc chân thực, niềm tự hào của tác giả đối với quê hương, đất nước.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu	
- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Giới thiệu một lễ hội mùa xuân mà em biết. - Hướng dẫn HS giới thiệu qua các gợi ý + Lễ hội đó tên là gì? + Thời gian tổ chức lễ hội + Địa điểm tổ chức lễ hội + Các hoạt động trong lễ hội + Ý nghĩa của lễ hội, …	- HS thảo luận nhóm đôi
- GV gọi HS chia sẻ. - GV giới thiệu - ghi bài	- HS chia sẻ
2. Hình thành kiến thức *a. Luyện đọc:*	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- Bài chia làm mấy đoạn?	*- Bài chia làm 3 đoạn, hai khổ thơ là 1 đoạn*
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(nườm nượp, xúng xính, thanh lịch, lẫn, làn sương, ...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ (*chùa Hương, nườm nượp, xúng xính, bổi hổi,...)*	- HS lắng nghe
- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng mỗi câu thơ thường theo nhịp 2/3 hoặc 3/2. VD: *Nườm nượp/ người,/ xe đi* *Mùa xuân/ về trẩy hội* *Dù/ không ai đợi chờ* *Cũng thấy lòng/ bổi hổi.* + Nhấn giọng ở một số từ ngữ gợi tả, gợi cảm: *nườm nượp, xúng xính, say mê, bổi hổi, cứ vương, phải đâu,...*	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- GV hỏi: *Cảnh vật thiên nhiên ở chùa Hương thay đổi như thế nào khi mùa xuân về?* *(Khi mùa xuân về, cảnh vật thiên nhiên ở chùa Hương đã thay đổi rừng mơ nở hoa như được khoác thêm tấm áo mới.*	- HS trả lời
- GV cho HS đọc câu hỏi 2 SGK: *Những*	- HS trả lời

hình ảnh nào cho thấy đi hội rất đông vui và thân thiện? *(Người đi hội rất đông vui: nườm nượp người, xe đi, rất thân thiện: chào nhau cởi mở,...)*	
- Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Niềm tự hào về quê hương, đất nước được thể hiện qua những câu thơ nào?* *(Khổ 3 + 5)*	- HS thảo luận và chia sẻ
- Theo em, ở khổ thơ cuối, tác giả muốn nói điều gì? *(Ở khổ thơ cuối, tác giả muốn nói đến ý nghĩa của lễ hội chùa Hương: thăm cảnh đẹp đất nước, cảm nhận không khí lễ hội, ...)*	- HS trả lời
- Yêu cầu HS nêu nội dung bài thơ. *(bài thơ ca ngợi vẻ đẹp của chùa Hương, lễ hội chùa Hương và thể hiện tình cảm của người dân đối với quê hương, đất nước.* - GV kết luận, khen ngợi HS **3. Luyện tập, thực hành**	- HS trả lời.
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm + Yêu cầu 3 HS đọc nối tiếp bài thơ - Yêu cầu HS nêu giọng đọc của bài (*chậm rãi, tình cảm tha thiết, tự hào)* - Yêu cầu HS đọc bài với giọng đọc đã nêu	 + 3 HS đọc bài - 1HS nêu - 1 HS đọc bài
- HS học thuộc lòng 4 khổ thơ đầu theo nhóm đôi và thi đọc - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **4. Vận dụng, trải nghiệm** - Qua bài thơ, em cảm nhận được điều gì về vẻ đẹp của chùa Hương và tình cảm của tác giả đối với quê hương, đất nước. - Nhận xét tiết học. - Sưu tầm tranh, ảnhvề lễ hội chùa Hương.	- HS thực hiện - HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt
Luyện từ và câu: DẤU NGOẶC KÉP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết thêm một công dụng của *dấu ngoặc kép:* dùng để đánh dấu tên tác phẩm (bài thơ, bài văn,…) hoặc tên tài liệu (tạp chí, báo,…)
- Biết dùng *dấu ngoặc kép* đánh dấu tên tác phẩm, tài liệu khi viết.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập (Bài 1)
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Mở đầu
- GV hỏi: Em đã biết tác dụng nào của dấu ngoặc kép? Lấy ví dụ minh họa thể hiện tác dụng đó.
- Nhận xét, tuyên dương.
- Giới thiệu bài – ghi bài
2. Luyện tập, thực hành
Bài 1
- Gọi HS đọc yêu cầu
- Bài yêu cầu làm gì?
(Tên cuốn truyện, bài thơ, bài hát hay tạp chí tờ báo có trong những câu dưới đây được đánh dấu bằng dấu câu nào?)
- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi, hoàn thành phiếu học tập.</td><td>- 2-3 HS trả lời

- HS đọc
- HS trả lời

- HS thảo luận và thống nhất đáp án</td></tr>
</table>

Câu	Tên cuốn truyện, bài thơ, bài hát	Tên tạp chí, tờ báo	Dấu câu đánh dấu tên tác phẩm/ tài liệu
a	Dế Mèn phiêu lưu kí		Dấu ngoặc kép
b	- Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Lời ru trên đường		Dấu ngoặc kép
c		- Văn tuổi thơ	Dấu ngoặc kép

		- Nhi đồng	

- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu - GV cùng HS nhận xét.	- HS trả lời
Bài 2	
- Gọi HS nêu yêu cầu bài - Bài yêu cầu làm gì? (*Tìm công dụng của dấu ngoặc kép trong những câu dưới đây)*	- HS nêu - HS trả lời
- Yêu cầu HS đọc các tác dụng của dấu ngoặc kép *(Đánh dấu tên tác phẩm, tài liệu; Đánh dấu lời đối thoại; Đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp)*	- HS trả lời
- Yêu cầu thảo luận nhóm đôi - Gọi đại diện các nhóm trình bày và giải thích lí do. *a. Đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp* *b. Đánh dấu lời đối thoại* *c. Đánh dấu tên tác phẩm, tài liệu*	- HS thảo luận nhóm đôi - Đại diện các nhóm chia sẻ
- GV chốt lại tác dụng của dấu ngoặc kép. - Mời 1 – 2 HS đọc ghi nhớ - Yêu cầu HS đọc thuộc lòng ghi nhớ trước lớp.	- HS lắng nghe - 1 – 2 HS đọc - HS thực hiện
Bài 3	
- Gọi HS nêu yêu cầu bài - Bài yêu cầu làm gì? *(Chép lại đoạn văn vào vở, chú ý dùng dấu ngoặc kép đánh dấu tên tác phẩm, tài liệu)*	- HS đọc - HS trả lời
- Yêu cầu HS tìm tên tác phẩm, tài liệu trong đoạn văn và chép lại vào vở. - Gọi HS trình bày bài viết của mình. - GV nhận xét, chốt đáp án	- HS thực hiện - 2 – 3 HS trình bày bài
Bài 4	
- Gọi HS nêu yêu cầu bài - Bài yêu cầu làm gì? *(Viết 1 – 2 câu có sử dụng dấu ngoặc kép để đánh dấu tên tác phẩm mà em yêu thích)*	- HS đọc - HS trả lời

- Cho HS đặt câu vào vở - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS đặt câu hay, sáng tạo. **3. Vận dụng, trải nghiệm** - Nêu các tác dụng của dấu ngoặc kép. - Nhận xét tiết học.	- HS đặt câu vào vở - HS thực hiện - 2-3 HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: QUAN SÁT CÂY CỐI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết quan sát cây cối để có thể lập dàn ý, viết bài văn miêu tả cây cối.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập (Bài 2)
- HS: sgk, vở ghi, tranh ảnh cây cối

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - GV cho HS chơi trò chơi "Hộp quà bí mật", trả lời câu hỏi: + Nêu bố cục của bài văn miêu tả cây cối. + Khi miêu tả cây cối em miêu tả theo trình tự nào? - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. **2. Chuẩn bị** - Yêu cầu HS lựa chọn cây để quan sát (đã sưu tầm) - Tổ chức HS quan sát cây qua tranh ảnh và video ,… hoặc cây ở vườn trường	- HS tham gia trò chơi và trả lời - HS thực hiện - HS thực hiện

(Lưu ý HS quan sát bao quát cây (hình dáng, kích thước, màu sắc,...), các bộ phận của cây, các cảnh vật xung quanh.	
- GV chiếu video 1 cây phân tích các ý HS cần nêu (*cần sử dụng đầy đủ các giác quan để quan sát cây)*	- HS lắng nghe
3. Quan sát và ghi chép kết quả quan sát	
- Yêu cầu HS quan sát cây và ghi chép kết quả quan sát vào phiếu học tập.	- HS thực hiện
4. Trao đổi, góp ý	
- Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4, trao đổi, góp ý cho bạn + Các bộ phận đã quan sát + Các giác quan dùng để quan sát + Những điểm tiêu biểu, khác biệt của cây được lựa chọn.	- HS thảo luận nhóm 4
- Đại diện các nhóm trình bày - GV nhận xét, tuyên dương HS có khả năng quan sát tốt.	- Đại diện các nhóm trình bày
5. Vận dụng, trải nghiệm	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS đọc cho người thân nghe bài "Đi hội chùa Hương" và chia sẻ với người thân về điều em thích nhất trong bài thơ.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: CHIỀU NGOẠI Ô

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Chiều ngoại ô.*
- Hiểu được nội dung bài: Ca ngợi vẻ đẹp bình dị, thân thuộc của quê hương và cảm giác vui sướng, lâng lâng của tác giả khi được hòa mình vào cảnh vật ngoại ô.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả của nhân vật "tôi", thể hiện được cảm xúc, suy nghĩ của nhân vật qua giọng đọc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu	
- Yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi về những điểm khác biệt của thiên nhiên ở thành phố và nông thôn.	- HS hoạt động nhóm đôi
- Đại diện các nhóm trình bày	- HS trình bày
- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức	
a. Luyện đọc	
- GV đọc mẫu toàn bài.	- HS lắng nghe, theo dõi
- Bài có thể chia làm mấy đoạn?	- Bài chia làm 3 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến *nắng chiều* Đoạn 2: Tiếp đến *thật đáng yêu* Đoạn 3: Còn lại
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(lộng lên, lũ bạn, kênh nước, lấp lánh, lũ bạn,...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ *(ngoại ô, diều cốc, diều tu, diều sáo)*	- HS thực hiện
- Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ d thể hiện cảm xúc của nhân vật *"tôi"* *Ngồi bên nơi cắm diều,/ lòng tôi lâng lâng,/ tôi muốn gửi ước mơ của mình/ theo những cánh diều lên tận mây xanh.//*	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- Yêu cầu HS đọc câu hỏi 1 SGK: Đoạn mở đầu giới thiệu những gì về chiều hè ở ngoại ô? *(Giới thiệu khí hậu dễ chịu: nắng nhạt*	- HS trả lời

dần, trời mát mẻ,... và cảnh vật êm đềm, thơ mộng)	
- Yêu cầu HS thực hiện kĩ thuật "Khăn trải bàn" trả lời câu 2: Cảnh vật ở ngoại ô được miêu tả như thế nào?	- HS thảo luận và chia sẻ
+ Gọi các nhóm trình bày	- Đại diện các nhóm trình bày
- Tìm những cảnh vật được miêu tả gợi lên bóng dáng quen thuộc, gần gũi của làng quê Việt Nam.	- HS trả lời
- Vì sao tác giả nói vùng ngoại ô mang vẻ đẹp bình dị? *(Vì có những cảnh vật: con kênh nước trong vắt,...)*	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi: Tác giả có cảm nhận như thế nào khi chơi thả diều trong chiều hè ở ngoại ô? *(niềm vui, sự hào hứng khi chơi thả diều, ...)*	- HS thảo luận và chia sẻ
- Nêu ý chính của mỗi đoạn trong bài *(Đ 1: Chiều hè ngoại ô mát mẻ và yên tĩnh* *Đ 2: Cảnh vật ngoại ô đẹp và đáng yêu trong ráng chiều* *Đ 3: Chơi thả diều ở ngoại ô thật thú vị và thơ mộng.* - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS trả lời
3. Luyện tập, thực hành	
- GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm (nhấn giọng ở những từ ngữ gợi ra những nét đặc trưng của cảnh buổi chiều)	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm	
- Thêm trạng ngữ cho các câu	- HS thực hiện cá nhân và trình bày
- Yêu cầu hoạt động nhóm đôi: Nêu công dụng của dấu ngoặc kép trong đoạn văn.	- HS hoạt động nhóm đôi và chia sẻ
- GV cùng HS nhận xét và sửa câu. - Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....
.....

Tiếng Việt

Viết: LUYỆN VIẾT ĐOẠN VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Viết được đoạn văn miêu tả cây cối (cây ăn quả) có đủ mở bài, thân bài, kết bài.
- Biết miêu tả cây theo trình tự hợp lý.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - Yêu cầu HS đọc phiếu quan sát cây cối của tiết học trước. - Nhận xét bài trình bày của HS - GV giới thiệu ghi bài	 - 2-3 HS đọc - HS lắng nghe
2. Tìm hiểu cách tả các bộ phận của cây - Yêu cầu HS đọc đoạn văn a - Yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 trả lời các câu hỏi: + Câu mở đầu đoạn cho biết điều gì? *(Câu mở đoạn cho biết cây bàng mùa nào cũng đẹp)* + Lá bàng được tả theo trình tự nào? *(Lá bàng được tả theo trình tự 4 mùa xuân, hạ, thu, đông)* + Theo em, tác giả yêu thích màu lá cây bàng vào mùa nào nhất? *(Vào mùa đông: Sang đến những ngày cuối đông, mùa của lá rụng, nó lại có vẻ đẹp riêng ...)* - GV nhận xét, kết luận. - Yêu cầu HS làm việc theo nhóm 4 hoàn thiện đoạn văn *(b, c, d)*. - GV nhận xét, kết luận (*Lưu ý HS khi*	 - 1 HS đọc bài - HS thảo luận nhóm 4 và nối tiếp trả lời câu hỏi - HS chia sẻ - HS làm việc nhóm 4

miêu tả cây cối có thể sử dụng biện pháp so sánh, biện pháp nhân hóa để làm nổi bật đặc điểm của cây định tả) **3. Viết đoạn văn tả một bộ phận của cây** - Yêu cầu HS đọc yêu cầu và gợi ý + Em tả bộ phận nào của cây? + Bộ phận đó có đặc điểm gì nổi bật? + Khi tả, em nên sử dụng biện pháp so sánh, nhân hóa. - Yêu cầu HS viết đoạn văn vào vở, GV quan sát, hỗ trợ - Yêu cầu HS đọc bài viết - GV nhận xét, tuyên dương HS **4. Vận dụng, trải nghiệm** - Tổ chức cho HS chia sẻ bài với các bạn và những điều cần nhớ khi viết đoạn văn miêu tả cây cối. - Nhận xét tiết học	- HS nối tiếp đọc - HS viết đoạn văn vào vở - HS đọc bài - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc mở rộng

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được sách báo để có thêm những hiểu biết về chủ điểm quê hương, đất nước.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu - GV cho cả lớp hát bài *Quê hương*	- HS thực hiện

tươi đẹp. - GV giới thiệu bài, ghi bảng **2. Luyện tập, thực hành** - GV nêu yêu cầu của giờ đọc mở rộng: *Đọc sách báo về quê hương, đất nước.* - Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm. - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những thông tin thú vị em đọc được về các vùng miền trên đất nước ta. - GV động viên, khen ngợi HS **3. Vận dụng, trải nghiệm** - Nhận xét tiết học. - Em hãy chia sẻ với người thân về những thông tin thú vị em đọc được về các vùng miền trên đất nước ta.	 - HS lắng nghe - HS đọc - HS viết phiếu - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp - HS lắng nghe - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 30

Tiếng Việt

Đọc: NHỮNG CÁNH BUỒM

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ văn bản *Những cánh buồm.*
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả cánh buồm qua lời văn miêu tả, biểu cảm của tác giả. Hiểu được điều bài đọc muốn nói thông qua hình ảnh cánh buồm: Tình yêu, sự gắn bó với làng quê của tác giả. Cảm nhận được cảm xúc của tác giả đối với vẻ đẹp bình dị của đất nước, quê hương.
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, giàu cảm xúc trong bài. Thể hiện tình cảm, cảm xúc trước những cảnh vật của quê hương.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Trao đổi với bạn tìm lời giải cho câu đố.	- HS thảo luận nhóm đôi
- GV gọi HS chia sẻ.	- HS chia sẻ
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- Bài chia làm mấy đoạn? *Bài chia làm 5 đoạn, mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn*	- HS trả lời.
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(mưa tuôn như trút,cần cù nhẫn nại,...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	- HS đọc nối tiếp
- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Không hiểu lúc ấy,/cánh buồm suy nghĩ gì/ trong khi gió ra sức gào thét/ và mưa tuôn như trút.//;… + Nhấn giọng ở một số từ ngữ miêu tả cánh buồm: (những cánh buồm) xuôi ngược giữa dòng sông phẳng lặng, dòng sông cuồn cuộn nổi sóng,... + Giọng đọc trìu mến, thiết tha ở những câu so sánh.	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- GV hỏi: *Hình ảnh nào được tác giả cho là đẹp nhất khi nghĩ về làng quê của mình?*	- HS trả lời
- GV cho HS quan sát hình ảnh cánh buồm vào 3 thời điểm, yêu cầu HS *miêu tả về cánh buồm trong 3 thời điểm đó* (*Buổi*	- HS chỉ tranh và giới thiệu

nắng đẹp,khi giông bão, ngày lộng gió). - Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Em thích cách tả cánh buồm vào thời điểm nào? Vì sao?* - Yêu cầu HS xác định nội dung chính của bài đọc. Lựa chọn đáp án đúng. - Yêu cầu HS lựa chọn một cảnh vật yêu thích của quê hương và nói 2-3 câu về cảnh vật đó cho bạn cùng nghe. - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS thảo luận và chia sẻ - HS trả lời. (Đáp án B) - HS chia sẻ về cảnh vật mà mình yêu thích.
3. Luyện tập, thực hành: - GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	 - HS lắng nghe - HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì về cảnh đẹp của quê hương và đất nước Việt Nam? - Nhận xét tiết học. - Sưu tầm tranh, ảnh các cảnh đẹp của quê hương em.	 - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: DẤU NGOẶC ĐƠN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết được công dụng của *dấu ngoặc đơn*.
- Biết dùng *dấu ngoặc đơn* khi viết.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Mở đầu:
- GV hỏi: Dấu ngoặc đơn được viết như thế nào? Theo em dấu ngoặc đơn được dùng để làm gì?
- Nhận xét, tuyên dương.
- Giới thiệu bài – ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:
Bài 1:
- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Bài yêu cầu làm gì?

- GV yêu cầu thảo luận nhóm 2, hoàn thành phiếu học tập.</td><td>- 2-3 HS trả lời

- HS đọc
- HS trả lời (Tìm sự khác nhau giữa câu ở cột A và cột B)
- HS thảo luận và thống nhất đáp án</td></tr>
<tr><td colspan="2">
<table>
<tr><th>Câu ở cột A</th><th>Câu ở cột B</th></tr>
<tr><td>Không có thông tin về năm sinh và năm mất của nhà văn.</td><td>Có thông tin về năm sinh và năm mất của nhà văn.</td></tr>
<tr><td>Không có thông tin về tên gọi khác của sông Bạch Đằng.</td><td>Có thông tin về tên gọi khác của sông Bạch Đằng.</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>- GV mời HS phát biểu
- GV cùng HS nhận xét.
Bài 2:
- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân đọc kĩ những từ ngữ đặt trong dấu ngoặc đơn.
- Yêu cầu HS trả lời câu hỏi và chia sẻ cùng bạn: Những từ ngữ trong ngoặc đơn giải thích bổ sung điều gì?
- GV khen ngợi HS có cách giải thích đúng, sáng tạo.
- GV chốt lại tác dụng của dấu ngoặc đơn: được dung để đánh dấu phần chú thích (giải thích, thuyết minh bổ sung thêm).
Bài 3:
- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Cho HS chia sẻ nhóm đôi, hoàn thiện bài cá nhân tìm vị trí đặt được dấu ngoặc đơn.
- Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.</td><td>- HS trả lời

- HS nêu
- HS thực hiện.

- HS chia sẻ về câu trả lời của mình.

- HS lắng nghe

- HS đọc
- HS thực hiện.

- HS chia sẻ kết quả bài làm.</td></tr>
</table>

a. Chiếc xe đưa tôi từ Buôn Ma Thuột lên Buôn Đôn (một làng ở gần biên giới).	
b. Người quản tượng bèn hái lá sài đất và lá nhọ nồi (những thứ lá cầm máu rất nhanh) giã giập rồi đắp lên vết thương cho con voi.	
- GV kết luận và tuyên dương. **Bài 4:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS đặt câu vào vở: 2-3 câu miêu tả cảnh đẹp vào vở có sử dụng dấu ngoặc đơn để đánh dấu phần chú thích. - Tổ chức cho HS đọc câu và nhận xét, chỉnh sửa câu. - GV tuyên dương HS đặt câu đúng yêu cầu, hay, sáng tạo. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Dấu ngoặc đơn được kí hiệu như thế nào? Công dụng của dấu ngoặc đơn? - Đặt câu có sử dụng dấu ngoặc đơn nói về học tập.	 - HS đọc. - HS đặt câu vào vở. - HS thực hiện. - 2-3 HS trả lời - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: LUYỆN VIẾT MỞ BÀI, KẾT BÀI CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết viết đoạn mở bài, đoạn kết bài cho bài văn miêu tả cây cối (cây cho bóng mát, cây ăn quả, cây hoa,…). Theo những cách khác nhau.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu:

- GV hỏi HS khi viết một bài văn cần có mấy phần?
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.

- 2-3 HS trả lời

2. Luyện tập, thực hành:

Bài 1:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân đọc thầm bài văn tả cây khế và trả lời câu hỏi.
- Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.

- HS đọc.
- HS đọc và trả lời.
- HS chia sẻ kết quả bài làm.

Mở bài	Kết bài
Giới thiệu nơi cây khế được trồng	Nhận xét vẻ đẹp bình dị của cây khế mang đến khu vườn nhỏ của ông bà.

- GV nhận xét, tuyên dương HS

Bài 2:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS làm việc cá nhân đọc thầm cách mở bài và kết bài và thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi:

Điểm khác nhau giữa hai cách mở và kết bài của bài 1 và bài 2.

- Tổ chức cho HS chia sẻ trước lớp.

- HS đọc
- HS đọc và trả lời

	Đoạn trong bài tập 1	Đoạn trong bài tập 2
Mở bài	- Nêu tên cây, nơi trồng. - Có 1 câu	- Giới thiệu khái quát vẻ đẹp của khu vườn. - Nêu tên cây, nơi trồng. - Nêu kỉ niệm gắn với cây. - Gồm 4 câu.
Kết bài	- Nhận xét về vẻ đẹp của cây. - Có 1 câu	- Nói về 1 sự kiện gắn với cây. - Kể về những sự việc sẽ làm để chăm sóc cây. - Nêu tình cảm, suy nghĩ về cây. - Gồm 5 câu.

- GV nhận xét, tuyên dương HS.

Bài 3:

- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS làm bài cá nhân, chia sẻ với bạn về cách xếp mở bài và kết bài vào nhóm thích

- HS đọc.
- HS thực hiện.

hợp. - Tổ chức cho HS chia sẻ.	- HS chia sẻ về bài làm của mình khi sắp xếp.

	Bài tập 1	Bài tập 2
Mở bài	Trực tiếp	Gián tiếp
Kết bài	Không mở rộng	Mở rộng

- GV kết luận, giúp HS nắm rõ hơn về mở bài trực tiếp và kết bài mở rộng.	- HS lắng nghe.
Bài 4: - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - GV cho HS viết bài, nhắc HS lựa chọn cách mở và kết bài khác nhau. - GV quan sát hỗ trợ HS. - Yêu cầu HS đọc và chia sẻ bài làm, cả lớp trao đổi, góp ý để hoàn thiện bài. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn mở bài và kết bài mà em viết. - Yêu cầu HS tìm đọc những bài văn miêu tả cây cối để học tập cách viết mở bài và kết bài.	- HS đọc bài. - HS viết bài vào vở. - HS chia sẻ bài làm. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: CÁI CẦU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ *Cái cầu.*
- Biết nhấn giọng vào từ ngữ thể hiện vẻ đẹp bình dị thân thuộc của những cái cầu cũng như vẻ đẹp của vùng quê nông thôn yên ả.
- Hiểu được nội dung bài: Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, thể hiện tình cảm của bạn nhỏ đối với gia đình, đối với quê hương.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu thảo luận nhóm đôi: Trao đổi với bạn về một cái cầu mà em biết. (Cầu tên gì? ở đâu? Bắc sông nào? …)	- HS trao đổi.
- GV gọi HS chia sẻ	- HS chia sẻ
- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV đọc mẫu toàn bài.	- HS lắng nghe, theo dõi
- Bài có thể chia làm mấy đoạn? (chia 4 đoạn/4 khổ thơ)	- HS trả lời.
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(dòng sông sâu, sang ngòi, võng trên sông,...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	- HS thực hiện
- Hướng dẫn HS đọc: + Ngắt giọng ở những câu thơ theo nhịp 2/3/2 và khổ thơ cuối không theo nhịp 4/4 thông thường. + Nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để gợi tả, gợi cảm.	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- GV tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Bạn lớp trưởng cho các bạn chia sẻ.	- Cả lớp thực hiện.
- Bạn nhỏ được cha kể những gì về cây cầu vừa bắc xong?	
- Khi xem ảnh chiếc cầu cha gửi, bạn nhỏ có liên tưởng thú vị gì?	- HS chia sẻ trước lớp.
- Qua hình ảnh cái cầu tre sang nhà bà ngoại, em có cảm nhận gì về quê hương của bạn nhỏ.	
- Bạn nhỏ yêu nhất cây cầu nào, Vì sao?	- HS chia sẻ
- GV kết luận, khen ngợi HS.	

- GV yêu cầu HS trao đổi nhóm đôi và trả lời cá nhân: *Nêu nhận xét của em về bạn nhỏ trong bài thơ?* - GV kết luận, khen ngợi HS. - GV kết luận, chốt lại nội dung bài: Ca ngợi vẻ đẹp của quê hương, thể hiện tình cảm của bạn nhỏ đối với gia đình, đối với quê hương.	- HS chia sẻ. - HS lắng nghe.
3. Luyện tập, thực hành: - GV hướng dẫn HS luyện đọc thuộc lòng. - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	 - HS thực hiện - HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm: - Yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi và trả lời câu hỏi: Tìm hình ảnh so sánh trong bài thơ. Cách so sánh đó có gì thú vị? - Yêu cầu hoạt động nhóm 4: Bài thơ có những sự vật nào được nhân hoá? Chúng được nhân hoá bằng cách nào? - Em thích hình ảnh nhân hoá hay so sánh nào trong bài thơ? Vì sao? - GV cùng HS nhận xét và kết luận - Nhận xét tiết học.	 - HS trả lời. - Mỗi nhóm tìm sự vật được nhân hoá, sau đó chia sẻ trước lớp. - HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết lập dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối (Bài 1, 2)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS

1. Mở đầu:	
- Yêu cầu HS đọc 3 đề bài.	- HS đọc.
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân để xác định lập dàn ý cho đề mình chọn: (chọn cây, trình tự miêu tả, đặc điểm của cây, …).	- HS thực hiện.
- Gọi HS chia sẻ về nội dung mình chọn.	- HS chia sẻ.
- GV nhận xét, tuyên dương HS có khả năng quan sát tốt.	
- GV giới thiệu, ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
Lập dàn ý	
- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, hoàn thiện bài vào vở dựa vào đề mình đã chọn lập dàn ý theo gợi ý trong sách.	- HS thực hiện, viết dàn ý vào vở.
- GV quan sát và giúp đỡ HS còn gặp khó khăn.	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện.	- HS chia sẻ trước lớp về dàn ý đã lập.
- GV nhận xét, tuyên dương và đưa ra một số lưu ý khi lập dàn ý bài văn miêu tả cây cối: + Tập trung nêu điểm khác biệt của cây. + Nhấn mạnh những đặc điểm phù hợp với lợi ích cây. + Nêu lí do em yêu thích, kỉ niệm với cây.	- HS lắng nghe
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Tổ chức cho HS chỉnh sửa lại dàn ý (bố cục 3 phần, trình tự miêu tả, lựa chọn đặc điểm của cây,…). - Nhận xét tiết học, khen HS có dàn ý tốt.	- HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: LẬP DÀN Ý CHO BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết góp ý và sửa dàn ý cho bài văn miêu tả cây cối (Bài 3)

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu, ghi bài.	 - HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành: - GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở tiết trước, trả lời câu hỏi: + Đề bài yêu cầu những gì? + HS thảo luận nhóm đôi, chia sẻ với bạn và trả lời: Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì ở dàn ý? - GV tổ chức cho HS bổ sung/ chỉnh sửa lại dàn ý. - GV nhận xét, đánh giá chung kết quả, khen HS lập dàn ý tốt.	 - HS trả lời. - HS thực hiện và chia sẻ.(góp ý bố cục, trình tự miêu tả, lựa chọn đặc điểm,… - HS thực hiện. - HS lắng nge.
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Tổ chức cho HS nhắc lại điều cần lưu ý khi lập dàn ý miêu tả cây cối. - Nhận xét tiết học, khen HS có dàn ý tốt.	 - HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: KỂ CHUYỆN VỀ QUÊ NGOẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nghe – hiểu và kể được câu chuyện *Về quê ngoại.*

- Thêm yêu thương, gắn bó với cha mẹ, với người thân trong gia đình, yêu mến tự hào về cảnh đẹp quê hương.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Cho HS kể chia sẻ với bạn về quê ngoại của mình. - GV kết luận, giới thiệu vào bài.	 - HS chia sẻ.
2. Luyện tập, thực hành: **Nghe kể chuyện** - Lần 1: GV kể toàn bộ câu chuyện *Về quê ngoại. (*Tổ chức cho HS dự đoán sự kiện tiếp theo của các đoạn truyện). - Lần 2: GV kể từng đoạn để HS nắm được nội dung câu chuyện	 - HS lắng nghe và trả lời theo ý hiểu. - HS lắng nghe.
Kê lại câu chuyện theo tranh - Tổ chức cho HS thảo luận nhóm đôi, quan sát tranh, dựa vào lời thoại và cho biết: + Câu chuyện có những nhân vật nào? + Mỗi tranh thể hiện khung cảnh ở đâu? + Có những sự việc nào diễn ra trong mỗi tranh? - Yêu cầu HS chia sẻ. - GV nhận xét. - Tổ chức cho HS kể chuyện theo tranh theo nhóm đôi (kể nối tiếp, có kết hợp nét mặt, cử chỉ, điệu bộ,…). - Gv gọi HS kể lại câu chuyện trước lớp. - GV đánh giá kết quả kể chuyện và biểu dương những HS kể tự nhiên, sáng tạo, bám sát nội dung.	 - HS thực hiện thảo luận và trả lời các câu hỏi. - HS chia sẻ. - HS kể chuyện. - HS thực hiện - HS lắn nghe.

Đặt tên cho tranh minh hoạ	
- Gọi HS nêu yêu cầu bài.	- HS đọc và nêu.
- HS trao đổi nhóm 4, đặt tên cho các bức tranh dựa vào nội dung đã kể, khuyến khích cách đặt tên sáng tạo, thể hiện cách cảm nhận riêng.	- HS thực hiện đặt tên cho các bức tranh.
- GV gọi HS chia sẻ cá nhân.	- HS chia sẻ tên mình đã đặt.
- GV tuyên dương và ghi nhận.	- HS lắng nghe.
+ Tranh 1: Đường về quê.	
+ Tranh 2: Niềm vui gặp lại.	
+ Tranh 3: Trên bãi biển.	
+ Tranh 4: Một trải nghiệm thú vị.	
+ Tranh 5: Cảnh tạm biệt.	
- Qua câu chuyện này, em có tình cảm thế nào với quê ngoại của mình?	- HS chia sẻ.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy kể câu chuyện *Về quê ngoại* cho người thân cùng nghe.	- HS thực hiện
- Tìm đọc một bài thơ, bài ca dao về quê hương, đất nước.	- HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 31

TIẾNG VIỆT

Đọc: ĐƯỜNG ĐI SA PA

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài đọc "*Đường đi Sa Pa*".
- Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, tả giàu hình ảnh, cảm xúc trong bài.

- Hiểu nghĩa của từ ngữ, hình ảnh miêu tả vẻ đẹp của Sa Pa qua lời văn miêu tả, biểu đạt của tác giả.
- Hiểu được điều tác giả muốn nói thông qua bài đọc: Vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước và tình yêu của tác giả dành cho đất nước.
* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bản đồ Việt Nam.

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu	
- GV yêu cầu HS: + Đọc một số câu thơ, bài ca dao nói về cảnh đẹp của đất nước. + Chia sẻ với bạn nội dung những câu thơ, bài ca dao đó. *(VD 1: "Sâu nhất là sông Bạch Đằng* *Ba lần giặc đến ba lần giặc tan.* *Cao nhất là núi Lam Sơn* *Có ông Lê Lợi trong ngàn bước ra."* *VD 2: " Đồng Tháp Mười cò bay thẳng cánh* *Nước Tháp Mười lóng lánh cá tôm* *Ai đi Châu Đốc, Nam Vang* *Ghé qua Đồng Tháp bạt ngàn bông sen")*	- HS thực hiện.
- GV chiếu một số cảnh đẹp của đất nước. (Cát Bà - HP, Vịnh Hạ Long - QN, Tam Đảo - Vĩnh	- HS quan sát.

Phúc...)	
- GV giới thiệu - ghi bài. (Đất nước Việt Nam được thiên nhiên ưu ái ban tặng cho rất nhiều cảnh sắc hùng vĩ. Trên dải đất hình chữ S đâu đâu cũng sở hữu những danh lam thắng cảnh tuyệt đẹp. tất cả đã làm lên bức tranh thiên nhiên Việt Nam đa dạng, thu hút được nhiều khách du lịch trong nước và quốc tế. Trong bài đọc *Đường đi Sa Pa* của nhà văn Nguyễn Phan Hách, chúng ta sẽ có cơ hôi được đi du lịch, khám phá phong cảnh của miền núi cao.)	- HS lắng nghe, nhắc lại tên bài.
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc.
- Bài chia làm mấy đoạn?	- HS nêu.
- Bài chia làm 3 đoạn. Mỗi lần chấm xuống dòng là 1 đoạn.	- HS đánh dấu SGK.
**** Đọc nối tiếp đoạn***	- Đọc nối đoạn theo dãy (1-2 lần)
**** Hướng dẫn đọc từng đoạn***	- HS thảo luận nhóm 4 cách đọc từ khó, câu dài, cách đọc đoạn..
	- HS chia sẻ.
Dự kiến ***Đoạn 1*** - Đọc đúng: *chênh vênh, sà xuống, rực lên, lướt thướt liễu rủ.*	- HS đọc câu chứa từ khó.

- Hiểu nghĩa từ: *rừng cây âm âm*	- HS đọc chú giải.
- Cách đọc đoạn 1: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó.	- HS đọc đoạn 1.
Đoạn 2	
- Đọc đúng: *nắng, Tu Dí, Phù Lá, dập dìu*	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Ngắt câu: *+ Những em bé Mông,/ những... Tu dí,/ Phù Lá/...sặc sỡ/....hàng.//* *+ Hoàng hôn,/ ...áp...trấn,/....dìu/...nhạt.//*	- HS đọc câu dài.
- Hiểu nghĩa từ: *Mông, Tu Dí, Phù Lá, áp phiên*	- HS đọc chú giải.
- Cách đọc đoạn 2: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 2.
Đoạn 3	
- Đọc đúng: *long lanh, nồng nàn.*	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Ngắt câu: *Sa Pa/ quả là....kì/....nước ta*	- HS đọc câu dài.
- Cách đọc đoạn 3: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 3.
*** Cho HS luyện đọc theo nhóm 2.**	- HS thực hiện.
*** Đọc cả bài**	
- Hướng dẫn đọc cả bài: Cả bài đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng dấu câu.	- 2- 3HS đọc -> Nhận xét.
b. Tìm hiểu bài:	
+ Sa Pa là một huyện nổi tiếng thuộc tỉnh nào	- HS nêu.

của nước ta? (Lào Cai)	
- GV chỉ vị trí địa lý tỉnh Lào Cai trên bản đồ Việt Nam. -> Sa Pa là một huyện miền núi thuộc tỉnh Lào Cai ở phía Bắc nước ta với rất nhiều ảnh đẹp.	- HS quan sát
- GV yêu cầu HS đọc thầm đoạn 1, thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi 1.	- HS thực hiện.
+ Cảnh vật trên đường đi Sa Pa có gì đẹp? *(Những đám mây....huyền ảo.* *Thác nước trắng xóa tựa mây trời.* *Rừng cây âm âm.* *Những bông hoa chuối rực lên như ngọn lửa.* *Mấy con ngựa đang ăn cỏ trong một vườn đào, lông đen huyền, trắng tuyết, đỏ son, chân dịu dàng, chùm đuôi cong lướt thướt liễu rủ.)*	- HS thảo luận.
	- Đại diện nhóm báo cáo.
	- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung
- GV chiếu hình ảnh ở Sa Pa. -> Những từ ngữ miêu tả cảnh vật giúp ta như nhìn thấy con đường đi Sa Pa ngày càng lên cao hơn, nằm chênh vênh trên sườn núi, xuyên qua những đám mây, uốn quanh những ngọn thác trắng xóa từ trên cao đổ xuống, lượn sát những cánh rừng rậm rạp. Đường lên Sa Pa không chỉ có cảnh sắc thiên nhiên mà con có cảnh khung cảnh làng xóm êm đềm với những con ngựa đẹp như trong truyện cổ tích, được chăn thả trong vườn. Những tính từ chỉ màu sắc *"trắng xóa,đen tuyền, đỏ son, trắng tuyết"* cùng tính từ chỉ đặc điểm *"huyền ảo, dịu dàng"* ... thể hiện sự quan sát tinh tế của tác	- HS quan sát. - HS lắng nghe.

giả. Người đọc được chiêm ngưỡng bức tranh thiên nhiên trên đường đi Sa Pa rất đỗi hùng vĩ, hoang sơ nhưng ấm áp sự sống.	
- GV yêu cầu HS tiếp tục thảo luận nhóm 4 để trả lời câu hỏi 2. + Cảnh buổi chiều ở thị trấn nhỏ trên đường đi Sa Pa được miêu tả như thế nào? *(Nắng vàng hoe. Các bạn thiếu nhi dân tộc thiểu số quần áo sặc sỡ đang nô đùa trước cửa hàng. Hoàng hôn, áp phiên chợ, người và ngựa dập dìu trong sương núi tím nhạt)*	- HS thực hiện.
	- HS thảo luận nhóm 4.
	- Đại diện nhóm báo cáo, chia sẻ.
	- HS nhận xét, bổ sung.
-> Hoàng hôn, cảnh chợ búa và người mua bán tấp nập thì ở miền xuôi hay miền núi đều có cả. Hình ảnh: những em bé dân tộc thiểu số trong trang phục lạ mắt, người dân vùng núi cao đi bên những con ngựa chở hàng; ánh nắng chiều vàng hoe, sương núi màu tím nhạt lan tràn khắp không gian của thị trấn nhỏ... đã làm lên cảnh tượng đặc trưng, vừa quen vừa lạ của thị trấn nhỏ miền núi gợi cảm giác bình yên.	- HS nêu.
+ Cụm từ "thoắt cái" lặp lại nhiều lần trong đoạn miêu tả cảnh thiên nhiên ở thiên nhiên muốn nhấn mạnh điều gì? Tìm câu trả lời đúng.	- HS nêu.
-> Cụm từ "thoắt cái" gợi tả cảm xúc đột ngột, ngỡ ngàng, nhấn mạnh sự thay đổi nhanh chóng của thời gian đến mức bất ngờ, làm nổi bật vẻ đẹp nên thơ của sự biến đổi về cảnh sắc thiên nhiên ở Sa Pa.	- HS lắng nghe.

+ Thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi: Vì sao tác giả khẳng định: "Sa Pa là món quà tặng diệu kì mà thiên nhiên dành cho đất nước ta"?	- HS thảo luận nhóm đôi.
	- HS báo cáo.
-> Sa Pa là món quà tặng diệu kì mà thiên nhiên dành cho đất nước ta vì phong cảnh ở Sa Pa đẹp, hiếm có. Mới chỉ là con đường đi lên Sa Pa mà đã chinh phục được lòng người bởi những dốc cao chênh vênh, thác nước tung bọt trắng xóa hay cảnh rừng cây đại ngàn đầy hoang sơ. Hình ảnh đàn ngựa ăn cỏ trong vườn đào mang lại cảm giác huyền ảo như thế giới trong truyện cổ tích. Điểm xuyết cho bức tranh thiên nhiên là bức tranh sinh hoạt đời thường của người dân Sa Pa. Họ đã giữ gìn văn hóa đậm đà bản sắc miền núi qua trang phục, qua phiên chợ. Ngay khi đặt chân đến Sa Pa, du khách được sống trong cảm xúc sững sờ trước thế giới của những loài hoa quý hiếm. Ấn tượng nhất là khí hậu nơi đây: có cái mát mẻ trong lành của mùa thu, có cái lạnh giá của mùa đông ngay trong cùng một ngày. Cái nóng bức, ngột ngạt của mùa hè không có cơ hội xuất hiện ở Sa Pa.	- HS lắng nghe
+ Em thích hình ảnh nào trong bài đọc?	- HS nêu.
(VD 1: Chi tiết miêu tả đàn ngựa gặm cỏ ven đường. Những từ miêu tả màu sắc của đàn ngựa: đen huyền, đỏ son, trắng muốt, miêu tả cách chúng nhởn nhơ gặm cỏ: chân dịu dàng, miêu tả hình dáng: chùm đuôi cong lướt thướt liễu rủ trong không gian vườn đào làm em nghĩ	- HS nêu.

đến không gian truyện cổ tích: đẹp, huyền bí, hoang sơ. *VD 2: Chi tiết miêu tả thời tiết, cảnh vật ở Sa Pa. Từ thoắt cái khiến em liên tưởng đến cây đùa thần trong bàn tay của mụ phù thùy vạn năng. Sự thay đổi thời tiết ở Sa Pa trong 1 ngày làm mọi người ngỡ ngàng. Chưa kịp thưởng thức không khí se lạnh của mùa thu đã ngỡ ngàng trước vẻ đẹp trắng ngần của hoa lê trong sương tuyết giá lạnh, rồi thấp thoáng đâu đây những cành hoa lay ơn màu đen nhung quý hiếm chúm chím nở đón xuân. Sự thay đổi thời tiết trong một ngày đem lại cho Sa Pa bức tranh thiên nhiên phong phú.)*	
Mức 4 + Câu chuyện cho em biết điều gì?	- HS nêu
=> Nội dung bài: Vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước nói chung, cảnh đẹp của Sa Pa nói riêng và tình yêu của tác giả dành cho đất nước.	- 2-3HS nhắc lại
3. Luyện tập, thực hành:	
- Hướng dẫn đọc diễn cảm: ./ Đọc nhấn giọng ở những từ ngữ miêu tả cảnh vật trên đường đi Sa Pa, cảnh vật tại Sa Pa. VD: *chênh vênh, bồng bềnh, huyền ảo, trắng xóa tựa mây trời, rự lên như ngọn lửa, đen huyền, trắng tuyết, đỏ son, dịu dàng, lướt thướt liễu rủ;* những từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của tác giả. VD: *thoắt cái, diệu kì.*	- HS lắng nghe.

./ Giọng đọc thể hiện sự ngỡ ngàng ở những câu miêu tả: *Thoắt cái lá vàng rơi trong khoảnh khắc mùa thu.....hiếm quý.*	
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, thi đọc.	- HS thực hiện.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Ai đã từng được đến Sa Pa rồi? Hãy nêu cảm nhận của em về nơi đây?	- HS nêu
+ Nêu cảm nhận của em sau tiết học?	- HS nêu
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VIẾT TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn lại quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Hãy viết họ và tên em, tên trường em đang học.	- HS viết bảng con.
+ Nêu sự khác biệt khi viết tên em và tên trường học của em?	- HS nêu.
- Nhận xét, tuyên dương.	
- Giới thiệu bài - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành	
Bài 1	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
+ Yêu cầu HS nói trong nhóm đôi	- HS thực hiện.
	- Đại diện nhóm báo cáo
	- HS nhận xét, bổ sung.
+ Nêu cách viết hoa tên người, tên cơ quan tổ chức?	- HS nêu.
=> *Chốt:* Tên cơ quan, tổ chức: Viết hoa chữ cái đầu ở tiếng đầu tiên các bộ phận tạo nên tính chất "riêng" của tên riêng đó. Tên riêng chỉ người viết hoa chữ cái đầu của tất cả các tiếng.	- HS lắng nghe.
Bài 2	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.

+ Thảo luận nhóm đôi cách viết tên cơ quan tổ chức để tìm ra điểm giống nhau về cách viết hoa trong mỗi tên?	- HS thực hiện.
	- Đại diện nhóm bao cáo
	- HS nhận xét, bổ sung.
	- HS chơi.
=> *Chốt:* Cách viết hoa tên cơ quan, tổ chức như sau: Viết hoa chữ cái đầu của các từ ngữ chỉ loại hình cơ quan, tổ chức; chức năng, lĩnh vực hoạt động của cơ quan tổ chức.	- HS lắng nghe.
Bài 3	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
- GV chiếu màn hình.	- HS viết đáp án vào bảng con.
- Gv yêu cầu HS giải thích vì sao không chọn các đáp án còn lại	- HS giải thích.
=> *Chốt:* Nêu cách viết hoa tên cơ quan, tổ chức?	- HS nêu.
Bài 4	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
+ GV yêu cầu làm bài vào vở.	- HS làm vở.
	- HS soi bài nhận xét.
=> *Chốt:* Khi viết tên cơ quan, tổ chức cần lưu ý gì? *(Viết hoa chữ cái đầu của các từ ngữ chỉ loại hình cơ quan, tổ chức; chức năng, lĩnh vực hoạt*	- HS lắng nghe.

động của cơ quan tổ chức. Cuối câu có dấu chấm .)	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Hãy viết tên 1 cơ quan, tổ chức gần nơi em ở?	- HS thực hiện.
+ Nêu cách viết?	- HS nêu.
- Qua tiết học này em cảm nhận được điều gì?	- HS tự nêu cảm nhận.
- GV nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: VIẾT BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết viết bài văn miêu tả cây cối.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Khởi động - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	- HS trả lời
- GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở tiết trước, trả lời câu hỏi: + Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì ở dàn ý?	- 2-3 HS đọc và trả lời
+ Em chọn đề bài nào để viết?	- HS nêu.
2. Luyện tập, thực hành	
+ Bài văn miêu tả cây cối gồm mấy phần? -> Chú ý bài văn phải trình bày rõ 3 phần.	
- GV cho HS viết bài văn dựa vào dàn ý đã lập.	- HS viết bài vào vở.
- GV quan sát, hỗ trợ HS.	
	- HS soi bài, nhận xét.
- Yêu cầu HS tự soát lỗi theo hướng dẫn trong sách giáo khoa.	- HS soát lỗi và sửa lỗi.
3. Vận dụng, trải nghiệm: + Trao đổi với người thân về bài văn tả cây em đã viết và xin ý kiến đóng góp.	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Đọc: QUÊ NGOẠI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ câu chuyện "Quê ngoại".

- Biết đọc diễn cảm thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật trong câu chuyện; biết ngắt, nghỉ hơi sau dấu câu.

- Nhận biết được đặc điểm của nhân vật thể hiện qua các từ ngữ, các câu trong bài đọc. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài.

- Hiểu điều tác giả muốn nói qua câu chuyện: *Chúng ta ai ai cũng có quê hương. Những kỉ niệm về quê hương bao giờ cũng đẹp. Đặc biệt khi ta đi xa thì nỗi nhớ về quê hương càng da diết.*

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, bản đồ thế giới, bản đồ Việt Nam.

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Khi nghĩ về quê nội hoặc quê ngoại của mình, em thường nhớ tới điều gì? Chia sẻ với các bạn một vài kỉ niệm về nơi đó trong nhóm đôi.	- HS thực hiện.

	Đại diện một số nhóm báo cáo.
-> Chúng ta ai cũng có quê hương. Nhiều bạn vẫn đang sống ở quê hương mình nhưng có những bạn đang sống xa quê. Khi ở xa chúng ta rất nhớ quê hương và luôn giữ những kỉ niệm đẹp về quê hương.	- HS lắng nghe.
- GV chiếu hình ảnh bài đọc.	- HS quan sát.
+ Bức tranh vẽ gì? (*Bức tranh vẽ cảnh bạn gái đang ngồi bên cửa sổ. Bên ngoài cửa sổ là hình ảnh đường phố và những dãy nhà cao tầng hiện đại. Bạn đang nghĩ về cảnh làng quê (trong bóng nói) có ao sen, có đường làng, ruộng lúa, dòng kênh, cây đa, những mái nhà và dãy núi xa xa.)*	- HS nêu.
- GV giới thiệu - ghi bài. (Đây chính là Ki-a. Một em bé Việt Nam sống trên đất Mĩ. Em đang nghĩ về quê ngoại của mình là làng Chùa ở Việt Nam. Chúng ta sẽ đọc câu chuyện để biết trong suy nghĩ của Ki-a làng Chùa đẹp như thế nào, Ki-a yêu và nhớ quê ngoại của mình như thế nào nhé.)	- HS lắng nghe.
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc.
- Bài chia làm mấy đoạn?	- HS nêu.
- GV chốt: *Bài chia làm 4 đoạn. Mỗi lần chấm xuống dòng là 1 đoạn.*	- HS đánh dấu SGK.
**** Đọc nối tiếp đoạn***	- Đọc nối đoạn theo dãy (1-2 lần)
**** Hướng dẫn đọc từng đoạn***	- HS thảo luận nhóm 4 cách đọc từ khó, câu dài, cách đọc

	đoạn..
	- HS chia sẻ.
Dự kiến ***Đoạn 1*** - Đọc đúng: *làng Chùa, rộng lớn.*	 - HS đọc câu chứa từ khó.
- Hiểu nghĩa từ: *vô tận*	
- Cách đọc đoạn 1: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó.	- HS đọc đoạn 1
Đoạn 2	
- Ngắt câu: *Mẹ ...kể/khi... hè/....chong chóng/ và ...đê/....hạ.//*	- HS đọc câu dài.
- Cách đọc đoạn 2: Đọc rõ ràng, chính xác, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 2
Đoạn 3	
- Đọc đúng: *trở về, làng.*	- HS đọc câu chứa từ khó.
- Cách đọc đoạn 3: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 3.
Đoạn 4	
- Cách đọc đoạn 4: Đọc rõ ràng, đọc đúng từ khó, ngắt nghỉ hợp lí ở dấu câu trong các câu dài.	- HS đọc đoạn 4.
*** Cho HS luyện đọc theo nhóm 2.**	- HS thực hiện.
*** Đọc cả bài**	
- Hướng dẫn đọc cả bài: Cả bài đọc to, rõ ràng, ngắt nghỉ đúng dấu câu.	- 2- 3HS đọc -> Nhận xét.

b. Tìm hiểu bài:	
- GV yêu cầu HS đọc thầm toàn bài để trả lời câu hỏi 1	- HS thực hiện.
+ Ki-a sống ở đâu và quê ngoại của Ki-a ở đâu? *(Ki-a sống ở Mĩ còn quê ngoại của bạn ở làng Chùa Việt Nam)*	- HS nêu.
- GV xác định nước Mĩ trên bản đồthế giới và vi trí làng Chùa (thôn Hoàng Dương, xã Sơn Công, huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Tây cũ - nay là Hà Nội) trên bản đồ Việt Nam cho HS quan sát.	- HS quan sát.
+ Những hình ảnh nào trong bài cho thấy quê ngoại của Ki-a rất đẹp? *(những ngôi nhà nhỏ bình yên, cánhđồng lúa rộng lớn, dòng sông Đáy vô tận, ao hồ nở đầy hoa sen, dãy núi tím xa...)*	- HS nêu.
+ Thảo luận nhóm đôi để trả lời câu hỏi 3: Ki-a được mẹ kể cho nghe những kỉ niệm nào về tuổi thơ ở làng Chùa? *(Những kỉ niệm tuổi thơ của mẹ: mùa hè mẹ được ông ngoại đưa ra đê thả diều, lấy lá dứa dại làm chong chóng và kèn thổi vang trên mặt đê)*	- HS thực hiện.
	- HS báo cáo
+ Ki-a thường mơ thấy những gì về quê ngoại? Những giấc mơ đó nói lên điều gì về tình cảm của Ki-a với quê hương? Thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi 4 SGK. *(Ki-a thường mơ thấy được gặp những người làng Chùa, được ngắm cánh đồng, dòng sông và dãy núi tím xa. Những giấc mơ đó nói lên tình yêu và nỗi nhớ quê da diết của Ki-a.)*	- HS thực hiện.
	- HS báo cáo.
Mức 4: + Câu chuyện "Quê ngoại" gợi cho em cảm nghĩ gì về tình cảm của mỗi người đối với quê	- HS chia sẻ.

hương?	
+ Nội dung câu chuyện là gì?	- HS nêu.
- GV chiếu nội dung câu chuyện: *Chúng ta ai ai cũng có quê hương. Những kỉ niệm về quê hương bao giờ cũng đẹp. Đặc biệt khi ta đi xa thì nỗi nhớ về quê hương càng da diết.*	- HS nhắc lại.
3. Luyện đọc lại:	
- Hướng dẫn đọc diễn cảm: Đọc diễn cảm thể hiện cảm xúc của nhân vật Ki-a, giọng đọc tha thiết.	- HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, thi đọc.	- HS thực hiện.
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	
4. Luyện tập theo văn bản:	
Câu 1: Tìm từ có nghĩa trái ngược với mỗi từ dưới đây: xa xôi, rộng lớn, bình yên *(xa xôi - gần; rộng lớn - nhỏ bé, bé tí, chật hẹp; bình yên – nhộn nhịp, sôi động)*	- HS nêu.
+ Thế nào là từ trái nghĩa? *(là những từ có nghĩa trái ngược nhau)*	- HS nêu.
Câu 2:	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
- GV yêu cầu HS làm bài vào vở.	- HS làm vở.
	- HS soi bài, đọc nội dung.
+ Nêu cặp từ trái nghĩa trong câu?	- HS nêu.
+ Khi viết câu em cần lưu ý gì?	- HS nêu.
5. Vận dụng, trải nghiệm	

+ Hãy giới thiệu những đặc sản ở quê nội hoặc quê ngoại của em mà em biết?	- HS giới thiệu.
+ Em sẽ làm gì để quê hương em ngày càng phát triển hơn?	- HS nêu.
+ Nêu cảm nhận của em sau tiết học?	- HS nêu cảm nhận sau tiết học.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Củng cố kiến thức viết bài văn miêu tả cây cối. Học được điều hay từ bài viết của bạn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu	

+ Nêu bố cục bài văn miêu tả cây cối?	- HS nêu.
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi tên bài.	
2. Luyện tập, thực hành	
- GV trả bài cho HS.	- HS đọc.
Bài 1: GV nhận xét chung về: + Bố cục của bài văn. + Trình tự miêu tả cây cối. + Cách quan sát cây và lựa chọn đặc điểm tả. + Từ ngữ miêu tả, các biện pháp so sánh, nhân hóa. + Diễn đạt, chính tả...	- HS lắng nghe, đọc nhận xét ưu, nhược điểm về bài của mình.
Bài 2:	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
- GV yêu cầu HS đọc bài và thảo luận nhóm 4 câu hỏi sau:	- HS thực hiện.
+ Em học được điều gì từ bài viết của bạn? Vì sao?	- HS nêu trong nhóm.
- GV chú ý HS chia sẻ theo 3 nội dung trong SGK/111	
	- HS chia sẻ trước lớp.
3. Vận dụng, trải nghiệm: + Bài văn miêu tả cây cối gồm những phần nào? *(Mở bài, thân bài, kết bài)*	- HS trả lời.
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TIẾNG VIỆT

Viết: TRẢ BÀI VĂN MIÊU TẢ CÂY CỐI (Tiết 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Nhận ra lỗi trong bài của mình và tự sửa theo góp ý của GV.

- Biết chỉnh sửa lá đơn cho đúng hình thức hơn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài.	 - HS lắng nghe.
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 3	
- GV yêu cầu HS đọc lại bài văn của mình.	- HS thực hiện.
- Tổ chức cho HS sửa lỗi, viết lại câu theo gợi ý SGK.	- HS thực hiện.

- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện.	- HS chia sẻ.
- Yêu cầu HS viết lại một đoạn văn cho hay hơn vào vở.	- HS thực hiện.
	- HS đọc đoạn văn và nêu nhưng câu từ mình cho là hay hơn đoạn trước.
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Trao đổi với người thân về bài văn của mình để nghe góp ý.	- HS thực hiện.
- Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

Tiếng Việt

ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết chia sẻ với bạn những điều thú vị trong bài thơ (hoặc bài ca dao) về quê hương, đất nước mà em đã đọc

- Biết ghi chép các thông tin cơ bản về bài thơ hoặc ca dao vào phiếu đọc sách.

- biết trân trọng những vẻ đẹp của quê hương.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm câu ca dao hoặc bài thơ) về quê hương, đất nước.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
+ Em đã được biết về tình yêu quê hương đất nước của Ki-a qua câu chuyện nào?	- HS nêu.
- GV giới thiệu - ghi tên bài	
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài 1	
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 đọc một bài thơ hoặc bài ca dao về quê hương, đất nước.	- HS thực hiện
- GV chú ý HS khi đọc chú ý đến: nội dung chính, ý nghĩa, những hình ảnh đẹp của bài thơ hoặc bài ca dao	- HS lắng nghe.
Bài 2	- HS đọc.
- Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu.	- HS viết phiếu.
	- Soi phiếu, nhận xét.
Bài 3	
- Thảo luận nhóm 4: Chia sẻ với bạn về những điều em thích trong bài thơ, bài ca dao về quê hương đất nước em đã đọc.	- HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp.
- GV động viên, khen ngợi HS.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.
- Trao đổi với người thân để có thêm	- HS thực hiện

hiểu biết về quê nội và quê ngoại của em.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

.....

TUẦN 32

Tiếng Việt

Đọc: KHU BẢO TỒN ĐỘNG VẬT HOANG DÃ NGÔ – RÔNG – GÔ - RÔ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài *Khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô – rông – gô – rô.*

- Hiểu nghĩa của các chi tiết, hình ảnh miêu tả cảnh vật. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu được điều tác giả muốn nói thông qua bài đọc. Bài đọc giới thiệu về khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô-rông-gô-rô thuộc châu Phi, nơi đây có rất nhiều loài động vật quý hiếm, chúng được sinh sống tự do và hoàn toàn không sợ bị săn bắn.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

* Phẩm chất: chăm chỉ, yêu nước.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi: Em thấy bức tranh có gì đặc biệt?	- HS quan sát, suy nghĩ thảo luận nhóm đôi trả lời câu hỏi.
- GV gọi HS chia sẻ.	- HS chia sẻ
- GV giới thiệu chủ điểm mới	- HS lắng nghe
- GV yêu cầu HS thảo luận nhóm: Kể những việc con người đã làm để bảo vệ động vật hoang dã.	- HS thảo luận nhóm
- GV mời HS chia sẻ	- HS chia sẻ.
- GV giới thiệu- ghi bài	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài.	- HS đọc
- Bài chia làm mấy đoạn?	- *Bài chia làm 3 đoạn* *+ Đoạn 1: Từ đầu đến Di sản thế giới.* *+ Đoạn 2: Tiếp đến vùng bình nguyên* *+ Đoạn 3: Còn lại*
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(Ngô-rông-gô-rô, UNESCO, Tan-da-ni-a...)*	- HS đọc nối tiếp
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	
- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Tên của khu bảo tồn,/ được đặt theo tên của miệng núi lửa Ngô-rông-gô-rô,/một núi lửa lớn/nằm trong vườn quốc gia.//	- HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp.	- HS luyện đọc
b. Tìm hiểu bài:	
- GV hỏi: *Tên gọi khu bảo tồn động vật hoang dã có gì đặc biệt?*	- HS trả lời
- Yêu cầu thảo luận theo cặp: *Chi tiết nào thể hiện rõ nhất sự phong phú của các loài*	- HS thảo luận và chia sẻ

động vật sống trong khu bảo tồn? - GV hỏi: Những chi tiết nào cho biết các loài động vật ở khu bảo tồn được sinh sống tự do và không sợ bị săn bắn? GV có thể hỏi thêm: Trong những hình ảnh về các loài vậy sống trong khu bảo tồn, em thấy hình ảnh nào thú vị nhất? *Những chi tiết nào cho biết các loài động vật ở khu bảo tồn được sống tự do và không sợ bị săn bắn?*	- HS suy nghĩ và chia sẻ với bạn. - HS suy nghĩ chia sẻ với bạn bên cạnh. - HS chia sẻ trước lớp.
- Em có suy nghĩ gì về những loài động vật trong khu bảo tồn Ngô – rông – gô - rô.	- HS suy nghĩ cá nhân và chia sẻ trước lớp.
- Em hãy nêu nội dung chính của bài? - GV kết luận, khen ngợi HS	- HS trả lời
3. Luyện tập, thực hành:	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá.	- HS thực hiện
4. Vận dụng, trải nghiệm:	
- GV cho HS chia sẻ cảm nhận sau khi học bài đọc. - Nhận xét tiết học.	- HS trả lời.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LỰA CHỌN TỪ NGỮ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết lựa chọn từ ngữ để biểu đạt nghĩa.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td>1. Mở đầu:
- GV hỏi: Cho HS chơi trò chơi “Ai tinh mắt” để tìm từ
- Nhận xét, tuyên dương.
- Giới thiệu bài – ghi bài
2. Luyện tập, thực hành:
Bài 1:
- Gọi HS đọc yêu cầu.
- Bài yêu cầu làm gì?

- GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập.
- GV mời HS đại diện nhóm phát biểu</td><td>
- HS chơi trò chơi.

- HS đọc
- HS trả lời (xếp các từ có tiếng bình vào nhóm thích hợp)
- HS thảo luận và thống nhất đáp án
- HS đại diện nhóm phát biểu.
- HS khác chia sẻ, bổ sung</td></tr>
<tr><td colspan="2">
<table>
<tr><td>Nghĩa của tiếng “bình”</td><td>Với nghĩa là yên ổn</td><td>Với nghĩa là xem xét</td></tr>
<tr><td>Từ chứa tiếng “bình”</td><td>Bình an, bình yên, thanh bình, hoà bình</td><td>Bình chọn, bình luận, bình phẩm, bình xét.</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>- GV cùng HS nhận xét.
Bài 2:
- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Yêu cầu HS đọc lại các từ ở bài tập 1
- Yêu cầu HS làm bài theo cặp đôi

- GV mời HS trình bày

- GV và HS chốt đáp án đúng.</td><td>

- HS nêu
- HS đọc.
- HS suy nghĩ chia sẻ với bạn để làm bài.
- HS trả lời.
- HS khác chia sẻ.
- HS lắng nghe</td></tr>
<tr><td colspan="2">
<table>
<tr><td>Câu</td><td>Từ có thể điền</td></tr>
<tr><td>a. Ai cũng có mong ước có một cuộc sống</td><td>Bình an/ bình yên thanh bình</td></tr>
<tr><td>b. Chim bồ câu là loài chim tượng trưng cho</td><td>Hoà bình</td></tr>
<tr><td>c. Làng quê Việt Nam đẹp và</td><td>Thanh bình/ yên bình</td></tr>
</table>
</td></tr>
<tr><td>Bài 3:
- Gọi HS nêu yêu cầu bài.
- Cho HS làm bài theo nhóm:</td><td>
- 1-2 HS đọc
- HS thảo luận nhóm.</td></tr>
</table>

+ Quan sát tranh + Thử lựa chọn từng từ trong ba từ gợi ý để thay thế cho bông hoa. - GV mời HS trình bày - GV tuyên dương HS và chốt lại a. Chao liệng/ b. ca hát/ c. nhấm nháp - GV mời HS đọc ghi nhớ **Bài 4:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS làm theo nhóm 4. Mỗi HS tự tìm một từ. Sau đó trao đổi với nhau trong nhóm lựa chọn từ hay nhất. - GV mời đại diện HS trả lời - GV chốt lại, tuyên dương HS	 - HS trả lời. - HS khác chia sẻ. - 1-2 HS đọc ghi nhớ. - 1-2 HS đọc - HS thảo luận nhóm - Đại diện các nhóm trả lời - HS khác chia sẻ, bổ sung

	Từ điền	
a. Giọt sương	*đọng/ long lanh/ nằm nghiêng*	trên phiến lá
b. Trăng	*trò chuyện/ thủ thỉ/ tâm sự*	với những vì sao đêm
c. Nắng ban mai	*tung/trải/dệt lụa tơ*	vàng óng trên cánh đồng

3. Vận dụng, trải nghiệm: - HS chia sẻ nội dung đã học được sau tiết học	 - 2-3 HS trả lời

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết lập dàn ý đoạn văn tưởng tượng dựa câu chuyện đã nghe, đã đọc.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV hỏi HS chia sẻ một số câu chuyện em đã được nghe, được đọc	- 2-3 HS trả lời
- GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài.	
2. Luyện tập, thực hành:	
a. Chuẩn bị	
- Gọi HS đọc đề bài	- HS đọc.
- Yêu cầu HS cho biết đề bài yêu cầu gì?	- HS chia sẻ.
(Đóng vai nhân vật viết lại các câu chuyện SHS)	- HS đọc và trả lời.
- GV kết luận: Đọc yêu cầu phần chuẩn bị, lựa chọn đối tượng viết và phương án viết (Các em có thể tự chọn một đề văn mà mình hứng thú nhất trong 3 đề để viết)	- HS lắng nghe và thực hiện
b. Hỗ trợ HS trong quá trình viết đoạn văn	
- GV gọi HS nêu cách viết và trình bày đoạn văn.(viết liên tục, không xuống dòng)	- HS chia sẻ
- GV tổ chức HS viết hoàn thiện bài vào vở	- HS viết bài
- GV quan sát, hỗ trợ HS (những em có hạn chế kĩ năng viết)	
c.Hướng dẫn HS đọc lại bài và tự chỉnh sửa	
- Tổ chức cho HS tự đọc và kiểm tra lại bài của mình chỉnh sửa các lỗi về nội dung và hình thức	- HS thực hiện
- Tổ chức HS làm việc nhóm 2, đọc bài của bạn và nêu: + Điều mình muốn học tập từ bạn. + Điều mình muốn góp ý cho bạn	- HS chia sẻ
- GV tổ chức cho HS đọc bài trước lớp	- 3-4 HS đọc bài
- GV nhận xét, kết luận và tuyên dương	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe.
- Yêu cầu HS về nhà viết bài thay lời chú sư tử trong khu bảo tồn động vật hoang dã Ngô-rông-gô-rô, kể về cuộc đời của mình.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....
.....

Tiếng Việt

Đọc: NGÔI NHÀ CỦA YÊU THƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm văn bản- lá thư Ngôi nhà của yêu thương

- Biết nhấn giọng vào từ ngữ thể hiện cảm xúc, những câu nói thể hiện sự quan tâm của người viết thư.

- Nhận biết được nội dung bức thư: Sự yêu thương, thấu hiểu, sẻ chia của tác giả bức thư- bạn Lương Thanh Bình – đối với những bạn nhỏ không nhà trên Trái đất. Qua đó người viết thể hiện ước muốn cháy bỏng của mình về một thế giới hoà bình, ấm no cho trẻ em, nơi mà tất cả trẻ em đều có nhà để ở, nơi không có bom đạn, chiến tranh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV cho HS chia sẻ về vấn đề: Em nghĩ gì về những bạn nhỏ không có nhà để ở?	- HS trao đổi.
- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS lắng nghe
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV đọc mẫu toàn bài.	- HS lắng nghe, theo dõi
- Bài có thể chia làm mấy đoạn?	- HS trả lời.
(chia 3 đoạn: Đoạn 1: Từ đầu đến tôi đã đọc/ Đoạn 2: tiếp đến phải không/ Đoạn 3: Còn lại)	- HS đọc nối tiếp
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(chật chội, đơn sơ, triệu triệu gian,khoáng đãng...)*	- HS thực hiện
- HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	

- Hướng dẫn HS đọc diễn cảm theo cao trào của người viết: + Tha thiết và xót xa (*Bạn ơi, thế bạn ăn cơm ở đâu?..... Trời mưa, bạn làm thế nào cho khỏi ướt?....* + sục sôi và mạnh mẽ (*...chúng mình sẽ vứt tất cả đạn, bom, súng...xuống biển....)* - Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. *b. Tìm hiểu bài:* - GV tổ chức cho HS trao đổi theo nhóm đôi, đọc bài và trả lời các câu hỏi. Bạn lớp trưởng cho các bạn chia sẻ.	- HS lắng nghe - HS luyện đọc - Cả lớp thực hiện.

Câu hỏi	Trả lời
Câu 1. SHS	gửi cho bạn nhỏ không nhà/ biết thông tin về nhiều bạn nhỏ không có nhà khi bạn đọc đươc ở trên báo do bố mang về
Câu 2. SHS	Nội dung thăm hỏi, động viên chia sẻ với bạn nhỏ không nhà. Người viết thể hiện mong ước của mình về việc xây một ngôi nhà chung cho TE toàn thế giới.
Câu 3. SHS	Thể hiện sự quan tâm, lo lắng của người viết thư với bạn nhỏ không nhà.
Câu 4. SHS	Vứt bom súng, đạn ra khỏi TĐ/ Xây những ngôi nhà chung, triệu triệu gian/ vứt lồng chim, chuồng thú/thêm tiền xây nhà
Câu 5. SHS	Tình cảm yêu thương/ mong ước tích cực,….

- GV kết luận, khen ngợi HS. - GV kết luận, chốt lại nội dung bài. **3. Luyện tập, thực hành:** - GV hướng dẫn HS luyện đọc lại diễn cảm bức thư - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **4. Vận dụng, trải nghiệm:** - Yêu cầu HS tìm các tính từ và nêu tác dụng(SHS) *(+ xinh đẹp, hay, hiền lành, ngoan ngoãn, bao la, tự do, khoáng đãng.* *+ Tác dụng: giúp các sự vật được miêu tả trở lên rõ ràng, sinh động và cụ thể)* - Yêu cầu HS tìm tính từ thay từ "*bao la*" trong đoạn trên (rộng lớn/ khoáng đạt/....)	- HS lắng nghe. - HS thực hiện - HS thực hiện - HS trả lời. - HS thực hiện

- GV cùng HS nhận xét và kết luận - Nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: TRẢ BÀI VIẾT VĂN TƯỞNG TƯỢNG (TIẾT 1+ TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết rút kinh nghiệm về viết đoạn văn tưởng tượng

- Biết được ưu, nhược điểm trong bài của bạn và của mình, biết tham gia vào sửa lỗi chung, biết tự sửa lỗi ở bài viết của mình.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- Yêu cầu HS nêu lại nội dung yêu cầu của tiết viết trước. - GV nhận xét, tuyên dương HS - GV giới thiệu, ghi bài.	- HS thực hiện
2. Luyện tập, thực hành: a. GV đánh giá kết quả làm bài của HS - GV nhận xét chung về bài làm - GV nhận xét những HS có nhiều cố gắng, tiến bộ.	- HS lắng nghe
- GV tổ chức cho HS chia sẻ bài sau khi hoàn thiện và yêu cầu HS ghi nhanh những điểm về: + Diễn đạt + Từ ngữ xưng hô. + Những chi tiết mới được bổ sung.	- HS ghi lại
- GV mời HS có đoạn văn hay đọc lại	- HS thực hiện

ở trước lớp. Động viên HS chỉnh sửa lại bài theo góp ý. b. HS chỉnh sửa hoàn thiện bài làm.	
- Yêu cầu HS đọc lại bài viết của mình và nhận xét của thầy cô, dự kiến chỉnh sửa	- HS dự kiến chỉnh sửa đoạn đã được góp ý
- HS đọc lại những bài thầy cô khen và ghi lại: + Điều mình muốn học tập: cách sưng hô/ những chi tiết sáng tạo trong kể chuyện theo vai nhân vật/ cách dung từ,đặt câu…	- HS thực hiện
- Tổ chức cho HS trao đổi nhóm đôi về ưu, nhược điểm trong bài văn mình viết và dự kiến chỉnh sửa	- HS thực hiện
3. Vận dụng, trải nghiệm: - Tổ chức cho HS viết lại những câu muốn sửa và muốn thay - Nhận xét tiết học, khen HS có dàn ý tốt.	- HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: CHUNG TA BẢO VỆ ĐỘNG VẬT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Trình bày được quan điểm cá nhân về những cách bảo vệ động vật. Biết sử dụng lí lẽ để bảo vệ ý kiến của mình hoặc tranh luận với bạn.

- Biết yêu thương và chia sẻ với những hoàn cảnh khó khăn của trẻ em trên toàn thế giới; hiểu và phần nào xác định được trách nhiệm của bản thân với những vấn đề chung của toàn cầu: nhà ở, hoà bình, bảo vệ động vật,…

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sgk, vở ghi.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Cho HS kể về một số động vật mà HS biết - GV kết luận, giới thiệu vào bài.	- HS chia sẻ.
2. Luyện tập, thực hành: **Chuẩn bị** - Tổ chức cho HS thực hiện: + Câu 1: Vì sao phải bảo vệ động vật? + Câu 2: Nêu một số việc làm để bảo vệ động vật? + Câu 3: Giải thích được vì sao những việc làm đó lại bảo vệ động vật? + Câu 4: Làm thế nào để những việc làm đó có hiệu quả?	- HS thực hiện nói và chia sẻ nhóm đôi cùng bạn nội dung các câu hỏi.(Sử dụng kết quả đọc tư liệu/ sử dung tranh, ảnh video minh hoạ)
- Gv yêu cầu HS ghi lại tóm tắt các ý kiến.	- HS thực hiện
- GV đánh giá kết quả thực hiện của các nhóm.	- HS lắn nghe.
Nói/ Trao đổi và góp ý - GV tổ chức cho HS nói về những nội dung mình đã thực hiện ở phần chuẩn bị. - GV gọi các nhóm bổ sung, nhận xét và kết luận	- HS thực hiện

Câu 1	- Đem lại nhiều lợi ích, tạo lên sự phong phú cho sự sống trênTĐ. - Đưa ra một số ví dụ chuỗi thức ăn cần có động vật.
Câu 2	- Tích cực tuyên truyền nguy cơ tuyệt trủng của 1 số loài ĐV/….
Câu 3	- HS kể các việc làm đã thực hiện
Câu 4	

3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Nhận xét tiết học.	- HS lắng nghe
- Em hãy trao đổi với người thân về hoạt động bảo vệ động vật	- HS thực hiện
- Tìm đọc sách báo viết về những công trình nổi tiếng trên thế giới.	- HS thực hiện.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 33

TIẾNG VIỆT

ĐỌC: BĂNG TAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài băng tan, biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, ờ lời miêu tả.

- Nhận biết được thông tin chính trong bài. Hiểu nghĩa của các chi tiết, hình ảnh miêu tả. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu được điều tác giả muốn nói thông qua văn bản: Con người cần chung tay bảo vệ môi trường để thoát khỏi những thảm họa do băng tan.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.
* Phẩm chất: có ý thức bảo vệ giữ gìn môi trường sống.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV yêu cầu HS đọc bài Ngôi nhà của yêu thương và nêu nội dung của bài. - GV yêu HS thảo luận nhóm đôi: Kể tên một số hiện tượng thiên tai và tác hại của nó. - GV nhận xét. - GV giới thiệu- ghi bài **2. Hình thành kiến thức:** *a. Luyện đọc:* - GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Bài chia làm mấy đoạn? - Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(nóng lên, đất liền,...)* - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	 - 1,2 HS đọc và trả lời. - 3 nhóm đại diện trình bình và nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe, ghi vở. - HS đọc *- Bài chia làm 3 đoạn, mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn* - HS đọc nối tiếp

- Hướng dẫn HS đọc: + Cách ngắt giọng ở những câu dài, VD: Với tình trạng băng tan như hiện nay,/ gấu Bắc Cực buộc phải bơi xa hơn / để kiếm ăn,/ mất dần môi trường sống.// Cùng cảnh ngộ đó,/ chim cánh cụt ở Nam Cực/ cũng không có nguồn thức ăn / và mất nơi cư trú.//	- HS lắng nghe, luyện đọc.
- Cho HS luyện đọc theo cặp. *b. Tìm hiểu bài:*	- HS luyện đọc
- GV hỏi: Câu 1. Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng băng tan? + Gọi 1,2 HS trình bày. + GV nhận xét và chốt câu trả lời đúng.	- Cả lớp suy nghĩ tìm chi tiết của câu hỏi: Trái đất nóng lên là một trong những nguyên nhân dẫn đến hiện tượng băng tan.
GV cho HS thảo luận nhóm 4 câu 2,3,4. Mời đại diện nhóm trình bày và các nhóm khác nhận xét trong 4 phút. Câu 2: Nêu những hậu quả do băng tan gây ra đối với : Cuộc sống của con người Môi trường sống của động vật.	- HS thảo luận và trả lời câu hỏi: - Đại diện nhóm trình bày : + Hậu quả của việc băng tan đối với con người: nước biển dâng cao làm thay đổi bản đồ thế giới ,vùng đất ven biển nhiễm mặn, ngày càng nhiều nước ngọt sẽ ít hơn, các đảo và quần đảo có thể bị nhấn chìm con người có thể bị mất đất mất nhà. + Đối với môi trường sống của động vật mất dần môi trường sống
Câu 3: Chỉ ra nội dung mỗi phần trong bài băng tan .	- HS đọc câu hỏi 3 và trả lời.
Câu 4: Bài đọc giúp em có thêm những hiểu biết gì?	- HS thảo luận và chia sẻ: Em hiểu hiện tượng băng tan là gì? Nguyên nhân của việc băng tan là do Trái Đất đang nóng lên.
- GV kết luận, khen ngợi HS **3. Luyện tập, thực hành:**	
- GV hướng dẫn HS đọc diễn cảm	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc.	- HS thực hiện
- GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **4. Vận dụng, trải nghiệm:**	
- Qua bài đọc, theo em chúng ta cần làm gì	- HS trả lời.

để Trái Đất sẽ trở nên tốt hơn ? - Nhận xét tiết học. - Dặn dò chuẩn bị bài sau.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT

LUYỆN TỪ VÀ CÂU: LUYỆN TẬP LỰA CHỌN TỪ NGỮ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Hiểu nghĩa và biết sử dụng một số từ hán việt phù hợp với ngữ cảnh.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV cho cả lớp hát bài Trái đất này là chúng mình. - Nhận xét, tuyên dương. - Giới thiệu bài – ghi bài **2. Luyện tập, thực hành:** **Bài 1:** - Gọi HS đọc yêu cầu. - Bài yêu cầu làm gì? - GV yêu cầu thảo luận nhóm 4, hoàn thành phiếu học tập. - GV mời HS đại diện nhóm phát biểu. (lên bảng viết bảng phụ). - GV cùng HS nhận xét, chốt đáp án. **Bài 2:**	- Cả lớp hát và múa theo. - HS lắng nghe và ghi bài. - HS đọc - HS trả lời (*Xếp các từ có tiếng kì dưới đây vào nhóm thích hợp*) - HS thảo luận và thống nhất đáp án - HS trình bày. Các nhóm khác lắng nghe và nhận xét. + kì tài, kì diệu, kì ảo, kì quan, kì tích, kì vĩ. + chu kì, học kì, thời kì, định kì

- Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Yêu cầu HS đọc lại toàn bộ các từ ở BT1. - GV cho HS thảo luận nhóm theo cặp để tìm từ thích hợp. - GV mời HS phát biểu. - GV chốt đáp án và chiếu lên ti vi. **Bài 3:** - Gọi HS nêu yêu cầu bài. - Cho HS tìm hiểu nghĩa từng từ. - Cho HS thảo luận nhóm 2. - Tổ chức cho HS thi các nhóm với nhau, bình chọn nhóm có từ hay, phù hợp nhất. Hỏi: Tại sao em chọn từ đó ? - GV nhận xét và tuyên dương HS làm tốt. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Qua bài bài hôm nay, chúng ta cần chú ý gì khi lựa chọn từ phù hợp câu văn ? - Dặn dò chuẩn bị bài sau.	- HS nêu - HS đọc. - HS thảo luận nhóm. - HS phát biểu. Các HS khác nhận xét. a) kì quan b) kì tích c) kì tài d) thời kì - HS lắng nghe - HS đọc - HS đặt câu vào vở - HS thực hiện - HS lắng nghe. - 2-3 HS trả lời - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT
VIẾT: VIẾT ĐOẠN VĂN TƯỞNG TƯỢNG (Tiết 1,2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:
- Viết được đoạn kết thúc khác cho một câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.
- Bước đầu xây dựng được những chi tiết thể hiện sự sáng tạo.
* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV yêu cầu HS đọc lại dàn ý đã lập ở tiết trước, trả lời câu hỏi: + Đề bài yêu cầu những gì? + Em chọn câu chuyện nào để viết đoạn văn tưởng tượng? + Em có muốn thay đổi hoặc điều chỉnh gì ở phần kết thúc ?	- 2-3 HS đọc và trả lời
- GV giới thiệu bài, ghi đầu bài.	- HS lắng nghe và ghi bài.
2. Luyện tập, thực hành:	
- GV cho HS viết đoạn kết thúc. Nhắc nhở HS viết hợp lí với câu chuyện. - GV quan sát, hỗ trợ HS.	- HS viết bài vào vở.
- Yêu cầu HS chia sẻ bài. + HS tự đọc lại bài và sửa lỗi. + Cho HS hoạt động nhóm 4, từng bạn chia sẻ bài mình, các bạn trong nhóm	- HS thực hiện.

nhận xét và sửa lỗi cho bạn . + Làm việc cả lớp: Gọi HS đọc bài trước lớp. - GV và cả lớp nhận xét. - GV khen ngợi các bài hay và đọc đáo. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nhận xét tiết học. - Yêu cầu chia sẻ với người thân về đoạn văn tưởng tượng mà em viết. - Dặn dò chuẩn bị bài sau.	 - HS lắng nghe. - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT
ĐỌC: CHUYẾN DU LỊCH THÚ VỊ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Chuyến du lịch thú vị. Biết đọc diễn cảm phù hợp với lời kể, lời đối thoại của các nhân vật trong bài.
- Hiểu nghĩa của các từ ngữ, hình ảnh miêu tả vẻ đẹp của tháp Ép-phen qua lời đối thoại của các nhân vật. Cảm nhận được thái độ trân trọng của tác giả đối với nước Pháp, với thủ đô Pa-ri. Nhận biết được ý chính của mỗi đoạn trong bài.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: Có nhu cầu học hỏi, tìm hiểu văn hoá của các quốc gia trên thế giới.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV gọi HS đọc bài *Băng tan* nối tiếp theo đoạn.	- HS đọc nối tiếp
- GV gọi HS trả lời một số câu hỏi: Vì sao có hiện tượng băng tan ?	- HS trả lời
- Em đã từng được đi tham quan hoặc du lịch ở đâu? Nêu cảm nhận của em khi được đến nơi đó.	- 2-3 HS trả lời
- GV nhận xét, giới thiệu bài mới.	- HS lắng nghe, ghi bài.
2. Hình thành kiến thức:	

a. Luyện đọc: - GV đọc mẫu toàn bài. - Bài có thể chia làm mấy đoạn?	 - HS lắng nghe, theo dõi - Bài chia làm 3 đoạn: Đoạn 1: từ đầu đến *tàu điện ngầm.* Đoạn 2: Tiếp đến *ấn tượng nhất với tháp Ép- phen.* Đoạn 3: Còn lại
- Yêu cầu HS đọc đoạn nối tiếp lần 1 kết hợp luyện đọc từ khó, câu khó *(Ép- phen, Thô-ca-đê-rô, Mi-su, Lu-vơ-rơ,,...)* - HS đọc nối tiếp đoạn lần 2 kết hợp giải nghĩa từ.	- HS đọc nối tiếp
- Hướng dẫn HS đọc ngắt giọng ở những câu dài; nhấn giọng ở những từ ngữ dùng để hỏi; từ ngữ thể hiện cảm xúc. Đứng trên quảng trường Thô-ca-đê-rô rộng lớn,/ Dương được ngắm nhìn /toàn cảnh tháp Ép-phen cao sừng sững/ trên nền trời xanh bao la. //	- HS lắng nghe - HS luyện đọc câu dài.
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm. - Gọi HS đọc giải nghĩa từ khó. *b. Tìm hiểu bài:*	- HS luyện đọc - HS đọc.
- GV hỏi và chiếu yêu cầu lên màn hình : 1. Dương được ba mẹ cho đi du lịch ở đâu? Điểm tham quan nào gây ấn tượng nhất với cậu bé?	- HS trả lời. (Dương được ba mẹ cho đi du lịch ở Pa-ri, thủ đô nước Pháp. Dương ấn tượng nhất với tháp Ép-phen. *)*
2. Qua con mắt Dương và lời kể của bà Mi-su, tháp Ép-phen đẹp như thế nào?	- HS trả lời: - Qua con mắt Dương và lời kể của bà Mi-su, tháp Ép-phen đẹp: + Tháp Ép-phen cao sừng sững trên nền trời xanh bao la. + Tháp Ép-phen được lắp đặt hệ thống gồm 20 000 ngọn đèn và 336 máy chiếu sáng, tạo nên một cảnh tượng tuyệt đẹp. Vào buổi tối, ánh sáng đèn lung linh làm nổi bật kiến

	trúc độc đáo của tháp. Đó là lí do vì sao mọi người lại gọi Pa-ri là kinh đô của ánh sáng.
3. Theo em, vì sao Dương cảm thấy Pa-ri trở nên thân thiện hơn?	- HS trả lời Dương cảm thấy Pa-ri trở nên thân thiện hơn vì có bà Mi-su.
4. Em có những hiểu biết gì về Pa-ri sau khi đọc bài "Chuyến du lịch thú vị"? - Yêu cầu thảo luận theo cặp. - Khích lệ HS trả lời theo suy nghĩ của mình.	- HS chia sẻ *(*Em có những hiểu biết về Pa-ri sau khi đọc bài "Chuyến du lịch thú vị": + Pa-ri có rất nhiều địa điểm để tham quan như bảo tàng Lu-vơ-rơ, Khải Hoàn Môn, tháp Ép-phen,.... + Đứng trên quảng trường Thô-ca-đê-rô rộng lớn có thể ngắm nhìn toàn cảnh tháp Ép-phen cao sừng sững trên nền trời xanh bao la….
- GV kết luận, khen ngợi HS **3. Luyện tập, thực hành:** - GV hướng dẫn HS luyện đọc diễn cảm - Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **4. Vận dụng, trải nghiệm:** - Gọi HS đọc yêu cầu 1,2. - Yêu cầu hoạt động nhóm 4 trả lời và chia sẻ trước lớp. 1. Dấu gạch ngang được sử dụng trong câu chuyện trên có công dụng gì? 2. Ngoài công dụng nêu ở bài tập 1, dấu gạch ngang còn có công dụng nào? Em hãy đưa ra ví dụ minh hoạ. - GV cùng HS nhận xét và sửa câu. - Nhận xét tiết học.	- HS thực hiện - HS thực hiện - HS đọc. -HS thảo luận và chia sẻ, sau đó chia sẻ trước lớp. + Đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật. + tác dụng liệt kê. HS nêu VD. - HS lắng nghe.

- Dặn dò chuẩn bị bài sau.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT
VIẾT: HƯỚNG DẪN CÁCH VIẾT THƯ

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết cách viết thư điện tử, gửi tệp (file) đính kèm.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV cho cả lớp hát bài: Bác đưa thư .	- Cả lớp hát theo nhạc.
- GV giới thiệu ghi bài	- HS lắng nghe, ghi vở.
2. Hình thành kiến thức:	
HĐ1: Đọc thư điện tử	
- GV chiếu lá thư lên bảng .	- HS quan sát
− GV mời 1 – 2 HS đọc câu hỏi a, b.	- HS đọc câu hỏi.
- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu a.	- HS lắng nghe và thực hiện.
+ Cá nhân đọc thư và thảo luận nhóm đôi, trả lời câu hỏi:	
Nội dung thư viết về điều gì?	+ Nội dung thư viết về việc chúc mừng sinh nhật cô An của bạn nhỏ tên là Minh Khôi.

Dựa vào điều để nhận biết nhanh nội dung thư ? + Đại diện nhóm trình bày kết quả trước lớp. +GV chốt đáp án. GV có thể nói thêm: Theo em, lời cảm ơn, lời chúc mừng sinh nhật,... có quan trọng không? Vì sao? Có cách nào để thể điều quan trọng ấy khi viết thư điện tử? - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu b (Trong thư, bạn nhỏ đã gửi ảnh cho có hàng cách nào?) + Hỏi: Cách bạn nhỏ gửi ảnh cho cô bằng thư điện tử thế nào ? + GV mời 2 - 3 HS trình bày kết quả. Cả lớp nhận xét, bổ sung. - GV tổng hợp ý kiến của HS, chốt câu trả lời đúng. **3. Luyện tập, thực hành:** **HĐ2 :Trao đổi với bạn về cách viết thư điện tử và gửi tệp đính kèm** Cho HS thảo luận nhóm 4 : Cách viết thư điện tử và cách gửi tệp đính kèm. - GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu theo gợi ý trong sách. – HS thảo luận nhóm sau đó trình bày kết quả trước lớp. GV và HS nhận xét. GV thống nhất ý kiến. - GV cũng chiếu lên màn hình các bước gửi tệp đính kèm được sắp xếp đúng. - GV khen một số bạn trong lớp biết trình bày rõ ràng, hiểu các bước gửi tệp đính kèm. - GV mời 2 – 3 HS đọc phần ghi nhớ. GV khuyến khích xung phong không nhìn sách mà vẫn nêu được ghi nhớ .	+ Dựa vào chủ đề của thư, chúng ta có thể nhận biết nhanh nội dung thư. - HS lắng nghe. - HS trả lời. (Rất quan trọng vì chúng thể hiện sự quan tâm, lòng biết ơn của em về những điều tốt đẹp mà người khác đã làm cho mình. Nên viết lời cảm ơn/ chúc mừng ngay trong chủ đề thư và trong phần nội dung chính của thu.) - HS lắng nghe. - HS trả lời: Bạn nhỏ gửi ảnh cho cô bằng cách đính kèm tập . - HS lắng nghe. - HS lắng nghe - HS chia sẻ - HS quan sát. - HS lắng nghe. - HS đọc.

3. Vận dụng, trải nghiệm: - HS nêu lại cách viết thư điện tử và cách gửi tệp đính kèm. - Nhận xét tiết học. - Dặn dò chuẩn bị bài sau.	 - HS thực hiện - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TIẾNG VIỆT
ĐỌC MỞ RỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Tìm đọc được sách báo để có thêm những hiểu biết về những công trình kiến trúc nổi tiếng trên thế giới.
- Viết được phiếu đọc sách theo mẫu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách
- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: **2. Luyện tập, thực hành:** - GV nêu yêu cầu của giờ học mở rộng - Tổ chức cho HS đọc và chia sẻ sách báo đã sưu tầm. - Phát phiếu đọc sách và yêu cầu HS viết phiếu - Thảo luận nhóm 4: chia sẻ với bạn về những công trình kiến trúc trong bài	 - HS lắng nghe - HS đọc - HS viết phiếu - HS chia sẻ trong nhóm và trước lớp

đọc. - Cho 2- 3 HS trình bày trước lớp. - GV động viên, khen ngợi HS **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nhận xét tiết học. - Em hãy chia sẻ với người thân về những thông tin công trình kiến trúc nổi tiếng, em đọc được từ sách báo.	 - HS lắng nghe - HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 34

Tiếng Việt

Đọc: LỄ HỘI Ở NHẬT BẢN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

*** Năng lực đặc thù:**

- Đọc đúng bài Lễ hội ở Nhật Bản, biết nhấn giọng vào những từ ngữ thể hiện thông tin quan trọng về lễ hội ở Nhật Bản, thể hiện niềm tự hào của các bạn nhỏ Nhật Bản về lễ hội trên đất nước mình.
- Biết được một số lễ hội đặc trưng của Nhật Bản (về thời gian tổ chức lễ hội, ý nghĩa của lễ hội, các hoạt động diễn ra trong lễ hội,….); thấy được vẻ đẹp của một đất nước từ sự quan tâm yêu thương của toàn xã hội dành cho thiếu nhi. Hiểu điều tác giả muốn nói qua thông tin về một số lễ hội ở Nhật Bản.

*** Năng lực chung:** năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác.

*** Phẩm chất:** Thêm yêu Lễ Hội; Yêu truyền thống văn hóa của quê hương; đam mê đọc sách báo để hiểu biết thêm về phong tục tập quán về thiên nhiên và cuộc sống tươi đẹp của các quốc gia trên thế giới.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - 2 HS đọc nối tiếp bài Chuyến du lịch thú vị và TL CH: Tháp Ép-phen đẹp thế nào qua cảm nhận của Dương và qua lời kể của	- HS lên bảng đọc và TLCH

bà Mi-su? - GV nhân xét, tuyên dương. - Gọi 1 HS đọc YC khởi động: Chia sẻ cùng bạn: Em biết gì về đất nước Nhật Bản? + GV đưa tranh ảnh và hỏi: Mỗi tranh thể hiện hình ảnh nào rất đặc trưng của đất nước Nhật Bản? Em biết đất nước Nhật Bản qua những thông tin gì? (về tên gọi, quốc kì, thiện nhiên, con người, trang phục, ẩm thực, lễ hội,….) + YC HS trao đổi trong nhóm 4 + Gọi 2-3 nhóm trình bày trước lớp. + Gv nhận xét, ghi nhận những thông tin chính xác, lí thú. - GV đưa ra một số thông tin: + Nhật Bản còn gọi là "xứ sở mặt trời mọc", "xứ sở hoa anh đào". Quốc Kỳ Nhật Bản còn được gọi là "lá cờ mặt trời", "vòng tròn mặt trời", được thiết kế đơn giản với nền trắng và một vòng tròn đỏ ở trung tâm. Màu trắng tượng trưng cho sự thuần khiết và chính trực màu đỏ tượng trưng cho sự chân thành và nhiệt tình. + Địa hình chủ yếu của Nhật Bản là đồi núi; nhiều núi lửa; ngọn núi cao nhất là Phú Sĩ cao hơn 3.776 m. Nhật Bản thường xuyên phải hứng chịu các trận động đất và sóng thần. + Người Nhật rất chăm chỉ, tập trung vào công việc, đi đúng giờ, có ý thức cộng đồng (thể hiện rõ qua những trận động đất sóng thần.) + Trang phục truyền thống của Nhật là Kimono; những món ăn truyền thống: Sushi (cơm trộn dấm kết hợp với thịt cá hải sản và các loại rau củ quả tươi); Sashimi (hải sản tươi sống); tempura (món	- Hs lắng nghe - HS quan sát, trao đổi nhóm 4 và TLCH - HS trình bày

rán hải sản.) - Giáo viên giới thiệu bài đọc Lễ hội ở Nhật Bản: Bài đọc sẽ đưa các em tới vùng đất Nhật Bản nơi có nhiều lễ hội độc đáo nhiều lễ hội rất ý nghĩa và thú vị dành cho thiếu nhi. - GV ghi bài **2. Hình thành kiến thức:** *a. Luyện đọc:*	
- GV gọi HS đọc mẫu toàn bài. - Nêu giọng đọc: ngữ điệu chung: to, rõ ràng, không cần diễn cảm.	- HS đọc
- Gọi 3 HS đọc nối tiếp từng đoạn - Hướng dẫn HS đọc: + Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai (xứ sở, quây quần, hi-si-mô-chi, nghỉ lễ,....), chú ý sửa lỗi phát âm cho HS. + Ngắt giọng ở câu dài: Trên nóc nhà,/ mỗi gia đình/ thường treo dải đèn lồng cá chép sặc sỡ,/ để thể hiện sức mạnh/ và ý chí kiên cường. + Chia bài đọc thành 3 đoạn và nêu nội dung từng đoạn: Đoạn 1: từ đầu.....xứ sở hoa anh đào (giới thiệu về lễ hội Hoa anh đào ở Nhật Bản) Đoạn 2: tiếp đến bánh hi-si-mô-chi (giới thiệu về lễ hội Búp bê ở Nhật Bản) Đoạn 3: còn lại (giới thiệu về tết Thiếu nhi ở Nhật Bản)	- HS đọc nối tiếp - HS lắng nghe
- Cho HS luyện đọc theo cặp. - Gọi các nhóm đọc bài - Gv nhận xét, tuyên dương. *b. Tìm hiểu bài:*	- HS luyện đọc
- GV HD HS đọc từ ngữ chú thích trong SGK, tìm thêm từ ngữ chưa hiểu (anh đào, mệnh danh,...) để tự tra từ điển. - GV HD HS TLCH trong SGK **Câu 1:** Ở Nhật Bản, lễ hội nào được xem	- HS trả lời - HS đọc thầm, tìm và trao đổi với

là lớn nhất, lâu đời nhất? - YC HS đọc thầm đoạn 1 và tìm câu trả lơi. - Gọi 2-3 HS phát biểu trước lớp. - Cả lớp NX, Gv chốt đáp án: + Ở Nhật Bản, Lễ hội Hoa anh đào được xem là lễ hội lớn nhất, lâu đời nhất. **Câu 2: Có những hoạt động gì trong lễ hội lớn nhất, lâu đời nhất đó?** - Gv nêu câu hỏi - YC HS làm việc cá nhân, tìm câu trả lơi, sau đó trao đổi trong nhóm đôi để thống nhất câu TL - Gọi một số HS phát biểu trước lớp. - GV NX, chốt đáp án: Trong lễ hội Hoa anh đào, người ta tổ chức rất nhiều hoat đọng: ngắm hoa, ăn liên hoan, hát hò, nhảy múa,….) **Câu 3: Lễ hội Búp bê và tết Thiếu nhi ở Nhật Bản có những điểm gì khác nhau?** - Gọi 1 HS đọc đoạn 2+3 - YC HS làm việc theo nhóm 4 bằng hình thức hỏi – đáp (2 em hỏi, 2 em trả lời) - Đại diện một số nhóm thể hiện kết quả	bạn cùng nhóm - HS nêu – Nhận xét - HS đọc thầm và TLCH - Đại diện các nhóm TL - 1 HS đọc, cả lớp đọc thầm. - HS làm việc nhóm 4; Trao đổi chung nhóm để thống nhất câu trả lời. VD 1 số câu hỏi: Lễ hội Búp bê dành cho ai? Tết thiếu nhi dành cho ai? Lễ hội Búp bê được tổ chức vào thời gian nào? Tết Thiếu nhi được tổ chức vào thời gian nào? Lễ hội Búp bê có ý nghĩa gì? Tết Thiếu nhi có ý nghĩa gì? Có hoạt động nào trong lễ hội Búp bê? Có hoạt động nào diễn ra trong tết thiếu nhi? - Các nhóm trình bày

Hỏi - đáp trước lớp. - Giáo viên khen ngợi những nhóm học sinh hỏi đáp tự nhiên; nêu chính xác sự khác biệt giữa lễ hội Búp bê và tết thiếu nhi ở Nhật Bản. - Giáo viên nhận xét và chốt câu trả lời đúng: + Lễ hội búp bê dành cho các bé gái, Tết Thiếu nhi dành cho các bé trai. + Lễ hội Búp bê được tổ chức vào ngày mùng 3 tháng 3 hàng năm; tết Thiếu nhi được tổ chức vào ngày mùng 5 tháng 5 hàng năm. + Lễ hội búp bê cầu may mắn và sức khỏe cho các bé gái; tết Thiếu nhi thể hiện ước mong về sức khỏe và sự thành công cho các bé trai. + Trong lễ hội búp bê mọi người trưng bày nhiều búp bê Hina trong căn phòng đẹp nhất của gia đình, quây quần bên nhau ăn cơm đậu đỏ và ăn bánh hi-si-mo-chi; trong tết Thiếu nhi các gia đình thường treo những giải cờ hình cá chép sặc sỡ nhiều màu sắc trên nóc nhà. **Câu 4: Trong những lễ hội được nói đến ở bài đọc, em thích nhất lễ hội nào nhất? Vì sao?** + Mời HS đọc Câu hỏi 4. + GV gợi ý: Xem lại bài đọc, hình dung từng lễ hội, suy nghĩ và nhận xét về các lễ hội: quang cảnh (hoa anh đào nở rộ; búp bê hi-na trong căn phòng đẹp; đèn lồng cá chép; những dải cờ hình cá chép sặc sỡ, nhiều màu…..); hoạt động (liên hoan, hát hò, nhảy múa; quay quần bên nhau, ăn cơm, ăn bánh, treo đèn lồng,….); ý nghĩa (giải thích lí do Nhận Bản được mệnh danh là xứ sở hoa anh đào; cầu may mắn	- HS đọc thầm câu hỏi theo, suy nghĩ và trả lời theo cảm nhận của mình.

và sức khỏe cho các bé gái, thể hiện sức mạnh và ý chí kiên cường của các bé trai, ….) + Gọi một số HS trình bày ý kiến.	- HS chia sẻ trước lớp: Thích nhất lễ hội Búp bế vì lễ hội này thể hiện sự quan tâm, yên thương tới các bé gái; Trong lễ hội có nhiều búp bê đẹp. Lễ hội rất vui: mọi người quay quần bên nhau cùng ăn cơm đậu đỏ, bánh hi-si-mô-chi,…
- GV và cả lớp nhận xét, góp ý, khen ngợi sự sáng tạo. **Câu 5: Ở VN có những ngày lễ, ngày tết nào dành cho trẻ em? Em hãy kể một số hoạt động được trẻ em yêu thích trong ngày lễ, tết đó?** - 2 HS đọc câu hỏi 5 - YC HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trao đổi trong nhóm 4 để thống nhất câu TL. - Đại diện 2-3 nhóm chia sẻ trước lớp.	- Hs đọc câu hỏi - HS thảo luận nhóm 4 - Đại diện các nhóm trình bày: Ở Việt Nam có tết thiếu nhi (mùng 01 tháng 06); Có Tết Trung thu (rằm tháng 8) dành cho trẻ em. Trong ngày lễ ngày tết đó có một số hoạt động được trẻ em yêu thích: được người lớn tặng quà; đi chơi công viên; phá cỗ trông trăng; xem và biểu diễn văn nghệ; tặng quà các bạn có hoàn cảnh đặc biệt.
- GV nhận xét, tuyên dương. **3. Luyện tập, thực hành:** - GV cho HS đọc nối tiếp 3 đoạn trước lớp. - GV cho HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương. **4. Vận dụng, trải nghiệm:** - Qua bài đọc, em cảm nhận được điều gì? - Nhận xét tiết học.	- HS đọc nối tiếp - HS luyện đọc theo cặp. - HS trả lời.

- Dặn HS về nhà chuẩn bị bài sau.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Luyện từ và câu: LUYỆN TẬP VỀ DẤU CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Luyện tập sử dụng các dấu câu đã học theo công dụng, cụ thể: dấu gạch ngang để đánh dấu các ý liệt kê và nối từ ngữ trong một liên danh; dấu ngoặc kép để đánh dấu lên tác phẩm hoặc tài liệu; dấu ngoặc đơn để đánh dấu phần chú thích.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu học tập
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	
- GV hỏi: Hãy nêu các dấu câu đã học?	- 2-3 HS trả lời
- Nhận xét, tuyên dương.	
- Giới thiệu bài – ghi bài: Hôm nay chúng mình sẽ cùng nhau đi ôn lại các dấu câu đã học.	- HS lắng nghe, ghi bài vào vở.
2. Luyện tập, thực hành:	
Bài tập 1:	
- Giáo viên trình chiếu bài tập và gọi một học sinh đọc bài tập nêu yêu cầu của bài tập	- Nêu yêu cầu của bài tập
- Đặt câu hỏi "biên giới" (nêu trong đoạn văn) thể hiện quan hệ gắn kết giữa hai nước nào? Thắng cảnh độc đáo của Lào được kể ra gồm những gì?	- Trả lời câu hỏi theo hiểu biết cá nhận - Học sinh làm việc cá nhân sau đó trao đổi nhóm đôi và thống nhất kết quả
- Gọi đại diện 2 - 3 nhóm học sinh trình	- Đại diện 2 đến 3 nhóm học sinh

bày kết quả trước lớp - Giáo viên có thể nhận xét và chốt đáp án: Dấu câu thay thế cho bông hoa là dấu gạch ngang. Dấu gạch ngang ở đây có hai công dụng: + Nối các từ ngữ trong một liên danh (Việt – Lào) + Đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê Liệt kê những thắng cảnh ở nước Lào.	trình bày kết quả trước lớp
Bài tập 2: Đoạn văn đã bị lược bỏ dấu ngoặc kép và dấu ngoặc đơn hãy cho biết những dấu câu đó được đặt ở đâu? - Gọi một học sinh đọc bài tập, nêu yêu cầu của bài tập - Giáo viên phát phiếu bài tập cho các nhóm - Giáo viên có thể gợi ý: tìm trong các đoạn văn tên các tác phẩm, phần chú thích, thuyết minh về năm sinh năm mất của tác giả năm ra đời của tác phẩm; nhớ lại yêu cầu khi đánh dấu tên tác phẩm ở phần chú thích - Cả lớp và giáo viên nhận xét và chốt đáp án: a/ “Nàng Bạch Tuyết và bảy chú lùn” là phim hoạt hình nổi tiếng của Oan Đi-xni. Phim được chuyển thể từ câu chuyện “Nàng Bạch Tuyết” trong tập “Truyện cổ Grim”. b/ Trần Văn Cẩn (1910-1994) là họa sĩ tài năng bậc nhất Việt Nam. Ông sáng tác bức tranh “Em Thúy” (1943) dựa trên nguyên mẫu là cô cháu gái đáng yêu của mình. Bức tranh đã được chuyên gia người Ô-xtray-li-a phục chế năm 2004.	- Một học sinh đọc và Nêu yêu cầu của bài tập - Học sinh làm việc nhóm 4 để thống nhất kết quả vào phiếu bài tập. - Đại diện 2 đến 3 nhóm học sinh trình bày phiếu bài tập trước lớp.
Bài tập 3 - Giáo viên gọi hai học sinh đọc và nêu yêu cầu của bài tập	- Đọc yêu cầu của bài tập

- Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm 4 - Gọi đại diện 2 - 3 nhóm học sinh trình bày kết quả đã làm lớp - Nhận xét chọn ra câu đúng và hay nhất giáo viên nhận xét và ghi những câu sử dụng dấu câu đúng nhất và yêu cầu. VD: Dấu gạch ngang: Cô của mình dã đi du lịch nhiều nước trên thế giới: - Hà Lan, nơi có những chiếc cối xay gió độc đáo. - Đan Mạch, quê hương của An-đéc-xen - Cam-pu-chia, đất nước có đền Ăng-co Vát cổ kính,… Dấu ngoặc kép: Hồi học lớp 3, em rất thích bài thơ "Một mái nhà chung" và câu chuyện "bác sĩ Y-éc-xanh". Đến bây giờ, mình vẫn nhớ nội dung của bài thơ, câu chuyện ấy. Dấu ngoặc đơn: Đến Hàn Quốc, ai cũng muốn thưởng thức món Kim-páp (cơm cuộn rong biển) nổi tiếng. **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Em hãy chia sẻ với người thân về những kiến thức em học được trong giờ học - Nhận xét, tuyên dương những HS tích cực. Dặn HS chuẩn bị bài sau.	- Làm việc theo nhóm 4 - Đại diện các nhóm trình bày - HS lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT THƯ CHO MỘT NGƯỜI BẠN Ở XA MÀ ĐÃ LÂU EM CHƯA GẶP

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết thực hành viết thư điện tử trong tình huống cụ thể.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.
* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Cho cả lớp hát. - GV nêu yêu cầu của tiết học, ghi đầu bài. **2. HĐ khám phá** **HĐ1. Chuẩn bị** - Giáo viên mời một đến hai học sinh nhắc lại cách viết thư điện tử (đã nêu trong hoạt động viết ở bài 28) - Học sinh làm việc cá nhân để thực hiện các công việc sau + Xác định chủ đề của thư + Xác định nội dung thư: thăm hỏi bạn sức khỏe của bạn, học tập của bạn, kể chuyện của mình, sức khỏe của bản thân gia đình, những thay đổi của bản thân và gia đình. Nêu mong muốn hoặc chia sẻ những dự định sắp tới, mong được gặp lại bạn, sẽ có chuyến đến tham gia đình bạn. Tham gia câu lạc bộ tiếng Anh + Thêm tệp đính kèm: tranh ảnh video… - YC HS trao đổi nhóm đôi, góp ý cho nhau về kết quả chuẩn bị ở trên **HĐ 2. Viết** - YC Học sinh viết thư vào vở theo nội dung đã chuẩn bị. Nếu soạn thư trên máy tính cần sử dụng các biểu tượng cảm xúc hoặc đính kèm các tệp ảnh video về bản thân bạn bè trường học gia đình hay quê hương của mình - Giáo viên nhắc học sinh sử dụng các từ	- HS hát - Nhắc lại cách viết thư điện tử (đã nêu trong hoạt động viết ở bài 28 - Làm việc cá nhân thực hiện các yêu cầu của giáo viên - Học sinh thực hiện theo YC - Viết thư vào vở như đã chuẩn bị

ngữ như: vô cùng cảm ơn, Cảm ơn vì, biết ơn vì, không thể nào quên, chẳng thể nào để thể hiện tình cảm cảm xúc đối với người nhận thư. - Giáo viên quan sát học sinh hỗ trợ những em còn hạn chế gì kỹ năng viết - Giáo viên xem qua bài của học sinh khi các em đang làm bài chọn các bài hay để đọc trước lớp những bài chưa tốt thì trao đổi góp ý hướng dẫn riêng cho từng em. **HĐ 3. Đọc soát và chỉnh sửa** - Giáo viên hướng dẫn học sinh đọc lại bài viết để phát hiện lỗi - Giáo viên hướng dẫn học sinh chỉnh sửa lỗi trước khi nộp bài viết: dùng bút chì sửa lỗi trực tiếp vào bài viết (ví dụ lỗi từ ngữ, lỗi viết câu, lỗi chính tả. Có thể viết lại lời cảm ơn sao cho hay và chân thành hoặc thay đổi thông tin đính kèm bằng cách gửi thêm tệp…Ghi vào sổ tay một số lỗi và dự kiến cách sửa lỗi **HĐ4. Nghe thầy cô nhận xét và chỉnh sửa bài làm theo hướng dẫn** - GV nhận xét chung về bài viết. **3. Vận dụng – trải nghiệm** - GV HD học sinh thực hiện yêu cầu ở hoạt động vận dụng: Trao đổi với người thân về nội dung thư điện tử mà em và Lắng nghe sự góp ý của người thân về nội dung mà em đã viết. - Giáo viên yêu cầu học sinh nhắc lại nội	- Học sinh đọc lại bài tự chỉnh sửa lỗi nếu có theo các gợi ý các phần của thư. - Hs đọc lại bài viết của mình và lời nhận xét của GV; tìm ra ưu điểm, nhược điểm của thư điện tử mình đã viết. + Trao đổi nhóm đôi về ưu điểm, nhược điểm trong thư điện tử của mình + Chỉnh là bài làm theo hướng dẫn - Hs lắng nghe và thực hiện

dung chính của bài 29 - Giáo viên hỏi học sinh thấy yêu thích nhất nội dung nào ở bài 29 - Giáo viên tóm tắt lại nội dung bài học nhận xét kết quả học tập của các em - Khen ngợi động viên các em học tập tích cực dặn trước các em đọc trước bài 30	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Đọc: NGÀY HỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Đọc đúng và diễn cảm bài thơ Ngày Hội; giọng đọc hào hứng, vui tươi, biết nhấn giọng ở những chỗ thể hiện cảm xúc, biết ngắt nghỉ hơi ở chỗ ngắt nhịp thơ và giữa các dòng thơ.
- Nhận biết và hiểu được các hình ảnh thơ, hiểu được nội dung và thông điệp tác giả muốn nói qua bài thơ.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm. Có ý thức chung tay bảo vệ môi trường và xây dựng thế giới hòa bình

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi
- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV gọi HS chia sẻ điều các em thích ở bài Lễ hội ở Nhật Bản. - GV cho Hs quan sát tranh minh họa bài đọc và cho biết bức tranh vẽ gì?	 - HS chia sẻ - HS quan sát và trả lời (tranh vẽ các bạn nam, nữ thiếu nhi có các màu da khác nhau đang tung những

	chú bồ câu trắng lên bầu trời)
- H: Hình ảnh bồ câu trắn trong bức tranh có ý nghĩa gì? H: hình ảnh bồ câu trắng thường thấy ở đâu?	- HS TL theo hiểu biết (Chim bồ câu trắn được coi là biểu tượng của hòa bình, yên vui và hạnh phúc.)
- GV và HS nhận xét, góp ý.	
- GV giới thiệu bài mới: Ngày thiếu nhi khắp thế giới tụ họp tại trại hè thế giới để vui chơi, cùng nhau tung những chú chim bồ câu trắn lên bầu trời để bày tỏ tình đoàn kết và mong ước hòa bình cho thế giới. Chung ta hãy cùng đọc để hiểu và cảm nhận cái đẹp của bài thơ và khát vọng hòa bình lớn lao đó nhé.	- HS lắng nghe
- Ghi tên bài	
2. Hình thành kiến thức:	
a. Luyện đọc:	
- GV đọc mẫu toàn bài. Nêu giọng đọc: đọc rõ ràng, diễn cảm, hào hứng, vui tươi	- HS lắng nghe, theo dõi
*** HD HS đọc:**	
+ Đọc đúng các từ ngữ chứa tiếng dễ phát âm sai: tung lên, nào, lời nhắn, tiếng nói, niềm tin, ánh nắng,....	- HS lắng nghe
+ Nhấn giọng ở những từ ngữ/ câu thơ thể hiện cảm xúc.	
- 5 HS đọc nối tiếp đoạn trước lớp	- 5 HS đọc
- Cho HS luyện đọc theo cặp, theo nhóm.	- HS luyện đọc
- GV gọi 1 HS lên chia sẻ phần luyện đọc	- Hs lên chia sẻ
- GV nhận xét, tuyên dương.	
b. Tìm hiểu bài:	
- GV HD HS đọc chú giải từ ngữ trong SGK và tìm thêm những từ chưa hiểu, HD HS tra từ điển.	
- GV HD HS TLCH trong SGK:	- 1-2 HS đọc YC, cả lớp đọc thầm theo.
Câu 1: Ở khổ thơ đâu, trại hè thiếu nhi thé giới được giới thiệu bằng hình ảnh nào? Hình ảnh đó có ý nghĩa gì?	- Đại diện một số nhóm trình bày

- YC HS TL nhóm đôi để trả lời câu hỏi - Đại diện một số nhóm báo cáo kết quả. - GV và HS nhận xét, góp ý và thống nhất câu TL: Trại hè thế giới được giới thiệu bằng hình ảnh "trăm sông dồn biển", có nghĩa là: trại hè này có rất nhiều bạn nhỏ từ khắp nơi trên thế giới đến tham dự. Trại hè như hình ảnh thế giới thu nhỏ lại. **Câu 2:** Nêu những đặc điểm khác nhau của các bạn dự trại hè thiếu nhi trên thế giới? - GV nêu câu hỏi - YC HS làm việc cá nhân để TLCH - 3-4 HS báo cáo kết quả. - GV và cả lớp nhận xét, bổ sung. - Chốt đáp án: Khác nhau về địa lí: Họ đến từ những vùng đất khác nhau như Trung Quốc, châu Mỹ, châu Âu (gần sông Đa-nuýp) và Việt Nam; Khác nhau về màu da: da đen, da vàng, da đỏ; Khác nhau về tiếng nói: mỗi người nói một thứ tiếng khác nhau. **Câu 3:** Đoán xem các bạn thiếu nhi ở trại hè đã gửi lời nhắn, lời chúc gì tới bồ câu trắng? - Gọi 1 HS đọc câu hỏi. - YC HS suy nghĩ cá nhân rồi thống nhất với bạn cùng bàn. - Gọi 1 số HS trả lời trước lớp - GV và cả lớp nhận xét, thống nhất câu trả lời: Mong ước, lời chúc và niềm tin về một thế giới hòa bình, yên vui, ngập tràn hạnh phúc. **Câu 4:** Bầu trời được miêu tả như thế nào ở khổ thơ cuối? - Gọi 1 HS đọc khổ thơ cuối - Gọi 2-3 HS trả lời	- HS lắng nghe. - HS nối tiếp nêu - HS đọc, lớp đọc thầm theo - HS trao đổi trong nhóm - HS TL theo ý kiến riêng. - HS đọc, cả lớp đọc thầm theo - HS trả lời: Bầu trời rộng lớn, trong xanh, đầy ánh nắng và rất

	nhiều bồ câu trắng được tung lên mang theo những ước mong của các bạn thiếu nhi trên thế giới về một thế giới yên bình.
- GV và HS nhận xét, thống nhất đáp án. - GV tuyên dương HS. **Câu 5:** Nếu em được tham gia trại hè, em sẽ nói những gì về đất nước Việt Nam với các bạn? - GV nêu câu hỏi - Gọi HS trả lời theo ý kiến riêng	- HS trả lời: có thể nói về cảnh đẹp đất nước, về con người, về văn hóa –lịch sử Việt Nam,…..
- GV nhận xét, tuyên dương HS **3. Luyện tập, thực hành:** - GV hướng dẫn HS luyện học thuộc lòng bài thơ.	- HS thực hiện
- Yêu cầu HS luyện đọc theo nhóm, HS thi đọc thuộc lòng bài thơ. - GV cùng HS nhận xét, đánh giá. **4. Luyện tập theo văn bản đọc:** **Câu 1:** - Gọi HS đọc YC trong SGK. - Cho HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện yêu cầu của bài tập.	- HS thực hiện - HS đọc YC, lớp đọc thầm - HS thảo luận nhóm 4.
- Đại diện một số nhóm trình bày trước lớp. - GV nhận xét, bổ sung và thống nhất đáp án. **Câu 2:** - Gọi Hs đọc YC - YC HS tìm câu thơ có sử dụng BPNH trong bài. - Gọi HS TL	- Hs trình bày: Tính từ chỉ màu sắc trong bài thơ: xanh, trắng, đen, vàng, đỏ. - Hs đọc YC - HSTL: câu thơ có sử dụng BPNH: Một lời nhắn với chim
H: Tác dụng của BPNH trong câu thơ đó là gì?	- Ở đây bồ câu được nhân hóa để tiếp nhận lời nhắn của các bạn

	thiếu nhi. Phép nhân hóa này giúp cho câu thơ trở nên sinh động, chim bồ câu như người bạn gần gũi, thân thiết của con người.
- Gv nhận xét, tuyên dương. **5. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nêu nội dung của bài tập đọc? - Nhận xét tiết học, dặn HS về chuẩn bị bài.	 - HS nêu.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Viết: VIẾT GIẤY MỜI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết viết giấy mời theo mẫu

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - GV giới thiệu ghi bài	 - HS lắng nghe
2. Luyện tập, thực hành: **HĐ1. Đọc giấy mời và tìm thông tin ứng với các mục nêu ở bên**	
- Giáo viên trình chiếu giấy mời trên màn hình và gọi một học sinh đọc bài tập	- Học sinh đọc toàn bộ giấy mời
- Yêu cầu học sinh làm việc nhóm, phát phiếu học tập cho 4 nhóm để học sinh điền nội dung trả lời vào phiếu	- Học sinh làm việc nhóm 4, điền vào phiếu học tập nội dung trả lời về thông tin ứng với các mục đã nêu trong sách
- Gọi đại diện 2 đến 3 nhóm trình bày giáo viên nhận xét và chốt đáp án:	- Đại diện 2 đến 3 nhóm trình bày

+ Tiêu đề giấy mời: Giấy mời tham dự buổi thi Kể chuyện sáng tạo + Người mời: Vũ Mạnh Hoàn, lớp trưởng lớp 4A. + Người được mời: Ngô minh Loan, lớp trưởng lớp 4B. + Sự kiện mời: buổi thi kể chuyến sáng tạo. + Thời gian tổ chức sự kiện: 15 giờ 30 phút, thứ Năm, ngày 11 háng 4 năm 2024. + Địa điểm tổ chức: Phòng học lớp 4A. + Mong muốn và đề nghị: Rất vui được đón tiếp!	- Lắng nghe nhận xét của giáo viên
HĐ2. Viết giấy mời để mời một bạn lớp bên tới dự buổi thi hùng biện tiếng Việt cho lớp em tổ chức - Một học sinh nêu yêu cầu bài tập - Giáo viên lưu ý học sinh + Sự kiện mời: buổi thi hùng biện tiếng Việt + Xem lại cách viết của một giấy mời và những gợi ý ở bài tập 1 + Chọn cách trang trí giấy mời sao cho đẹp mắt nêu mong muốn và đề nghị cho phù hợp với sự kiện. + Viết giấy mời (có thể viết vào giấy giáo viên quan sát và giúp đỡ những học sinh gặp khó khăn	- 1 học sinh đọc yêu cầu của bài tập - Viết giấy mời vào vở
HĐ3. Trao đổi và nhận xét - Học sinh nhóm 4 hoặc 6 trao đổi giấy mời để góp ý cho nhau. **HĐ 4: Nghe thầy cô nhận xét và chỉnh sửa giấy mời theo hướng dẫn**. - Gọi HS trình bày - Giáo viên và cả lớp nhận xét đánh giá bình chọn giấy mời đúng với thể thức có	- 4-5 học sinh đại diện nhóm trình bày giấy mời trước lớp học

ý tưởng trình bày độc đáo sáng tạo học sinh chỉnh sửa giấy mời theo góp ý của nhóm và nhận xét của thầy cô - Giáo viên đánh giá chung với câu hỏi hoạt động viết; khen ngợi những bạn viết tốt, cách trình bày giấy mời độc đáo, sáng tạo; chốt lại những điều học sinh cần lưu ý **3. Vận dụng, trải nghiệm:** - Nhận xét tiết học, dặn HS chuẩn bị bài sau.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

Tiếng Việt

Nói và nghe: CHÚNG EM SÁNG TẠO

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Biết kể lại một việc đã tham gia góp phần giữ môi trường sống xanh, sạch, đẹp.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, tự học, tự giải quyết vấn đề và sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi, phiếu đọc sách

- HS: sách, báo sưu tầm có nội dung về khoa học công nghệ.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: - Cho Hs hát - GV giới thiệu bài học, ghi tên bài - GV nêu mục tiêu tiết học. **2. Luyện tập, thực hành:** **HĐ 1: Chuẩn bị** - 1-2 HS đọc YC - GV HD HS đọc kĩ một số gợi ý trong SGK.	 - Hs hát - HS đọc YC - HS thực hiện theo HS của GV

HĐ 2: Nói - Giáo viên hướng dẫn thực hiện làm việc nhóm: Từng học sinh kể lại việc mình đã tham gia góp phần giữ môi trường sống xanh sạch đẹp trong nhóm theo ý đã chuẩn bị - Giáo viên quan sát và lưu ý học sinh nói to rõ ràng có được bộ cử chỉ thân thiện	- Hs làm việc nhóm
- Làm việc cả lớp: 2 đến 3 học sinh trình bày trước lớp cả lớp và - Giáo viên góp ý giáo viên khen ngợi học sinh kẻ tốt thể hiện cảm xúc chân thực điệu bộ cử chỉ thân thiện	- Hs trình bày - HS nhận xét, bổ sung (có thể nhận xét về cách nói, cử chỉ, điệu bộ của bạn)
HĐ 3: Trao đổi góp ý - GV gọi Hs nhận xét sau khi nghe bạn giới thiệu. - Gv nhận xét, tuyên dương	- HS nêu câu hỏi để hiểu rõ hơn điều bạn kể.
HĐ 4: Ghi chép: - GV HD HS ghi lại những việc em và các bạn đã làm để giữ cho môi trường xanh, sạch, đẹp	- HS thực hiện theo YC
3. Vận dụng, trải nghiệm: - YC HS về nhà: Em hãy chia sẻ với người thân về những việc em đã làm để bảo vệ môi trường. - GV nhận xét buổi học. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực. - Dặn HS churaanr bị cho tuần ôn tập.	- HS thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY (nếu có):

.....

.....

.....

TUẦN 35

TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP TIẾT 1 + 2

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn tập các chủ điểm đã học, ôn về chủ ngữ và vị ngữ trong câu.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	- HS hát tập thể bài hát "Bài học đầu tiên".
- Giới thiệu bài - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành	
Bài 1. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
+ Yêu cầu HS nói trong nhóm đôi	- HS thực hiện - Đại diện nhóm báo cáo
a. Dòng chữ trên mỗi cánh buồm cho biết điều gì?	- Mỗi cánh buồm trong tranh ghi lại tên của từng chủ điểm trong SHS Tiếng Việt 4

b. Theo em, cần ghi những gì vào cánh buồm số 6, 7, 8?	- Dòng chữ trên 3 cảnh buồm phía xa lần lượt là: (6) Uống nước nhớ nguồn, (7) Quê hương trong tôi, (8) Vì một thế giới bình yên.
c. Hình ảnh những chiếc thuyền đi từ sông ra biển có ý nghĩa như thế nào? Chọn một phương án hoặc đưa ra ý kiến của em.	- HS chọn 1 phương án và giải thích.
	- HS nhận xét, bổ sung.
=> *Chốt:* Các chủ điểm mang đến cho chúng ra những thông điệp riêng và những cánh buồm này đang đi từ sông ra biển, hành trình học tập cho chúng ta những hiểu biết càng ngày càng rộng hơn, giúp ta trưởng thành hơn…	- HS lắng nghe.
Bài 2. Tìm nội dung tương ứng với tên bài đọc	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
+ Thảo luận nhóm 4: Mỗi HS chọn 1 tên bài, ghép với nội dung của bài + Cả nhóm nhận xét và góp ý.	- HS thực hiện. - Đại diện nhóm báo cáo Đáp án: 1 - b; 2 - a; 3 - e; 4 - c; 5 - d; 6 - h ; 7 - g
	- HS nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chốt đáp án và tuyên dương HS	
Bài 3. Đọc lại một bài em yêu thích (đọc thuộc lòng một bài thơ)	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

- HS làm việc theo nhóm, mỗi HS chọn 1 bài trong SHS (tập một hoặc tập hai), sau đó đọc lại cho cả nhóm nghe (Nếu là thơ thì cần đọc thuộc lòng). - GV mời đại diện một số nhóm đọc bài trước lớp. GV và cả lớp nhận xét, góp ý.	- HS thực hiện.
- GV nhận xét, tuyên dương HS	
Bài 4. Trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
+ GV giới thiệu luật chơi: Lớp có 6 nhóm tham gia chơi, mỗi nhóm 4 người. Cả 3 vòng chơi. Sẽ có đấu loại qua các vòng để tìm ra 1 đội trao giải nhất.	- HS theo dõi, thực hiện.
- Vòng 1. GHÉP CHỦ NGỮ VỚI VỊ NGỮ THÍCH HỢP + GV làm sẵn 6 thẻ giấy, ghi các từ ngữ. Các nhóm ghép các thẻ giấy với nhau. 3 nhóm ghép nhanh và đúng nhất sẽ được vào vòng 2.	- Các nhóm ghép các thẻ giấy với nhau Đáp án: Cây bàng trước ngõ đang nảy những chồi non; Những đám mây trắng nhởn nhơ bay trên bầu trời; Đàn bướm vàng lượn trên những bông hoa.
- Vòng 2. ĐI TÌM VỊ NGỮ + GV cho HS viết lên bảng, 2 nhóm viết câu hợp lí và nhanh nhất sẽ được vào vòng 3.	- HS thực hiện. - Gợi ý đáp án: 1. Tô Hoài là nhà văn chuyên viết cho thiếu nhi. 2. Những câu chuyện ông viết thường là về thế giới loài vật ngộ nghĩnh, đáng yêu 3. Truyện mà tớ thích đọc nhất là truyện Dế Mèn phiêu lưu kí.
- Vòng 3, ĐI TÌM CHỦ NGỮ	- Đáp án gợi ý.

+ Còn lại 2 nhóm thi với nhau, hình thức tổ chức giống với vòng 2.	1. Cây phượng thường nở hoa vào mùa hè. 2. Những cánh hoa phượng có màu đỏ rực rỡ, rập rờn như cánh bướm. 3. Học trò chúng em thường nhặt những cánh hoa, ép vào trang sổ.
– GV biểu dương và trao giải cho đội nhất.	
– GV chốt lại bài học: Câu có 2 thành phần chính chủ ngữ và vị ngữ. Hai thành phần này phải phù hợp với nhau về nghĩa.	- HS lắng nghe.
Bài 5. Giải ô chữ: Tiếng Việt lí thú – GV cho cả lớp làm chung, mỗi câu hỏi lại dành cho I HS xung phong trả lời. - GV nhận xét và thống nhất đáp án.	a) Ô chữ hàng ngang: 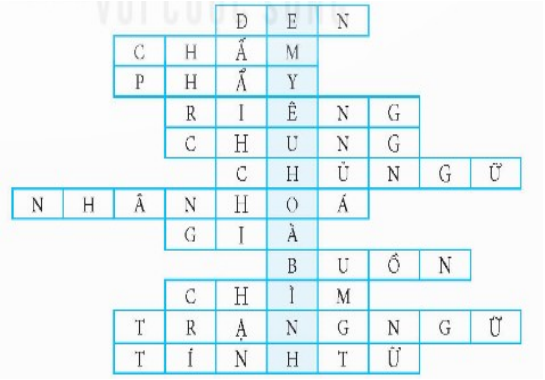 b) Ô chữ hàng dọc: Em yêu hoà bình
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Trong các chủ điểm đã học, em thích nhất chủ điểm nào nhất? Ý nghĩa của chủ điểm đó là gì?	- HS nêu.
- Qua tiết học này em cảm nhận được điều gì?	- HS tự nêu cảm nhận.

- GV nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP TIẾT 3 + 4

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Luyện chính tả nghe viết, ôn các dấu câu, trạng ngữ, viết câu có sử dụng biện pháp nhân hoá.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Trò chơi "GHÉP CHỦ NGỮ VỚI VỊ NGỮ THÍCH HỢP"	- HS viết bảng con.
- Nhận xét, tuyên dương.	
- Giới thiệu bài - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành	

Bài 1. Nghe – viết	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
- GV đọc 1 lần đoạn văn sẽ viết chính tả cho HS nghe. + Những chữ nào cần viết hoa. + Những tiếng khó hoặc những tiếng dễ viết sai do ảnh hưởng của cách phát âm địa phương.	- HS thực hiện – HS đọc thêm lại toàn đoạn và trả lời
- GV đọc từng câu/ cụm từ cho HS viết vào vở.	- HS viết vào vở.
- GV đọc lại đoạn văn cho HS soát lại bài viết. Sau đó, HS đổi vở cho nhau (theo cặp) để soát lỗi, nhận xét, góp ý	- HS thực hiện soát lỗi
– GV chữa một số bài viết cụ thể và nhắc lại các quy tắc viết hoa. VD: Tô Hoài, Nguyễn Sen cần viết hoa vì đây là tên riêng...	- HS theo dõi
=> Chốt: quy tắc viết hoa	- HS nêu
Bài 2. Tìm công dụng của mỗi dấu câu	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
+ Thảo luận nhóm 4: tìm câu trả lời + Cả nhóm nhận xét và góp ý.	- HS thực hiện. - Đại diện nhóm báo cáo - HS nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, chốt đáp án và tuyên dương HS	Đáp án: + Dấu gạch ngang: Đặt ở đầu dòng để đánh dấu các ý liệt kê. + Dầu hai chấm: Bảo hiệu phần giải

	thích, liệt kê. + Dầu ngoại kép: Đánh dấu tên một tác phẩm, tài liệu + Dấu ngoặc đơn: Đánh dấu phần chú thích
Bài 3. Chọn *dấu ngoặc kép, dấu hai chấm* hoặc *dấu gạch ngang* thay cho bông hoa trong đoạn văn	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
- HS làm việc theo nhóm, HS suy nghĩ, trao đổi tìm đáp án. - GV mời đại diện một số nhóm trả lời.	- HS thực hiện.
- GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án	*Trong cuốn sách "Những bức thư giải Nhất Việt Nam, có nhiều bức thư xúc động về những chủ đề khác nhau như:* *- Thư gửi cho một người bạn để bạn hiểu về đất nước mình* *- Thư gửi cho một người mà tôi ngưỡng mộ nhất* *- Thư gửi cho một bạn nhỏ không nhà.*
- GV nhận xét, tuyên dương HS	
Bài 4. Thêm trạng ngữ để bổ sung ý nghĩa về thời gian, địa điểm hoặc mục đích, nguyên nhân... cho các câu	
- HS làm việc theo nhóm, Nhóm trưởng phân chia các bạn mỗi người làm một câu. - GV mời đại diện một số nhóm trả lời.	- HS thực hiện. + Các thành viên trong nhóm suy nghĩ (nên viết ra giấy), đọc câu của mình cho cả nhóm nghe. Đọc xong, xác định luôn trạng ngữ đó là loại

	trạng ngữ gì. + Cả nhóm cùng nhận xét, góp ý.
- GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án	Gợi ý đáp án: + *Để giải trí, tối qua,* chúng tôi đi xem phim "Vua sư tử" (Trạng ngữ chỉ mục đích + thời gian) + *Bên thềm nhà*, mèo con đang nằm sưởi nắng (trạng ngữ chỉ địa điểm) + *Buổi sáng*, Nam nghe thấy tiếng chim hót ríu ran. (Trạng ngữ chỉ thời gian)
- GV nhận xét, tuyên dương HS	
Bài 5. Dựa vào bài thơ "Giọt sương", viết 3–5 câu, trong đó có sử dụng biện pháp nhân hoá	
- Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
- GV hướng dẫn HS làm bài thông qua một vài VD mẫu, chẳng hạn: Ban đêm, những giọt sương xinh đẹp, long lanh ngủ trên phiến lá, …	- HS theo dõi – Hs tự viết bài
- GV chọn một vài bài để cho HS chia sẻ và góp ý	- HS thực hiện.
- GV nhận xét, tuyên dương HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Em thích nhất câu văn nào có sử dụng biện pháp nhân hoá của các bạn đã đọc?	- HS nêu.
- Qua tiết học này em cảm nhận được điều gì?	- HS tự nêu cảm nhận.

- GV nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP TIẾT 5

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Ôn luyện cách viết bài văn tả cây.

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu: + Thi đọc câu có sử dụng biện pháp nhân hoá.	- HS đọc theo dãy.
- Nhận xét, tuyên dương.	
- Giới thiệu bài - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành	
Bài 1. Trao đổi với bạn về loài cây em yêu thích	

+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
- HS làm việc nhóm, nói cho nhau nghe.	- HS thực hiện - Một số HS trình bày trước lớp.
- GV và HS cùng nhận xét, góp ý.	- HS thực hiện
=> Chốt: phát triển vốn từ và khả năng diễn đạt theo một chủ đề cho sẵn. Đây cũng là phần chuẩn bị cho bài 2, HS viết bài văn tả về một loài cây.	- HS nêu
Bài 2. Viết bài văn tả loài cây có nhiều ở địa phương em	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
+ HS làm việc cá nhân: viết bài (dựa trên phần luyện nói ở bài tập 1)	- HS thực hiện.
Bài 3. Trao đổi bài làm với bạn để góp ý và chỉnh sửa bài cho nhau.	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
+ Trao đổi bài nhóm đôi. - GV mời một số HS đọc bài	- HS thực hiện trao đổi bài nhóm đôi, nhận xét và góp ý, chỉnh sửa bài cho nhau.
- GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án	- Một số HS đọc một số bài trước lớp
- GV nhận xét, tuyên dương HS	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
+ Em thích nhất bài văn nào của các bạn đã đọc? Vì sao em thích?	- HS nêu.
- Qua tiết học này em cảm nhận được điều gì?	- HS tự nêu cảm nhận.
- GV nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....

TIẾNG VIỆT

ÔN TẬP TIẾT 6 + 7

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT

* Năng lực đặc thù:

- Kiểm tra đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi (câu hỏi trả lời miệng).

– Kiểm tra đọc hiểu (đọc một bài và trả lời câu hỏi bằng hình thức viết).

- Viết một đoạn văn hoặc bài văn theo yêu cầu nêu trong Chương trình Tiếng Việt lớp 4

* Năng lực chung: năng lực ngôn ngữ, giao tiếp và hợp tác, giải quyết vấn đề sáng tạo.

* Phẩm chất: chăm chỉ, trách nhiệm.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

- GV: máy tính, ti vi

- HS: sgk, vở ghi

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. Mở đầu:	- HS hát theo nhạc bài "Vườn cây của ba"
+ Nêu tên loại cây mà em thích nhất.	- HS nêu.
- Nhận xét, tuyên dương.	

- Giới thiệu bài - ghi bài.	
2. Luyện tập, thực hành	
A. ĐỌC **Bài 1.** Đọc thành tiếng và trả lời câu hỏi	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
- GV hướng dẫn cách thực hiện hoạt động kiểm tra đọc thành tiếng bài Chiếu thu quê em, nghe GV giới thiệu sơ lược bài đọc và giải thích một số từ ngữ khó (nếu HS không hiểu).	- HS nghe - HS thực hiện - Một số HS trình bày trước lớp.
– Yêu cầu HS đọc bài và trả lời câu hỏi	+ Câu a. Kể còn 5 sự vật được miêu tả trong bài thơ. (nắng, chuồn kim, hoa chuối, con chim, dòng sống, nước, con bò, cảnh điều, lúa, dừa....) + Câu b. Tìm trong bài 2 câu thơ có sử dụng biện pháp nhân hoá (Chọn 2 câu trong những câu sau: Con chim giấu chiếu trong cánh; Hoàng hồn say về chạng vạng; Lúa bá vai nhau chạy miết, Mây trốn đâu rồi chẳng biết ...)
- GV và HS cùng nhận xét, góp ý.	- HS thực hiện
=> Chốt: các từ chỉ sự vật và sử dụng biện pháp nhân hoá để câu văn thêm sinh động	
Bài 2. Đọc – hiểu	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu.
+ HS làm việc cá nhân: viết bài (dựa trên phần luyện nói ở bài tập 1)	- HS thực hiện.
Bài 3. Trao đổi bài làm với bạn để góp ý và chỉnh sửa bài cho nhau.	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu

+ Yêu cầu HS đọc thầm bài Hơn một nghìn ngày vòng quanh Trái Đất và thực hiện các yêu cầu. + Trao đổi bài nhóm đôi. - GV mời một số HS đọc bài	- HS thực hiện trao đổi bài nhóm đôi, nhận xét và góp ý, chỉnh sửa bài cho nhau.
- GV và cả lớp nhận xét, chốt đáp án	- Một số HS đọc một số bài trước lớp
- GV nhận xét, tuyên dương HS	- Đáp án: + Câu 1. Ngày 20 tháng 9 năm 1519 có sự kiện năm chiếc thuyền lớn ra khơi, khởi điều cuộc hành trình hơn một nghìn ngày vòng quanh Trái Đất. + Câu2. Ma - gien-lăng đặt tên cho đại dương mới tìm được là Thái Bình Dương (đáp án B). + Câu 3. Ma – gien- lăng đặt tên cho đại dương mới như vậy vì ông thấy nơi này rất yên bình (đáp án B). + Câu 4. Những khó khăn mà đoàn thám hiểm gặp phải: thức ăn cạn, nước ngọt hết, thuỷ thủ phải uống nước tiểu, phải ninh nhừ giày và thắt lưng da để ăn. + Câu 5. Đoàn thám hiểm của Ma-gien-lăng đã di theo hình trình như sau: Châu Âu - Đại Tây Dương- châu Mỹ- Thái Bình Dương- châu Á- Ấn Độ Dương + Câu 6. Những kết quả mà đoàn thám hiểm đã đạt được khẳng định

	Trái Đất hình cầu, phát hiện Thái Bình Dương và nhiều vùng đất mới. + Câu 7. Trong bài đọc có 8 danh từ riêng là Xê-vi-la, Tây Ban Nha, Ma-gien-lăng, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương, Ma-tan, Ấn Độ Dương, (châu) Âu. + Câu 8: Chủ ngữ: đoàn thám hiểm Vị ngữ: phát hiện một eo biển dẫn tới một đại dương mênh mông Trạng ngữ: khi tới gắn mỏm cực nam. + Câu 9: HS tự viết 1 câu. Yêu cầu: đúng ngữ pháp; đúng chủ đề (nói về Ma-gien-lăng) trong câu có thành phần trạng ngữ.
B. VIẾT	
+ Nêu yêu cầu?	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu
- Yêu cầu HS chọn 1 để trong 2 đề bài đã cho và viết bài.	- HS viết bài văn
- GV chọn thời gian thích hợp để chấm, chữa bài cho HS.	
3. Vận dụng, trải nghiệm:	
- Đọc một câu trong bài văn của em, trong đó có dùng biện pháp nhân hoá.	- HS đọc câu - Nhận xét
- Qua tiết học này em cảm nhận được điều gì?	- HS tự nêu cảm nhận.

- GV nhận xét tiết học.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU GIỜ DẠY (NẾU CÓ)

.....